

## BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

### Dự thảo Nghị định Quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-TL ngày /5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

<p><b>Tổng số ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương</b></p>	<p><b>Ban soạn thảo đã nhận được 97 ý kiến góp ý của Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, địa phương và các tổ chức, các nhân khác, cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>18/19 Bộ, ngành:</b> Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và công nghệ, Công Thương, Nội Vụ, Công An, Quốc Phòng, Y tế, Thông tin truyền thông; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Ngân hàng Chính sách Xã hội; Hội Nông dân Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.</li> <li>- <b>58/63 tỉnh, thành phố:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>UBND các tỉnh, thành phố (16):</b> Lạng Sơn, Điện Biên, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau;</li> <li>+ <b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố (42):</b> Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Quảng Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bạc Liêu.</li> </ul> </li> <li>- <b>12 Trung tâm Nước sạch và VSMTNT các tỉnh, thành phố:</b> Thái Nguyên, Hải Dương, Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Tháp.</li> <li>- <b>06 đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</b> Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, Tổng cục Phòng chống Thiên tai.</li> <li>- <b>03 tổ chức cá nhân khác:</b> Công ty Cổ phần nước sạch và VSNT tỉnh Nam Định, Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.</li> </ul>
<p><b>Các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo</b></p>	<p><b>Các bộ ngành:</b> Bộ Thông tin và truyền thông.</p> <p><b>Các tỉnh, TP:</b> Lai Châu; Hải Dương; Gia Lai; Bình Phước; Long An; Bến Tre; Hậu Giang; Đồng Tháp;</p> <p><b>Đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</b> Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính.</p>

**CHI TIẾT NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**A. DỰ THẢO TỜ TRÌNH**

<b>DỰ THẢO TỜ TRÌNH</b>	<b>DỰ THẢO SAU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>	<b>Ý KIẾN GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
<p><b>I. Cơ sở pháp lý:</b></p> <p>- Các Luật và văn bản pháp luật liên quan hiện chưa có điều khoản giao Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Tờ trình số 6139/TTr-BNN-TCTL ngày 08/9/2020 gửi Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>- Ngày 19/3/2022, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1707/VPCP-NN về việc xây dựng Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn, trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ ngành liên quan xây dựng nội dung Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trình Chính phủ trong tháng 11 năm 2022.</p>	<p><b>I. Cơ sở pháp lý:</b></p> <p>- Điều 34 Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội; Điều 43 quy định công dân có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 (Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, đặt ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch;</p> <p>- Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được phê duyệt tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017, trong đó tại Mục tiêu 6.1 “Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ, công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người”, mục b: Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế chính sách về cấp nước nông thôn, đảm bảo người dân được tiếp cận</p>	<p><b>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý gồm văn bản QPPL và các văn bản có liên quan làm cơ sở xây dựng Nghị định, đồng thời rà soát các chính sách liên quan đảm bảo đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp; bổ sung đánh giá kết quả thực hiện chính sách theo Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>- Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT làm rõ căn cứ tại dự thảo Tờ trình đối với việc sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn do Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên chưa bao gồm danh mục nước sạch.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung cơ sở pháp lý tại mục 1 phần I trong dự thảo Tờ trình.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu, không quy định chi tiết danh mục nước sạch là danh mục dịch vụ sự nghiệp công được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước, việc quy định danh mục thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 32/2019/NĐ-CP.</p> <p>Việc sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn được dẫn chiếu thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ</p>

	<p>đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sạch an toàn;</p> <p>- Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, tại số thứ tự 5 mục II của Phụ lục kèm theo Quyết định đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ ban hành “Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn”;</p> <p>- Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn vào tháng 6 năm 2023.</p>	<p><b>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:</b></p> <p>- Về căn cứ pháp lý, với phạm vi và các vấn đề dự thảo trong nội dung Nghị định, <i>cần rà soát, đề cập các luật có liên quan như Luật Tài nguyên nước (có quy định điều tra cơ bản tài nguyên nước gồm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước), Luật Thủy lợi (có quy định điều tra cơ bản thủy lợi), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (có quy định vấn đề xã hội hoá trong lĩnh vực cung cấp nước sạch) và các Nghị định có liên quan. Đặc biệt, cần làm rõ để bảo đảm tính thống nhất, không chồng chéo giữa phạm vi, các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định này với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.</i></p> <p>- Về căn cứ thực tiễn, <i>cần bổ sung thông tin về số lượng, tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung không do Nhà nước đầu tư, quản lý hiện nay; tình hình và xu hướng xã hội hoá các</i></p>	<p>công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát các luật có liên quan (nội dung rà soát trong báo cáo rà soát trong hồ sơ dự thảo) để đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo với phạm vi, nội dung quy định tại pháp luật liên quan.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo bổ sung về căn cứ pháp lý tại mục 1 phần I và cơ sở thực tiễn tại mục 2 phần I dự thảo tờ trình</p>
--	---	---	--

		<p><i>công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung để làm rõ các đối tượng, phạm vi dự kiến điều chỉnh của dự thảo Nghị định này.</i></p>	
		<p><b>3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:</b> Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung bảng giải trình các nội dung dự thảo Nghị định, dự thảo báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định, làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung nội dung giải trình trong dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách.</p>
<p><b>II. Mục đích quan điểm xây dựng Nghị định:</b> Hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý bền vững hoạt động cấp nước sạch nông thôn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và xây dựng nông thôn mới.</p>	<p><b>II. Mục đích quan điểm xây dựng Nghị định:</b> - Hoàn thiện quy định pháp luật tạo ra sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực cấp nước sạch, nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững; - Kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật về cấp nước sạch nông thôn.</p>	<p><b>Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT):</b> - Khoản 1 về Mục đích: đề nghị sửa lại thành “Hoàn thiện quy định pháp luật nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững”. - Khoản 2 về Quan điểm xây dựng Nghị định: bổ sung thêm nội dung “Đảm bảo các nội dung trong Nghị định không trùng lặp với các nội dung đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác”.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa nội dung dự thảo tờ trình</p>
<p><b>IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị định:</b> <b>1. Bố cục của dự thảo Nghị định</b></p>	<p><b>IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị định:</b> <b>1. Bố cục</b></p>	<p><b>1.Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT):</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung quy định</p>

<p>Dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn được xây dựng gồm 7 Chương, 46 Điều, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I “Quy định chung” gồm 12 Điều (từ Điều 1 đến Điều 12).</li> <li>- Chương II “Quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn gồm 5 mục, 20 Điều (từ Điều 13 đến Điều 32).</li> <li>- Chương III “Quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” gồm 03 Điều (từ Điều 33 đến Điều 35).</li> <li>- Chương IV “Chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sạch nông thôn” gồm 04 điều (từ Điều 36 đến Điều 39).</li> <li>- Chương V “Cơ sở dữ liệu và báo cáo cấp nước sạch nông thôn” gồm 02 Điều (từ Điều 40 đến Điều 41). <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI “Tổ chức thực hiện” gồm 03 Điều (từ Điều 42 đến Điều 44).</li> <li>- Chương VII “Điều khoản thi hành” gồm 02 điều (từ Điều 45 đến Điều 46).</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định</b></p> <p>a) Về tên của Nghị định:</p> <p>b) Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:</p>	<p>Dự thảo Nghị định Quy định cấp nước sạch nông thôn bao gồm 6 Chương, 36 Điều, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9);</li> <li>- Chương II: Quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (3 Mục và 16 Điều);</li> <li>- Chương III: Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ (từ Điều 26 đến Điều 28);</li> <li>- Chương IV: Cơ sở dữ liệu và báo cáo về cấp nước sinh hoạt nông thôn (từ Điều 29 đến Điều 31);</li> <li>- Chương V: Tổ chức thực hiện (từ Điều 32 đến Điều 33);</li> <li>- Chương VI: Điều khoản thi hành (từ Điều 34 đến Điều 36).</li> </ul> <p><b>2. Nội dung cơ bản</b></p> <p>Đơn vị soạn thảo đã tóm tắt những nội dung chính của dự thảo theo từng Chương, Điều, khoản và điểm. (chi tiết tại dự thảo Tờ trình sau tiếp thu chỉnh sửa).</p>	<p>- Điểm d và đ khoản 2: Nội dung chính của Nghị định: trong các chính sách đưa trong dự thảo Nghị định cần làm rõ những nội dung nào sửa đổi, bổ sung và những nội dung nào là chính sách mới.</p> <p>- Đề nghị đưa nội dung tại điểm g, khoản 2 vào khoản 2, phần II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định.</p> <p><b>2. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT):</b> Đề nghị rà soát mục IV của dự thảo Tờ trình để lược bỏ bớt các nội dung, chỉ nên tập trung vào bố cục và nội dung chính của văn bản.</p> <p><b>3. Bộ Tư pháp</b> Tại điểm d khoản 2 Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ (các nội dung đề xuất quy định trong đề nghị xây dựng Nghị định) có nội dung: “Về đầu tư xây dựng công trình cấp nước</p>	<p>đã ban hành, dự thảo chỉ quy định một số nội dung hiện nay đang có khoảng trống do văn bản đã ban hành chưa điều chỉnh, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý, bố cục lại nội dung (chỉ tóm tắt nội dung chính dự thảo Nghị định) phân tích nội dung cần quy định trong dự thảo đưa vào mục 2 Phần I, cơ sở thực tiễn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý lại nội dung mục "2. Nội dung cơ bản". Đối với các nội dung tại điểm d, đ khoản 2 dự thảo Tờ trình xin ý, đơn vị đã đưa vào Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.</li> </ul> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa như dự thảo Tờ trình.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Công trình cấp nước sạch tập trung là công trình có tính đặc thù, ngoài những quy định về quản lý xây dựng theo quy định pháp</p>
---	---	---	---

<p>c) Về nguyên tắc hoạt động cấp nước sạch nông thôn:</p> <p>d) Đối với các nội dung đề xuất quy định trong đề nghị xây dựng Nghị định:</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài 04 chính sách nêu trên được quy định bổ sung trong dự thảo Nghị định:</p> <p>e) Về Điều khoản thi hành:</p>		<p><i>tập trung nông thôn: do nội dung đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn đã được quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và pháp luật liên quan nên sẽ không quy định trong dự thảo Nghị định mặc dù có đề xuất xây dựng nội dung này trong đề nghị xây dựng Nghị định</i> Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật trên là những quy định chung trong lĩnh vực đầu tư công, đầu tư, xây dựng, không có quy định riêng đối với đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể hơn vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ.</p>	<p>luật về xây dựng, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung có những nguyên tắc, và yêu cầu riêng; vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị đưa một số nội dung về nguyên tắc và yêu cầu trong đầu tư xây dựng có tính đặc thù vào dự thảo Nghị định (Điều 6 dự thảo).</p>
<p><b>V. Dự kiến nguồn lực</b></p> <p>Sau khi Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn được thông qua, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện Nghị định, cụ thể như sau:</p> <p>Bố trí ngân sách để hỗ trợ đầu tư phát triển công trình cấp nước tập trung, hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình khoảng 150 tỷ/năm.</p> <p>Bố trí ngân sách để thực hiện chính sách trợ giá nước sạch khoảng 500 tỷ/năm.</p>	<p><b>V. Dự kiến nguồn lực</b></p> <p>Việc phân rõ cơ cấu nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương để thực hiện từng nhiệm vụ, dự án, xác định rõ nguồn vốn thực hiện đối với từng nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được quy định tại các Điều 36, 37, 38 của dự thảo Nghị định.</p> <p>(chi tiết tại dự thảo Nghị định sau tiếp thu chỉnh sửa).</p>	<p><b>1. Bộ Tài chính:</b></p> <p>- Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT phân rõ cơ cấu nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương để thực hiện từng nhiệm vụ, dự án, xác định rõ nguồn vốn thực hiện đối với từng nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (chi đầu tư/chi thường xuyên/chi từ nguồn hợp pháp khác).</p> <p>- Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung nội dung góp ý của đơn vị vào các Điều 26, 27, 28, 29, 30 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa quy định về nguồn vốn thực hiện các chính sách theo hướng phân cấp ngân sách hiện hành từ</p>

<p>Phổ biến pháp luật, truyền thông, nâng cao năng lực...trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn khoảng 70 tỷ/năm.</p> <p>Tổng nguồn lực dự kiến thực hiện các nhiệm vụ trên khoảng 720 tỷ/năm trong 07 năm từ năm 2023 đến năm 2030.</p>		<p>giai đoạn sau để thực hiện các chính sách, đánh giá khả năng thực hiện chính sách, không ban hành chính sách khi không cân đối được nguồn vốn theo đúng quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.</p>	<p>ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, vốn/ngành lĩnh vực, các chương trình, dự án liên quan, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện như tại Điều 26, 27, 28, 29, 30 của dự thảo Nghị định. Việc quy định như vậy sẽ tạo sự linh hoạt trong huy động nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ có cùng mục tiêu.</p>
		<p><b>2. Bộ Tư pháp</b></p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ, toàn diện nguồn lực để đảm bảo thi hành Nghị định, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn sau để thực hiện chính sách, đánh giá khả năng thực hiện chính sách, không ban hành chính sách khi không cân đối được nguồn vốn theo đúng quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.</p> <p>- Dự thảo Tờ trình đã thể hiện nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định “<i>Bố trí ngân sách để hỗ trợ đầu tư phát triển công trình</i>”</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Tờ trình</p>

		<p><i>cấp nước tập trung, hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình 150 tỷ đồng/năm; bố trí ngân sách để thực hiện chính sách trợ giá nước sạch khoảng 500 tỷ đồng; phổ biến pháp luật, truyền thông, nâng cao năng lực 70 tỷ đồng/năm. Tổng nguồn lực dự kiến thực hiện các nhiệm vụ khoảng 720 tỷ đồng trong 7 năm (từ năm 2023 đến năm 2030)". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân rõ cơ cấu nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương để thực hiện từng nhiệm vụ, dự án, xác định rõ nguồn vốn thực hiện đối với từng nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (chi đầu tư/chỉ thường xuyên/chi từ nguồn hợp pháp khác).</i></p>	
<p><b>Một số nội dung khác trong dự thảo Tờ trình</b></p>		<p><b>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ nội hàm, sự khác nhau của khái niệm “nước sạch nông thôn” và “nước sinh hoạt nông thôn”, lý do đổi tên dự thảo Nghị định ngay trong phần mở đầu Tờ trình và sử dụng thống nhất 01 cụm từ trong toàn dự thảo.</li> <li>- Đề nghị làm rõ mối liên hệ giữa kế hoạch cấp nước an toàn quy định tại Điều 25 của dự thảo với các quy hoạch hiện hành liên quan đến cấp</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát thống nhất để tên của Nghị định là "Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn" để đảm bảo thống nhất với nội dung quy định trong dự thảo Nghị định.</li> <li>- Cơ quan soạn thảo giải trình như sau: Quy định thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn là kế hoạch các hoạt động kỹ</li> </ul>



		nước khu vực nông thôn để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.	thuật cần phải thực hiện để đảm bảo sản xuất, cung ứng nước an toàn, liên tục, ổn định, giảm thiểu, phòng ngừa, xử lý các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cấp nước. Do đó không liên quan đến các quy hoạch hiện hành.
		<p><b>2. Bộ Tài chính</b>          Tại điểm d khoản 2 Mục IV của dự thảo Tờ trình:          Đối với vốn đầu tư công, đề nghị rà soát về trình tự, thủ tục kiểm soát, thanh toán vốn cho nhiệm vụ, dự án, công trình cấp nước tập trung nông thôn, trường hợp không có đặc thù, đề nghị bổ sung quy định về việc kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Đối với các nội dung tại điểm d, đ khoản 2 dự thảo Tờ trình xin ý, đơn vị đã đưa vào Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.          Nội dung tại khoản 2 sẽ chỉ tóm tắt nội dung chính của Nghị định.          - Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa nội dung tại Điều 26 dự thảo Nghị định.</p>
<b>B. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</b>			
<b>I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b>			
<b>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</b>	<b>DỰ THẢO SAU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>	<b>Ý KIẾN GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
<b>1. Sự cần thiết ban hành Nghị định</b>		<p><b>1. Bộ Y tế</b>          Nghị định quy định cấp nước sinh hoạt nông thôn nên được lồng ghép và để bổ sung vào Nghị định số</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo đã rà soát, cân nhắc sự cần thiết đối với đề xuất xây dựng</p>

		<p>117/2007/NĐ-CP sửa đổi những quy định phát sinh trong thực tế mà Nghị định số 117/2007/NĐ-CP chưa đề cập.</p>	<p>Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn, nội dung dự thảo Nghị định đã được rà soát để đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo với các quy định liên quan trong đó có Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và đã được Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định tại Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị trong đó có nội dung giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ ban hành “Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn”.</p>
<p><b>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>          Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT cân nhắc kỹ lưỡng và chịu trách nhiệm trước Chính phủ việc đề xuất Nghị định. Bộ NN&amp;PTNT cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong quá trình nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011.</p>			
<p><b>3. Bộ Tư Pháp</b>          Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định và các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua để xác định: (i) nội dung nào quy định chi tiết các chính sách</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bán sát những nội dung các chính sách mà đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua và có báo cáo đánh giá tác động chính sách</p>		

		<p>đã được thông qua; (ii) nội dung nào quy định ngoài các chính sách đã được thông qua; (iii) và nội dung nào thuộc các chính sách đã được thông qua mà chưa quy định (hoặc chưa quy định đầy đủ) tại dự thảo Nghị định, từ đó có giải trình (và đánh giá tác động) đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.</p>	<p>đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>
<p><b>2. Tên Nghị định</b> “Nghị định quy định về cấp nước sạch nông thôn”</p>	<p><b>2. Tên Nghị định</b> “Nghị định Quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn”</p>	<p><b>Bộ Kế hoạch và ĐT, Ninh Bình, Bạc Liêu, Quảng Bình, Bình Định, Bộ Công Thương, Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT), Cao Bằng, Phú Yên, Bộ Tài nguyên và MT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị đổi tên của Nghị định thành “Nghị định quy định về cấp nước sạch nông thôn” để đảm bảo tên của Nghị định khớp với nội dung của Nghị định.</li> <li>- Đề nghị sửa tên Nghị định thành: Phương án 1: “Nghị định quy định về cấp nước <i>sạch</i> sinh hoạt nông thôn”. Phương án 2: “Nghị định quy định về cấp nước <i>sạch khu vực</i> nông thôn”.</li> <li>- Đề nghị rà soát thống nhất cụm từ “nước sạch nông thôn” và “nước sinh hoạt nông thôn” trong tên và toàn nội dung dự thảo Nghị định.</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát thống nhất đề tên của Nghị định là "Nghị định Quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn" để đảm bảo thống nhất với nội dung quy định trong dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

<p><b>3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về cấp nước sạch nông thôn liên quan đến điều tra cơ bản; quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn tại Việt Nam.</p>	<p><b>3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về một số nội dung trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm: Điều tra cơ bản; đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>	<p>Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT bổ sung các nội dung về việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, quản lý các công trình cấp nước trong trường hợp thiên tai, biến đổi khí hậu chưa được thể hiện rõ tại dự thảo Nghị định vì theo Bộ NN&amp;PTNT, việc ban hành Nghị định nhằm bổ sung một số nội dung còn thiếu của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 14/6/2022 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch.</p> <p><b>2. Bộ Tài chính</b> Đề nghị Bộ NN&amp;PTNT rà soát đảm bảo quy định tại dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn không bị trùng lặp với nội dung đã được quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ; từ đó, đề nghị làm rõ công trình cấp nước tập trung nông thôn có là một phần của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP hay không, đồng thời đề nghị bổ sung quy định về giới hạn phạm vi điều chỉnh của Nghị định này để rà soát tránh trùng lặp hoặc chồng chéo các quy định</p>	<p>Cơ quan soạn thảo đã rà soát và kiến nghị không quy định nội dung tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế trong dự thảo Nghị định để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Điều 25, 26 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đã rà soát nội dung của dự thảo Nghị định đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với nội dung Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 (nội dung này đã được làm rõ tại báo cáo rà soát và đánh giá tác động chính sách). Đồng thời, đã làm rõ định nghĩa về công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị định, theo đó, công trình cấp nước sạch tập trung do</p>
--	---	---	--

		<p>trong việc quản lý, khai thác các công trình này.</p>	<p>Nhà nước đầu tư và quản lý là một phần của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; đồng thời để tránh trùng lặp, chồng chéo với phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, cơ quan soạn thảo đã đề xuất phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định như tại Điều 1 của dự thảo:</p> <p><i>"Nghị định này quy định về một số nội dung trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm: Điều tra cơ bản; đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn"</i></p>
		<p><b>3. Bộ Xây dựng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung trùng lặp, chồng chéo với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.</li> <li>- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Dự thảo Nghị định quy định trùng với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về các hoạt động</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất, không chồng chéo với quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.</p>

		<p>quản lý, đầu tư, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, các nhân liên quan đến các hoạt động này.</p>	
		<p><b>4. Bộ Tài nguyên và MT, TP.Hà Nội</b>          Cần sửa đổi, bổ sung để làm rõ mục tiêu quản lý hướng đến là các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; bảo đảm cụ thể, rõ ràng, không chồng chéo với phạm vi, đối tượng điều chỉnh của các Nghị định liên quan (Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP...).</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất, không chồng chéo với quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.</p>
		<p><b>5. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b>          - Đề nghị chỉnh sửa theo hướng bám sát với các chính sách tại đề nghị xây dựng Nghị định và nội dung của dự thảo Nghị định.          - Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là “<i>hộ gia đình</i>” vì hộ gia đình là chủ thể của công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng bám sát với các chính sách tại đề nghị xây dựng Nghị định.          - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung đối tượng áp dụng “<i>hộ gia đình</i>” vào phạm vi điều chỉnh.</p>
		<p><b>6. Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT)</b>          Đề nghị sửa đổi thành: “Nghị định này quy định về cấp nước sạch nông thôn liên quan đến điều tra cơ bản; quản lý, vận hành, khai thác và sử</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như Điều 1 dự thảo Nghị định.</p>

		<p><i>dụng công trình cấp nước sạch nông thôn; chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sạch nông thôn; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn”</i></p>	
		<p><b>7. Thành phố Hải Phòng</b>          Đề nghị bổ sung, sửa đổi thành:          “Nghị định này quy định về <i>hoạt động cấp nước sạch nông thôn; các hoạt động</i> liên quan đến điều tra cơ bản, quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, <i>bán buôn, bán lẻ nước sạch nông thôn</i>”. Lý do để đảm bảo bao quát hết toàn bộ hoạt động cấp nước sạch nông thôn vì thực tế tại các địa phương hiện nay, khu vực nông thôn được cấp nước từ các nguồn: (1) các nhà máy nước đặt tại khu vực nông thôn; (2) các nhà máy nước đô thị cấp bổ sung cho khu vực nông thôn; (3) các nhà máy nước từ các khu công nghiệp cấp bổ sung cho khu vực nông thôn.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý như Điều 1, 2 dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>8. Bộ Tư pháp</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

		<p>1. Rà soát kỹ lưỡng và chỉ quy định những vấn đề không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và bổ sung các quy định còn thiếu phục vụ công tác quản lý nhà nước về nước sinh hoạt nông thôn. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định đảm bảo: (i) phù hợp, thống nhất với những chính sách đã đề xuất tại Tờ trình số 6139/TTr-BNN-TCTL của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ; (ii) không chồng chéo, trùng lặp về quản lý, sử dụng khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP và Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; (iii) phân tích làm rõ hơn công trình cấp nước tập trung nông thôn có là một phần của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP hay không?</p> <p>2. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp tục rà soát kỹ, nhận diện chính xác phạm vi, nội hàm các nhóm cơ chế, chính sách khuyến khích cần quy</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo đã rà soát, và bám sát vào những chính sách đã đề xuất tại Tờ trình của Bộ trình Chính phủ, rà soát toàn bộ nội dung dự thảo để đảm bảo thống nhất, không chồng chéo với quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và chỉnh sửa như Điều 1 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đã rà soát và đã làm rõ định nghĩa về công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị định, theo đó, công trình cấp nước sạch tập trung do Nhà nước đầu tư và quản lý là một phần của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nhận diện chính xác phạm vi, nội hàm các nhóm cơ chế,</p>
--	--	---	---



		<p>định trong dự thảo Nghị định, làm rõ mối quan hệ giữa dự thảo Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, thứ tự ưu tiên áp dụng chính sách (nếu có). Trong mọi trường hợp, các quy định trong dự thảo Nghị định cần thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp với các quy định hiện hành (hoặc quy định đang trong quá trình xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành).</p> <p>3. Về đối tượng điều chỉnh, dự thảo Nghị định vẫn áp dụng đối với “hộ gia đình”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hộ gia đình (Điều 101 đến Điều 104) (cũng như bám sát dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)) để có quy định rõ về đối tượng áp dụng là “hộ gia đình” cho phù hợp, hạn chế vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.</p>	<p>chính sách khuyến khích cần quy định trong dự thảo Nghị định và làm rõ mối quan hệ giữa dự thảo Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo dự thảo Nghị định thống nhất, đồng bộ, không trùng lặp với các quy định hiện hành.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu rà soát để quy định nội dung bám sát và phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hộ gia đình và Luật Đất đai sửa đổi.</p>
<p><b>4. Về rà soát với các quy định liên quan đến tài nguyên nước, cấp nước sạch nông thôn; Các văn bản pháp luật có liên quan</b></p>		<p><b>1. Bộ Công Thương</b></p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì <i>rà soát nội dung của dự thảo Nghị định với dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước</i> do Bộ Tài nguyên Môi trường xây dựng để tránh chồng chéo với quy định liên quan đến khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tránh chồng chéo với quy định hiện hành của pháp luật về nguyên nước.</p> <p>- Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi, Bộ Nông</p>

		<p>Đồng thời chủ trì rà soát, phối hợp với cơ quan xây dựng dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi để đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và ổn định của hệ thống pháp luật liên quan đến tài nguyên nước, cụ thể <i>rà soát các nội dung quy định về đảm bảo an ninh nguồn nước, hạn chế thất thoát nước trong hệ thống cấp nước, quy hoạch tài nguyên nước...trong dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi.</i></p>	<p>ngiệp và PTNT đã giao Cục Thủy lợi rà soát, tham giá ý kiến góp ý vào dự thảo để đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và ổn định của hệ thống pháp luật liên quan đến tài nguyên nước.</p>
		<p><b>2. Bộ Xây dựng</b>          Đề nghị rà soát lại các quy định tại Điều 4,5,7,9 trong dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quan điểm “<i>Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>” được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, bảo đảm công trình cấp nước sạch được đầu tư, khai thác có hiệu quả và bền vững.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát các quy định tại dự thảo nhằm đảm bảo phù hợp với quan điểm “<i>Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>”.</p>
		<p><b>3. Bộ Tư pháp</b>          Nội dung dự thảo Nghị định liên quan đến các luật như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Giá; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát nội dung dự thảo Nghị định với các luật và các văn bản pháp luật có liên quan, rà soát các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện các chính</p>

		<p>phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung dự thảo Nghị định với các luật và các văn bản pháp luật có liên quan nêu trên, rà soát các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện các chính sách cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.</p>	<p>sách cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Nội dung cụ thể tại báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị định.</p>
<p><b>5. Về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, thanh tra, kiểm tra</b></p>		<p><b>1. Bộ Tài chính</b> Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT căn cứ vào quy định liên quan đến thực hiện Chương trình MTQG xây</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và rà soát các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về cấp nước sạch</p>

		<p>dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, rà soát các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện các chính sách cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.</p>	<p>nông thôn trong dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách TW trong chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.</p>
		<p><b>2. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> Đề nghị xem xét quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ và bố trí kinh phí thực hiện bảo đảm khả thi khi ban hành.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa bổ sung tại các Điều 26, 27, 28 dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>3. Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT), Thái Bình</b> - Không đưa Điều 6 và Điều 7 vào Chương I và gộp vào thành một Chương hoặc một Mục vì đây là một nội dung điều chỉnh quan trọng của Nghị định.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> - Nội dung quy định về điều tra cơ bản tại Điều 6 dự thảo có tính chất bao quát cho toàn bộ nội dung quy định trong dự thảo vì vậy Cơ quan soạn thảo kiến nghị quy định nội dung tại Chương Quy định chung. - Sau khi rà soát nội dung quy định tại Điều 7 phương án phát triển mạng lưới cấp nước, Cơ quan soạn thảo không quy định vào dự thảo, do nội dung này đã được đưa vào quy hoạch tỉnh.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Chương IV: cần cụ thể hoá các nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ trong từng chính sách để các địa phương áp dụng.</li> <li>- Không đưa Điều 39 vào nội dung của Chương IV mà hình thành một Chương “Kinh phí thực hiện” bao gồm: Nguồn vốn thực hiện và cơ chế thực hiện.</li> <li>- Nghiên cứu bổ sung thêm nội dung về thanh tra, kiểm tra và xử lý sai phạm trong việc quản lý, khai thác, sử dụng cấp nước sạch nông thôn.</li> <li>- Đề nghị bổ sung các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn và các quy định trong việc xử lý các vi phạm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như Điều 26, 27, 28 dự thảo Nghị định.</li> <li>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này vào dự thảo hoặc giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện về kinh phí.</li> <li>- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan thanh tra chuyên ngành, UBND các cấp, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cấp nước chưa có Nghị định quy định về nội dung này, việc xử phạt hiện thực hiện tùy theo các hành vi vi phạm pháp luật khác nhau phù hợp với quy định của Nghị định nào sẽ xử phạt theo quy định của lĩnh vực đó (hiện nay có một số Nghị định về xử phạt liên quan như NĐ 117/2009/NĐ-CP, Nghị định xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, Nghị định xử phạt trong lĩnh vực môi trường...</li> </ul>
--	--	--	---

		<p><b>4. Thành phố Hà Nội</b>          Đề nghị trong quá trình hoàn thiện cần xem xét các nội dung quy định hiện hành tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn triển khai của các tỉnh, thành phố để đưa ra các cơ chế hỗ trợ cho phù hợp.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát, xem xét các nội dung quy định hiện hành để đưa ra cơ chế hỗ trợ phù hợp trong dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>5. Yên Bái, Lâm Đồng</b>          - Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, tham mưu với Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có <i>chính sách hỗ trợ cấp bù giá nước cho các tỉnh nghèo, vùng sâu, vùng xa từ nguồn ngân sách trung ương.</i>           - Đề nghị bổ sung thêm nội dung “<i>Có chính sách hỗ trợ cấp bù giá nước đối với các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn</i>”.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          - "Chính sách hỗ trợ cấp bù giá nước cho các tỉnh nghèo, vùng sâu, vùng xa từ nguồn ngân sách trung ương" và "chính sách hỗ trợ cấp bù giá nước đối với các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn" đã được quy định tại Điều 26, 27, 28 của dự thảo Nghị định, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p>
		<p><b>6. Bắc Kạn</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

		<p>Đề nghị Chính phủ có <i>chính sách hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác và duy tu, bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn đối với các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>. Do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, nguồn nước khan hiếm, dân cư thưa thớt, công tác quản lý sau đầu tư không phát huy hết hiệu quả, không thu được tiền sử dụng nước, dẫn đến không có kinh phí duy tu, bảo trì và quản lý vận hành.</p>	<p>Các chính sách về cấp bù giá nước sạch nông thôn đã được quy định tại các Điều 26, 27, 28 của dự thảo đã bao gồm cả hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>7. Bộ Tư pháp</b> Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát với các văn bản pháp luật có liên quan về quy hoạch, đầu tư, tài chính, tín dụng, ngân sách, tài nguyên nước, đất đai để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Dự thảo Nghị định chỉ nên đưa ra các cơ chế, chính sách phát triển mới, chưa được quy định hoặc đã quy định nhưng chưa rõ trong các văn bản pháp luật có liên quan, cần được làm rõ tại dự thảo Nghị định này để có cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện triển khai thực hiện.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> - Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh lý dự thảo để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.  - Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và chỉnh lý hoàn thiện dự thảo đảm bảo cơ chế, chính sách quy định tại dự thảo không trùng lặp và chưa được quy định và đã quy định nhưng chưa rõ trong các văn bản pháp luật có liên quan.</p>

<p><b>6. Về lựa chọn đơn vị cấp nước và nhà đầu tư thực hiện dự án cấp nước</b></p>		<p><b>Thành phố Hà Nội</b> Về lựa chọn đơn vị cấp nước và nhà đầu tư thực hiện dự án cấp nước (Điều 9 của dự thảo): Đề nghị trong quá trình hoàn thiện cần xem xét các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất trong triển khai thực hiện.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và không đưa nội dung này vào dự thảo, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.</p>
<p><b>7. Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh</b></p>		<p><b>Bắc Kạn</b> Đề nghị quy định cụ thể tại Nghị định đối với nội dung quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 36, 37, 38 để áp dụng ngay hoặc giao các Bộ ngành hướng dẫn dẫn cụ thể để áp dụng có xem xét đến tính chất vùng, đặc thù để quy định mức hỗ trợ (vì khi giao cấp tỉnh quy định sẽ có thể có bất cập về tính thống nhất trong vùng, khu vực, nhiều thủ tục khi xây dựng chính sách...).</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được quy định tại Điều 33 của dự thảo Nghị định, vì vậy Cơ quan soạn thảo không chỉnh sửa quy định này.</p>
<p><b>8. Về các quy định, yêu cầu đối với công trình cấp nước sạch nông thôn</b></p>		<p><b>Quảng Ngãi, Bắc Kạn</b> - Đề nghị xem xét quy định về “Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” trong dự thảo Nghị định thống nhất với quy định về “Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ...” tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022. -</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bỏ nội dung quy định về quản lý, sử dụng công trình quy mô cấp nước hộ gia đình. Việc quản lý đối với công trình cấp nước hộ gia đình sẽ chỉ yêu cầu về nội dung dữ liệu báo cáo tại</p>



		<p>- Đề nghị không tính khấu hao công trình đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có quy mô nhỏ đối với các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để giảm giá thu tiền cấp nước vì công trình cấp nước sạch nông thôn tại các tỉnh miền núi có chi phí đầu tư lớn, trong khi số hộ hưởng lợi ít dẫn đến giá thành nước sạch cao so với khả năng chi trả của các hộ dân.</p>	<p>Chương IV và Điều 30 Hồ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hiện nay giá tiêu thụ nước sạch là do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, thu nhập của người dân và thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch của các đơn vị cấp nước trên địa bàn trong từng thời kỳ.</p>
<p><b>9. Về thống nhất các từ ngữ trong dự thảo</b></p>		<p><b>Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ngãi, Phú Yên</b></p> <p>- Góp ý của Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ngãi: đề nghị sửa cụm từ “Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” thành “Công trình cấp nước sạch hộ gia đình”; sửa cụm từ “Công trình cấp nước tập trung nông thôn” thành “Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung” để đảm bảo đồng nhất với Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Góp ý của Phú Yên: đề nghị thống nhất xuyên suốt tên gọi công trình cấp nước trong Nghị định là: “Công</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- “Công trình cấp nước sạch hộ gia đình” là “công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” có nước sau xử lý đạt chuẩn, như vậy sử dụng cụm từ “công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” tại dự thảo Nghị định sẽ bao quát được hết các công trình.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và thống nhất sử dụng cụm từ sau: “Cấp nước sinh hoạt</p>

		trình cấp nước sạch sinh hoạt nông thôn” và “công trình cấp nước sạch sinh hoạt nông thôn tập trung”.	nông thôn”, “công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung” và “công trình cấp nước quy mô hộ gia đình” trong dự thảo Nghị định.
<b>10. Các nội dung khác</b>		<p><b>Bộ Tư pháp</b></p> <p>1. Tại Tờ trình số 6139/TTr-BNN-TCTL ngày 08/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đề nghị xây dựng Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất 04 chính sách: (i) Chính sách 1 “Nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn”; (ii) Chính sách 2 “Quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình”; (iii) Chính sách 3 “Cấp nước an toàn và quản lý rủi ro cho cấp nước nông thôn trong trường hợp thiên tai, biến đổi khí hậu”; (iv) Chính sách 4 “Cơ chế tài chính và chính sách ưu đãi trong cấp nước nông thôn”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại các chính sách nêu trên và các nội dung tại dự thảo Nghị định để đảm bảo nội dung của dự thảo Nghị định quy định đầy đủ, chính xác, đúng như chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Văn bản số 1707/VPCP-NN về việc xây</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, phối hợp với cơ quan liên quan rà soát, chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo Nghị định, Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính:</p>

		<p>dụng Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>2. Dự thảo Nghị định còn nhiều vấn đề về nội dung cần hoàn thiện đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục phối hợp, thống nhất nội dung với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định, Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính, Báo cáo về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan và các tài liệu có liên quan. Trong đó lưu ý một số vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.</li> <li>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày</li> </ul>	
--	--	--	--

		14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ: đề nghị rà soát để thống nhất các cụm từ “các cơ quan, tổ chức, cá nhân, và hộ gia đình” tại Điều 1; “các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước” tại Điều 2; “tổ chức, đơn vị” tại khoản 8 Điều 3; “tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước” tại Khoản 9 Điều 3; “tổ chức, cá nhân, hộ gia đình” tại khoản 13 Điều 3.	
<b>II. CÁC Ý KIẾN CỤ THỂ ĐỐI VỚI NỘI DUNG QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO</b>			
<b>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</b>	<b>DỰ THẢO SAU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>	<b>Ý KIẾN GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
<b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về cấp nước sạch nông thôn liên quan đến điều tra cơ bản; quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về một số nội dung trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm: Điều tra cơ bản; đầu tư xây dựng công trình; quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ; cơ sở dữ liệu, báo cáo.		<b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi rà soát Ban soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau: - Bổ sung cụm từ " về một số nội dung trong lĩnh vực" do một số quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn đã được quy định ở một số văn bản khác; - Bổ cục lại các nội dung các quy định được đưa vào dự thảo cho phù hợp với thực tiễn.

<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn tại Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>		<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi rà soát Cơ quan soạn thảo đã bổ sung các cụm từ: "tổ chức, cá nhân nước ngoài" và "hộ gia đình" nhằm bảo bao quát được hết các đối tượng áp dụng quy định này.</p>
<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b> Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Hoạt động cấp nước sạch nông thôn</i> bao gồm các hoạt động liên quan đến điều tra cơ bản, đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch nông thôn.</p> <p>2. <i>Nước sạch</i> là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của con người.</p> <p>3. <i>Khu vực nông thôn</i> là khu vực có địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố.</p> <p>4. <i>Công trình cấp nước sạch nông thôn</i> là công trình cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn, bao gồm 2 loại hình: công trình cấp nước sạch tập trung</p>	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b> Trong nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Cấp nước sinh hoạt nông thôn</i> là hoạt động cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt của người dân ở khu vực nông thôn.</p> <p>2. <i>Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</i> là công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có chất lượng nước sau xử lý đạt quy chuẩn, cấp nước cho quy mô từ cấp thôn, bản, làng, xóm, ấp hoặc tương đương trở lên.</p> <p>3. <i>Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</i> là công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do hộ gia đình tự khai thác, xử lý nước để cấp cho một, một vài hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình.</p> <p>4. <i>Nước sạch đạt quy chuẩn</i> (sau đây gọi là nước sạch) là nước có các thông số chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.</p>	<p><b>1. Bộ Tài nguyên và MT, Bộ Xây dựng</b> - Rà soát phần giải thích các từ ngữ tại Điều 3 của Dự thảo để bảo đảm tính đồng bộ với các từ ngữ tương tự đã được giải thích trong các Luật, Nghị định hiện hành quy định trong lĩnh vực thủy lợi, đầu tư, tài chính, xây dựng... - Hầu hết các khái niệm của Dự thảo Nghị định trùng lặp và không thống nhất với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP như: hoạt động cấp nước sạch nông thôn, nước sạch, khu vực nông thôn, công trình nước sạch nông thôn, công trình cấp nước tập trung nông thôn, vùng phục vụ cấp nước, đơn vị cấp nước nông thôn.</p> <p><b>2. Tây Ninh</b> Đề nghị xem xét bổ sung vào Điều 3 cụm từ “Điểm đầu nối cấp nước được xác định trong phạm vi từ đường ống dịch vụ cấp nước đến vị</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát phần giải thích các từ ngữ tại Điều 3 của dự thảo đảm bảo đồng bộ với các từ ngữ tương tự trong văn bản pháp luật hiện hành.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cụm từ “Điểm đầu nối cấp nước được xác định trong phạm vi từ đường ống dịch vụ cấp nước đến vị trí ranh</p>

<p>nông thôn và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p> <p>5. Công trình cấp nước tập trung nông thôn là công trình cấp nước sinh hoạt cho quy mô dân số từ cấp thôn, bản, ấp với công suất cấp nước từ 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, điều hòa và phân phối nước đến các hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử dụng nước ở khu vực nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan.</p> <p>6. Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình cấp nước sinh hoạt trong phạm vi hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, có công suất cấp nước dưới 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm như giếng đào, giếng khoan đường kính nhỏ, lu, bể chứa nước, công trình cấp nước tự chảy có công nghệ xử lý nước đơn giản và các hình thức trữ nước khác.</p> <p>7. Vùng phục vụ cấp nước là khu vực có ranh giới xác định mà đơn vị cấp nước sạch nông thôn có nghĩa vụ cung cấp nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước trong khu vực đó.</p> <p>8. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn là tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn đối với công trình sử dụng vốn Nhà nước và chịu trách nhiệm sản xuất, cung cấp nước</p>	<p>5. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân quản lý khai thác) là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý, sản xuất, vận hành, truyền dẫn, duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung.</p> <p>6. Bảo đảm cấp nước an toàn là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lưu lượng, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định và kiểm soát được các loại rủi ro trong toàn hệ thống từ nguồn nước tới người sử dụng.</p> <p>7. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh).</p>	<p>trí ranh giới sử dụng đất hoặc chân tường rào của khách hàng”.</p> <p><b>3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Sóc Trăng, Bình Định, Phú Yên, Lạng Sơn, Tây Ninh</b>  <u>Khoản 2:</u> đề nghị điều chỉnh khái niệm nước sạch thành như sau: “Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của con người.”</p> <p><b>4. Thái Bình, Hải Phòng, Tây Ninh, Đắk Lắk, Quảng Bình, Thanh Hóa, Cần Thơ, Bà Rịa VT, Phú Thọ, Bình Định, Phú Yên, Bộ Nội Vụ.</b>  <u>Khoản 3:</u>  - Đề nghị điều chỉnh khái niệm vùng nông thôn thành như sau: “Khu vực nông thôn là khu vực có địa giới hành chính không bao gồm địa bàn</p>	<p>giới sử dụng đất hoặc chân tường rào của khách hàng” đã được giải thích trong Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, vì vậy Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung này vào dự thảo.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa thành “Nước sạch đạt quy chuẩn (sau đây gọi là nước sạch) là nước có các thông số chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.”</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  - Sau khi rà soát Cơ quan soạn thảo không đưa khái niệm “Khu vực nông thôn” do khái niệm này đã được quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP nhằm đảm</p>
---	---	---	--

<p>sạch đến khách hàng sử dụng nước; hoặc tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn để sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>9. <i>Nhà đầu tư</i> là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự bỏ vốn toàn bộ hoặc một phần để đầu tư, xây dựng và quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; bao gồm: doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>10. <i>Bảo đảm cấp nước an toàn</i> là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lưu lượng, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định và kiểm soát được các loại rủi ro trong toàn hệ thống từ nguồn nước tới người sử dụng.</p> <p>11. <i>Giá thành sản xuất nước sạch</i> là giá tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý của toàn bộ quá trình đầu tư, sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn.</p> <p>12. <i>Giá tiêu thụ nước sạch</i> là giá nước sạch khách hàng phải trả cho đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp xác</p>		<p>phường, <b>thị trấn</b> thuộc thị xã, quận, <b>huyện</b> và thành phố.”</p> <p>- Rà soát để tránh trùng lặp với khoản 1 Điều 3 “Vùng nông thôn” tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>- Rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và các quy định khác có liên quan.</p> <p><b>5. Thái Bình, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, Cần Thơ, Quảng Bình, Tiền Giang:</b> <u>Khoản 4:</u> đề nghị chỉnh sửa khái niệm về công trình cấp nước sạch nông thôn để phân biệt với công trình cấp nước sạch tại khu vực đô thị, cấp nước cho cả đô thị và nông thôn, đảm bảo quy định cả đối với công trình có đầy đủ các hạng mục của công trình cấp nước tập trung nhưng có công suất dưới 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p><b>6. Quảng Trị, Cần Thơ, Lâm Đồng, Quảng Bình</b> <u>Khoản 5:</u> đề nghị nghiên cứu điều chỉnh lại mức công suất quy định đối với công trình cấp nước tập trung để tránh trường hợp các công trình cấp nước tập trung có công suất dưới 100</p>	<p>bảo không chồng chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đã tiến hành rà soát dự thảo đối với Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật khác, hiện nay chưa phát hiện có sự chồng chéo.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng quy định rõ khái niệm “<i>Cấp nước sinh hoạt nông thôn</i>”, “<i>công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</i>” và “<i>công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</i>” trong dự thảo Nghị định..</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa khái niệm “<i>công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</i>” theo hướng không quy định công suất cụ thể.</p>
---	--	--	--

<p>định giá tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn.</p> <p>13. <i>Khách hàng sử dụng nước</i> là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình mua nước sạch của đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>14. <i>Bảo trì công trình</i> là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.</p>		<p>m<sup>3</sup>/ngày đêm sẽ là công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p>	
		<p><b>7. Bình Định, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Hải Phòng, Cần Thơ, Phú Thọ:</b>  <u>Khoản 7:</u> đề nghị chỉnh sửa khái niệm vùng phục vụ cấp nước để phù hợp cho các đơn vị cấp nước ở đô thị và nông thôn hoặc bổ sung nội dung để tránh quy định lại khái niệm này tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP hoặc quy định cụ thể khu vực có ranh giới xác định trong vùng phục vụ cấp nước.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP và đảm bảo quan điểm vùng phục vụ cấp nước không phân biệt địa giới hành chính.</p>
		<p><b>8. Bình Định, Hải Phòng</b>  <u>Khoản 8:</u> đề nghị bổ sung vào khái niệm đơn vị cấp nước sạch nông thôn nội dung quy định các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động bán buôn, bán lẻ nước sạch để đảm bảo phù hợp với thực tế có nhiều tổ chức, cá nhân không quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn nhưng có hoạt động cấp nước cho khu vực nông thôn (các tổ chức quản lý nhà máy nước đô thị hoặc trong khu công nghiệp cấp bổ sung cho khu vực nông thôn).</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và không đưa vào dự thảo khái niệm đơn vị cấp nước sạch nông thôn.</p>
		<p><b>9. Quảng Bình, Bình Định</b>  <u>Khoản 9:</u> đề nghị sửa đổi khái niệm “Nhà đầu tư” để không giới hạn</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Sau khi rà soát Cơ quan soạn không quy định khái</p>



		<p>phạm vi hoạt động của các cá nhân, tổ chức.</p>	<p>niệm “Nhà đầu tư” để tránh việc quy định lại với khái niệm đã quy định tại Luật Đầu tư.</p>
		<p><b>10. Cần Thơ</b>  <u>Khoản 10:</u> Đề nghị bổ sung <i>Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể các nội dung, biện pháp, trình tự, thủ tục nhằm thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn quốc để tiến tới công nhận các hệ thống cấp nước nông thôn đáp ứng đủ điều kiện đảm bảo cấp nước an toàn (quy định về biểu mẫu, quy trình, nội dung thực hiện cấp nước an toàn...để thống nhất thực hiện trong toàn quốc cho các hệ thống cấp nước sạch nông thôn thực hiện).</i></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn với phạm vi điều chỉnh của Thông tư là hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn, trong đó có quy định các biểu mẫu, quy trình, nội dung thực hiện cấp nước an toàn nông thôn. Vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p>
		<p><b>11. Cần Thơ, Phú Yên, Bộ Tài chính</b>  <u>Khoản 11, 12:</u> đề nghị bổ sung vào khái niệm giá thành sản xuất nước, giá tiêu thụ nước sạch nội dung quy định về địa giới hành chính tại khu vực nông thôn kể cả khu vực đô thị để phù hợp với thực tế công trình cấp nước nông thôn cấp cho cả khu vực đô thị.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Sau khi rà soát để tránh việc chồng chéo, trùng lặp văn bản QPPL khác, Cơ quan soạn thảo không đưa khái niệm “Giá thành sản xuất nước sạch” và “Giá tiêu thụ nước sạch” vào dự thảo Nghị định do hai khái niệm này đã được quy định tại</p>

		<p><b>12. Bộ Tư pháp</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo tham khảo thêm ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý để giải thích chính xác, dễ hiểu những thuật ngữ mà dự thảo Nghị định có sử dụng Ví dụ: khoản 11 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Giá thành sản xuất nước sạch là giá tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý của toàn bộ quá trình đầu tư, sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn</i>” khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Giá tiêu thụ nước sạch là giá nước sạch khách hàng phải trả cho đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn</i>”. Theo quy định này thì giá nước sạch nông thôn sẽ được xác định theo nguyên tắc, phương pháp riêng. Tuy nhiên, ngày 18/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 44/2021/TT-BTC quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt (đã bao gồm cả nước sạch nông thôn). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, không</p>	<p>Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021.</p>
--	--	---	---

		đưa nội dung nêu trên vào dự thảo Nghị định.	
<p><b>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Tiếp cận nước sạch là quyền lợi của con người. Nguồn nước cấp cho mục đích sinh hoạt của con người là ưu tiên hàng đầu.</p> <p>2. Phát triển hoạt động cấp nước sạch trên cơ sở sử dụng tối ưu các nguồn lực đảm bảo phát triển kinh tế – xã hội và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Nhân dân.</p> <p>3. Hoạt động đầu tư, kinh doanh nước sạch là loại hình đầu tư, kinh doanh có điều kiện; dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích.</p> <p>4. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn gắn với quản lý vận hành sau đầu tư đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>5. Nhà nước thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình cho những vùng không có khả năng tiếp cận cấp nước tập trung hoặc đầu tư cấp nước tập trung không hiệu quả; có chính sách hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo,</p>	<p><b>Điều 4. Nguyên tắc cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>1. Nhà nước đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khu vực nông thôn trong tiếp cận và sử dụng nước sạch theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, có phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>3. Cấp nước sinh hoạt nông thôn là dịch vụ công do Nhà nước trực tiếp đảm nhận thực hiện hoặc tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia thực hiện; dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm dịch vụ công ích được Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng.</p> <p>4. Nhà nước đầu tư xây dựng mới, ưu tiên đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước để đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân tại khu vực nông thôn, đảm bảo quốc phòng an ninh và các nhiệm vụ chính trị khác.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý khai</p>	<p><b>1. Bộ Tài nguyên và MT</b> Đề nghị xem xét bổ sung nguyên tắc phải bảo đảm hiệu quả đầu tư và không gây lãng phí tài nguyên nước trong xây dựng, vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p><b>2. Thái Bình, Phú Yên, Quảng Bình</b> - <u>Khoản 3:</u> đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung quy định về việc hoạt động đầu tư, kinh doanh nước sạch chịu sự kiểm soát của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước; bỏ nội dung quy định dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích. ”.</p> <p>- <u>Khoản 6:</u> đề nghị sửa đổi bổ sung làm rõ việc xác định giá tiêu thụ nước sạch được tính đúng, tính đủ trong quá trình khai thác, sản xuất, phân phối, tiêu thụ và có lợi nhuận.</p> <p><b>3. Quảng Trị</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung vào khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng "<i>Cấp nước sinh hoạt nông thôn là dịch vụ công do Nhà nước trực tiếp đảm nhận thực hiện</i>". - "<i>Dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm dịch vụ công ích</i>" được quy định tại Nghị định 32/NĐ-CP, vì vậy cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo. - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa nội dung tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định. Việc xác định giá theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

<p>cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn chưa được tiếp cận nước sạch.</p> <p>6. Giá tiêu thụ nước sạch nông thôn được xác định dựa trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình sản xuất, cung cấp, sử dụng nước.</p> <p>7. Khách hàng sử dụng nước phải trả tiền sử dụng nước theo biểu giá tiêu thụ nước sạch được cấp có thẩm quyền quyết định.</p> <p>8. Bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả.</p>	<p>thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; có chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; có chính sách hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình; có chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ gia đình ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn được sử dụng nước sạch.</p> <p>6. Giá tiêu thụ nước sạch được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và đảm bảo có lợi nhuận. Nhà nước có chính sách hỗ trợ giá nước sạch trong trường hợp giá tiêu thụ nước sạch được phê duyệt thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch.</p> <p>7. Khách hàng sử dụng nước phải trả tiền sử dụng nước theo biểu giá nước sạch được cấp có thẩm quyền quyết định.</p> <p>8. Việc sản xuất nước sạch phải hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước và có phương án khai thác, sử dụng nước tiết kiệm.</p>	<p>Đề nghị bổ sung thêm nội dung: “<i>Đối với khu vực nông thôn lân cận các đô thị, có địa hình thuận lợi, ưu tiên đầu tư mạng lưới đường ống kết nối với hệ thống cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị đảm bảo quản lý, khai thác, sử dụng nước sạch hiệu quả và bền vững</i>”.</p> <p><b>4. Bà Rịa Vũng Tàu</b> Đề nghị bổ sung nội dung “<i>Ưu tiên nguồn nước cho công tác khai thác sản xuất nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt</i>”. Lý do: để đảm bảo ưu tiên dự trữ nước cấp cho sinh hoạt của các hồ trữ nước trong trường hợp hạn hán kéo dài, tránh tình trạng thiếu nước do sử dụng vào mục đích khác như cấp nước thủy lợi, ngăn mặn, phát điện...</p>	<p>Việc đầu tư mạng lưới đường ống kết nối với hệ thống cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị phụ thuộc vào nhu cầu dùng nước, khả năng chi trả của người dân và năng lực cấp nước của đơn vị cấp nước khu vực đô thị, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung kiến nghị vào dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> "Việc cung cấp nguồn nước thô cho cấp nước sinh hoạt được ưu tiên hàng đầu" nội dung này đã được quy định khoản 2 Điều 4 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, vì vậy Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định.</p>
<p><b>Điều 5. Tiết kiệm nước</b> Hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuân theo quy</p>		<p><b>Bình Định</b> <u>Khoản 1</u>: đề nghị sửa đổi bổ sung quy định này thực hiện trong quá trình thực hiện quy hoạch và có tính đến định hướng phát triển, mở rộng</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi nghiên cứu Cơ quan soạn thảo đã chuyển nội dung "Tiết kiệm nước" vào một số Điều quy định về nguyên tắc trong quản lý</p>

<p>định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định sau đây:</p> <p>1. Trong quá trình quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng phải lựa chọn giải pháp, phương án cấp nước tối ưu đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, chống thất thoát, thất thu nước sạch; chú trọng khảo sát nhu cầu dùng nước đảm bảo sát với thực tế sử dụng; mở rộng, kết nối với các công trình cấp nước hiện có.</p> <p>2. Trong quản lý, khai thác, vận hành phải thường xuyên tổ chức kiểm kê đánh giá số lượng, chất lượng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước thực tế để xây dựng kế hoạch bảo vệ nguồn nước, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo công trình cấp nước và tổ chức thực hiện điều hòa, phân phối, sử dụng nước hợp lý.</p> <p>3. Việc sử dụng nước cho sinh hoạt và sản xuất phải phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước và có phương án sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.</p>		kết nối với các công trình cấp nước hiện có.	vận hành và đưa lên Điều 4 Nguyên tắc chung.
<p><b>Điều 6. Điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn được thực hiện hàng năm hoặc đột xuất để thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu</p>	<p><b>Điều 5. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>Điều tra cơ bản cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu</p>	<p><b>1. Bộ Công Thương</b> Cần bổ sung điều tra, đánh giá nhu cầu nước sạch nông thôn để làm cơ sở cho công tác lập chiến lược, quy hoạch và quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p><b>2. Bà Rịa Vũng Tàu</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 5 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

<p>khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>2. Điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Hiện trạng công trình cấp nước sạch nông thôn (số lượng, chất lượng, năng lực phục vụ, nhu cầu sử dụng nước sạch và hiện trạng hoạt động, quản lý, vận hành của công trình cấp nước sạch nông thôn); hiện trạng về cơ cấu tổ chức, cơ chế chính sách trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn;</p> <p>b) Các khó khăn, tồn tại trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn; định hướng nhu cầu cấp nước sạch nông thôn trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội, có tính đến tác động của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu;</p> <p>c) Phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp để duy trì và phát triển công tác cấp nước sạch nông thôn phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn trên phạm vi cả nước hoặc vùng từ 2 tỉnh trở lên, Ủy</p>	<p>tư xây dựng và quản lý khai thác công trình trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>1. Điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Hiện trạng về số lượng, chất lượng, năng lực phục vụ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp nước nông thôn; nhu cầu sử dụng nước sạch nông thôn;</p> <p>b) Hiện trạng về hoạt động, quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác, xử lý và phân phối;</p> <p>c) Hiện trạng về cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, hiệu quả của cơ chế chính sách về cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>d) Tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến đảm bảo cấp nước sạch, phục vụ đời sống của người dân và các hoạt động sử dụng nước khác ở khu vực nông thôn;</p> <p>đ) Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước cấp, các nguồn gây ô nhiễm, công tác phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ nguồn nước cấp thuộc vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên các vùng, lưu vực sông.</p>	<p>Đề nghị xem xét bỏ điều này hoặc gộp vào Điều 41 vì trong Điều 41 cũng có quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn và rà soát, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm.</p>	<p>- Hoạt động điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn nhằm mục đích thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn. Để có cơ sở thực hiện, cần có quy định về nội dung của hoạt động điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn và trách nhiệm tổ chức thực hiện;</p> <p>- Điều 41 của dự thảo Nghị định gồm những quy định chung về cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>Vì vậy, Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung quy định này và chỉnh lý các nội dung về Điều tra cơ bản cho phù hợp với thực tiễn.</p>
---	--	---	--

<p>ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra cơ bản cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi cả nước hoặc vùng từ 02 tỉnh trở lên.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra cơ bản về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p>		
<p><b>Điều 7. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn là một nội dung được lập, phê duyệt trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, bao gồm phương án phát triển mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển mạng lưới cấp nước quy mô xã, liên xã, liên huyện.</p> <p>2. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn là cơ sở để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án cấp nước sạch nông thôn và triển khai thực hiện các hoạt động cấp nước sạch nông thôn tiếp theo.</p> <p>3. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn phải bao gồm các nội dung chính sau: xác định nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt bao gồm cả nguồn nước dự phòng; phân loại các tiểu vùng cấp</p>		<p><b>1. Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Định, Quảng Bình</b></p> <p>- Đề nghị sửa đổi thành quy hoạch cấp nước nông thôn để có cơ sở triển khai thực hiện đề án, kế hoạch, dự án nhằm nâng cao năng lực cấp nước và phát triển mạng lưới cấp nước.</p> <p>- Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét quy định về Phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn tại khoản 1 Điều 7 của dự thảo vì theo Luật Quy hoạch chưa quy định nên rất khó triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu để có quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 7 nhằm tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.</p> <p><b>2. Bộ Quốc phòng</b></p> <p>Bổ sung vào khoản 3 cụm từ “khi xảy ra chiến tranh”.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, không còn quy hoạch riêng về quy hoạch cấp nước sạch nông thôn, nội dung quy hoạch này được lồng ghép trong quy hoạch tỉnh, tại điểm h, khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 "<i>phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước</i>” Do đó Cơ quan soạn thảo không quy định tại dự thảo Nghị định này để tránh việc trùng lặp.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Khi xảy ra chiến tranh thuộc trường hợp rất đặc biệt, hiếm khi xảy ra. Mọi hoạt động trong trường hợp này đều được thực hiện theo lệnh và quyết định đặc biệt của Quốc hội vì vậy Cơ</p>

<p>nước sinh hoạt theo chất lượng, trữ lượng, chức năng của nguồn nước, ưu tiên phân bổ trong trường hợp thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; phương án đầu tư phát triển công trình cấp nước tập trung nông thôn cho quy mô xã, liên xã, liên huyện; xác định nhu cầu sử dụng đất, mặt nước cho phương án đầu tư phát triển công trình cấp nước tập trung nông thôn; phương án quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt bảo đảm an toàn, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giải pháp bảo vệ, phục hồi nguồn nước trong trường hợp bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; giải pháp công trình trong trường hợp bị ảnh hưởng thiên tai, tác động biến đổi khí hậu; giải pháp cấp nước sinh hoạt cho vùng không có khả năng tiếp cận cấp nước tập trung hoặc đầu tư cấp nước tập trung không hiệu quả; danh mục các dự án cấp nước sạch nông thôn ưu tiên đầu tư phân theo nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đầu tư theo phương thức xã hội hóa, đối tác công tư.</p>			<p>quan soạn thảo bảo lưu ý kiến và không đưa cụm từ "<i>khi xảy ra chiến tranh</i>" vào nội dung dự thảo. Mặt khác do nội dung này đã quy định trong Luật Quy hoạch do vậy Cơ quan soạn thảo không quy định tại dự thảo Nghị định này.</p>
<p><b>Điều 8. Sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b></p>		<p><b>1. Bộ Tài nguyên và MT</b>          Đề nghị rà soát và quy định theo hướng xã hội hoá đối với các dịch vụ có thể xã hội hoá để phù hợp với chủ</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa theo hướng quy định dẫn chiếu thực</p>



<p>1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn bao gồm danh mục dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại khoản 2, 4 Điều này. Phương thức, thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và các quy định khác liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p> <p>2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu bao gồm danh mục được ban hành theo Quyết định của cơ quan cấp có thẩm quyền và các danh mục sau đây:</p> <p>a) Giám sát, dự báo số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn phục vụ nhu cầu sinh hoạt;</p> <p>b) Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn phục</p>		<p>trương tăng cường xã hội hoá, thu hút nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước hiện nay.</p> <p><b>2. Khánh Hòa, Hòa Bình</b>  <u>Khoản 2:</u> đề nghị bổ sung nội dung quy định về hỗ trợ chi phí vận hành sản xuất đối với công trình sau đầu tư trong các năm đầu đưa vào khai thác chưa đạt công suất thiết kế, doanh thu không đủ bù đắp chi phí tại nơi khan hiếm nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, ven biển...; hỗ trợ kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.</p>	<p>hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.</p> <p>* Sau khi rà soát lại thẩm quyền ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đã quy định, Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung Quy định về "Sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn" vào dự thảo mà thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.</p>
--	--	--	---

vụ chỉ đạo, điều hành cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt;

c) Thống kê, thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn (gồm thống kê thông tin liên quan đến lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn; rà soát, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn; thông tin, truyền thông, tuyên truyền...);

d) Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn;

đ) Điều tra cơ bản; lập, đánh giá chiến lược, quy hoạch thuộc lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn;

e) Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình cấp nước sạch nông thôn;

g) Khảo sát, thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về an ninh nguồn nước, rủi ro thiên tai, ảnh hưởng thiếu nước sinh hoạt tại các công trình cấp nước sạch nông thôn.

3. Điều kiện giao nhiệm vụ, điều kiện đặt hàng, căn cứ đặt hàng, quy định đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các quy định khác về dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thực hiện theo cơ chế đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng về cấp nước sạch; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật, quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng yêu cầu khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch theo hợp đồng đặt hàng.

b) Giá tiêu thụ nước sạch nông thôn và mức trợ giá nước sạch nông thôn được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

5. Căn cứ đặt hàng, nội dung hợp đồng đặt hàng và các quy định khác về đặt hàng hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

<p><b>Điều 9. Xã hội hóa, đối tác công tư trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Dự án đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn được Nhà nước khuyến khích đầu tư theo hình thức xã hội hóa và đối tác công tư.</p> <p>2. Quy trình thực hiện dự án đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP cấp nước sạch nông thôn) và các quy định khác về nguồn vốn thực hiện, ưu đãi, bảo đảm đầu tư dự án PPP cấp nước sạch nông thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>3. Việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia dự án đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn theo hình thức xã hội hóa (sau đây gọi là dự án xã hội hóa cấp nước sạch nông thôn) thực hiện như sau:</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm) và công bố rộng rãi danh mục trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.</p>	<p><b>Điều 6. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Nguyên tắc đầu tư</p> <p>a) Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn, tuân thủ pháp luật về đầu tư, xây dựng và quy định khác của pháp luật liên quan;</p> <p>b) Nhà nước đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn, khan hiếm về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo;</p> <p>c) Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung quy mô lớn, kết nối liên thông mạng lưới cấp nước nông thôn hiện có, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, hạn chế khai thác nước dưới đất.</p> <p>2. Yêu cầu trong đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>a) Phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan;</p> <p>b) Dựa trên khả năng đáp ứng của nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, phù hợp</p>	<p><b>1. Bộ Kế hoạch và ĐT</b></p> <p>Đề nghị cân nhắc tên gọi “hình thức xã hội hóa” tại Dự thảo vì tên gọi này chưa tương ứng với hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành. Lý do: pháp luật về đầu tư không quy định về hình thức xã hội hóa, cụ thể: theo quy định tại Luật Đầu tư (Điều 21), các hình thức đầu tư bao gồm: đầu tư thành lập tổ chức kinh tế đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thực hiện dự án đầu tư; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ</p> <p><b>2. Bộ Tài chính</b></p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương khi lập dự án đầu tư, xây dựng công trình cấp nước sạch trên địa bàn (bao gồm trường hợp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đầu tư theo chủ trương xã hội hóa) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt thì phải xác định rõ đối tượng được giao tài sản, phương thức giao tài</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Sau khi rà soát Cơ quan soạn thảo đề xuất không đưa nội dung "Xã hội hóa, đối tác công tư trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn" vào dự thảo Nghị định. Do việc Xã hội hóa, đối tác công tư trong hoạt động xây dựng công trình hiện nay đã có quy định về thực hiện xác hội hóa cũng như đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP. Tuy nhiên công trình cấp nước sạch tập trung là công trình có tính chất đặc thù, ngoài những quy định về quản lý xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung có những nguyên tắc, và yêu cầu riêng; vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị đưa một số nội dung về nguyên tắc và yêu cầu trong đầu tư xây dựng có tính đặc thù vào dự thảo Nghị định (Điều 6 dự thảo).</p>
--	---	---	---

<p>b) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư áp dụng quy trình đấu thầu rộng rãi.</p> <p>c) Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>d) Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án.</p> <p>4. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được quy định như sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật, quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng yêu cầu khai thác vận hành, sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>b) Nhà đầu tư có kinh nghiệm đầu tư và trực tiếp quản lý, khai thác vận</p>	<p>với đặc điểm vùng, miền và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương;</p> <p>c) Xác định mô hình quản lý khai thác đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh; phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh nước sạch và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch;</p> <p>d) Bố trí tổng thể và thiết kế phải tạo thuận lợi cho công tác quản lý khai thác công trình, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, khi công trình bị hư hỏng hoặc xảy ra sự cố.</p> <p>3. Lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm) và công bố rộng rãi danh mục trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.</p> <p>Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư áp dụng quy trình đấu thầu rộng rãi.</p> <p>Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm,</p>	<p>sản sau khi dự án hoàn thành để bảo đảm hiệu quả đầu tư, khai thác tài sản của nhà nước.</p> <p><b>3. Thanh Hóa</b></p> <p>Đề nghị không đưa nội dung quy định lựa chọn nhà đầu tư tham gia dự án đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn theo hình thức xã hội hóa tại khoản 3,4 của dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 7, Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p><b>4. Phú Yên, Quảng Bình, Vĩnh Phúc, Bình Định, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Bắc Giang</b></p> <p>- Đề nghị sửa đổi bổ sung quy định tại khoản 3 sự tham gia của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn và đơn vị sự nghiệp công lập trong quá trình xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi xã hội hóa đầu tư.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi quy định năng lực kinh nghiệm tại điểm b khoản 4 theo hướng tất cả các tổ chức cung cấp nước sạch đều được tham gia chứ</p>	
---	--	---	--

<p>hành tối thiểu từ 02 dự án cung cấp nước sạch nông thôn trở lên.</p> <p>5. Nhà đầu tư tham gia dự án xã hội hóa cấp nước sạch nông thôn được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.</p>	<p>thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án.</p> <p>b) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư</p> <p>Nhà đầu tư có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật, quản lý và nhân sự đáp ứng quy định tại khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định này.</p> <p>c) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.</p>	<p>không chỉ riêng “cung cấp nước sạch nông thôn và để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế địa phương.</p> <p>- Đề nghị bổ sung <i>yêu cầu sơ bộ về năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm</i> đáp ứng các quy định của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p><b>5. Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI)</b></p> <p>- Khoản 4 Điều 9 của Dự thảo quy định nhà đầu tư tham gia dự án đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn theo hình thức xã hội phải có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật, quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng yêu cầu khai thác vận hành, sản xuất, cung cấp nước sạch; có kinh nghiệm đầu tư và trực tiếp quản lý, khai thác vận hành tối thiểu từ 02 dự án cung cấp nước sạch nông thôn trở lên.</p> <p>Quy định này chưa bảo đảm tính minh bạch, hợp lý và khả thi, cụ thể như sau:</p> <p>- Đối với việc đăng ký kinh doanh ngành nghề nước sạch: Luật Doanh nghiệp coi việc đăng ký kinh doanh</p>	
---	---	---	--

		<p>ngành nghề chỉ mang tính báo cáo, thống kê cho Nhà nước, mà không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp vẫn được phép tự do kinh doanh những ngành nghề không đăng ký. Với cách tiếp cận đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ điều kiện trên.</p> <p>- Đối với các điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất được liệt kê tại khoản 4 Điều 9 nhưng lại không có quy định cụ thể hơn. Trong trường hợp không có quy định phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các điều kiện này.</p> <p>- Đối với điều kiện phải có kinh nghiệm: việc yêu cầu doanh nghiệp phải có kinh nghiệm mới được kinh doanh sẽ dẫn đến việc các doanh nghiệp mới không thể gia nhập thị trường, gây ra tình trạng độc quyền. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các điều kiện này.</p> <p>- Điều kiện cán bộ phải được tập huấn, đào tạo: quy định này sẽ dẫn đến việc phải có các chứng chỉ kết thúc tập huấn, đào tạo trở thành giấy phép con. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ điều kiện này mà chuyển việc tập huấn, đào tạo trở thành hoạt động sau khi doanh nghiệp đã được cấp phép kinh doanh.</p>	
--	--	---	--

<p><b>Điều 10. Truyền thông trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Truyền thông nâng cao nhận thức để thay đổi hành vi của mọi người đối với cấp nước sạch nông thôn là trách nhiệm của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương các cấp và đơn vị cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>2. Nội dung truyền thông bao gồm:</p> <p>a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong cấp nước sạch nông thôn;</p> <p>b) Thay đổi hành vi, thói quen sử dụng nước sạch, công khai mức dân đóng góp chi phí đầu nối sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung nông thôn, đồng thuận chi trả tiền sử dụng nước theo biểu giá được cấp có thẩm quyền quyết định;</p> <p>c) Nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, hệ thống đường ống dẫn nước; sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động tích, trữ nước trong thời gian hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng;</p> <p>d) Các nội dung cần thiết khác.</p> <p>3. Đối tượng truyền thông</p> <p>a) Tổ chức, đơn vị, cá nhân sử dụng nước;</p> <p>b) Đơn vị cấp nước sạch nông thôn;</p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương các cấp;</p>	<p><b>Điều 7. Truyền thông về cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>1. Truyền thông nâng cao nhận thức của người dân nông thôn trong việc sử dụng nước sạch là trách nhiệm của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương các cấp và tổ chức, cá nhân quản lý khai thác.</p> <p>2. Nội dung truyền thông bao gồm:</p> <p>a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>b) Nguy hại của việc sử dụng nước không đạt quy chuẩn; những lợi ích mang lại khi sử dụng nước sạch trong sinh hoạt của người dân; công khai mức đóng góp chi phí đầu nối sử dụng nước của khách hàng sử dụng nước từ công trình cấp nước sạch tập trung; mức chi trả tiền sử dụng nước theo biểu giá được cấp có thẩm quyền quyết định;</p> <p>c) Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, hệ thống đường ống dẫn nước; sử dụng nước an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động tích, trữ nước để ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng... và các vấn đề khác nhằm đảm bảo cấp nước an toàn.</p> <p>3. Nguồn kinh phí thực hiện công tác truyền thông được cấp từ các nguồn sau: ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ cung cấp nước sạch của tổ chức, cá</p>	<p><b>Bắc Ninh</b></p> <p>Đề nghị bổ sung thêm nguồn kinh phí hoạt động được bố trí từ các nguồn sau:</p> <p>a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;</p> <p>c) Nguồn thu từ hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch nông thôn;</p> <p>d) Nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân;</p> <p>đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định nguồn kinh phí thực hiện hoạt động truyền thông tại khoản 3 Điều 7 của dự thảo Nghị định.</p>
--	--	---	--



<p>d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn.</p>	<p>nhân quản lý khai thác và các nguồn vốn hợp pháp khác.</p>		
<p><b>Điều 11. Khoa học công nghệ trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp đặc thù vùng miền trong năng lực dự báo, cảnh báo diễn biến nguồn nước để phục vụ cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>2. Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới và công nghệ hiện đại, công nghệ xanh trong xây dựng, quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và phù hợp với từng địa phương.</p> <p>3. Ưu tiên nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, giảm thất thoát nước, bảo đảm cấp nước an toàn, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.</p>	<p><b>Điều 8. Khoa học công nghệ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thu, trữ, xử lý, kiểm soát chất lượng nguồn nước, chất lượng nước sau xử lý, mức tiêu thụ nước sạch.</p> <p>2. Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ xanh trong xây dựng, quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn bảo đảm đo lường, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và phù hợp với từng địa phương.</p> <p>3. Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả quản lý vận hành khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, giảm thất thoát, thất thu nước sạch.</p> <p>4. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, chế độ, chính sách, cơ chế tài chính trong đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn hiệu quả và bền vững.</p> <p>5. Nguồn kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học, công nghệ được cấp từ các nguồn sau: ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và các nguồn vốn hợp pháp khác.</p>	<p><b>1. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b>          Đề nghị bổ sung quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, nguồn kinh phí bố trí cho 2 việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung nguồn kinh phí thực hiện cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tại khoản 5 Điều 8 của dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>2. Bắc Ninh</b>          Đề nghị bổ sung thêm nguồn kinh phí hoạt động được bố trí từ các nguồn sau:          a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước;          b) Nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;          c) Nguồn thu từ hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch nông thôn;          d) Nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân;          đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh lý theo hướng "nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số" để nâng cao hiệu quả...nhằm phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng</p>
		<p><b>3. Bộ Khoa học và công nghệ</b>  <u>Khoản 3:</u> đề nghị sửa thành "Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tiên tiến về khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, giảm thất thoát nước, sử dụng tiết kiệm nước,</p>	

		hiệu quả, bảo đảm cấp nước an toàn, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường”.	và nhà nước về chuyển đổi số hiện nay.
		<b>4. Bộ Công Thương, Bình Định</b> Cần bổ sung nội dung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để xử lý nước sạch phù hợp cho từng khu vực, quy mô.	<b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung nội dung vào khoản 1 Điều 9 của dự thảo Nghị định.
<b>Điều 12. Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn</b> 1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn mà Việt Nam là thành viên. 2. Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn. 3. Huy động nguồn lực của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn. 4. Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn.	<b>Điều 9. Hợp tác quốc tế trong cấp nước sinh hoạt nông thôn</b> 1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn mà Việt Nam là thành viên. 2. Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn. 3. Huy động nguồn lực của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ trong hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn. 4. Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế liên quan đến hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.	Các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức cá nhân không có ý kiến góp ý đối với nội dung điều này.	
<b>Chương II</b> <b>QUẢN LÝ VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN</b>	<b>Chương II</b> <b>QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG</b>		

<p style="text-align: center;"><b>Mục 1</b> <b>TỔ CHỨC QUẢN LÝ VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mục 1</b> <b>NĂNG LỰC QUẢN LÝ KHAI THÁC</b></p>		
<p><b>Điều 13. Phân loại công trình cấp nước tập trung nông thôn</b> Tùy theo công suất thiết kế công trình cấp nước tập trung nông thôn được phân thành 03 loại sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công trình quy mô lớn là công trình có công suất cấp nước lớn hơn 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>2. Công trình quy mô trung bình là công trình có công suất cấp nước từ 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>3. Công trình quy mô nhỏ là công trình có công suất cấp nước từ 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> </ol>	<p><b>Điều 10. Phân loại công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công trình quy mô lớn là công trình có công suất cấp nước từ 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.</li> <li>2. Công trình quy mô vừa là công trình có công suất cấp nước từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>3. Công trình quy mô nhỏ là công trình có công suất cấp nước từ 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>4. Công trình quy mô rất nhỏ là công trình có công suất cấp nước dưới 100m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> </ol>	<p><b>1. Bộ Xây dựng</b> Rà soát cơ sở phân loại công trình cấp nước nông thôn; xem xét việc phân loại với mô hình quản lý, năng lực quản lý vận hành và khả năng bảo đảm chất lượng nước theo quy chuẩn quy định, bảo đảm cấp nước an toàn.</p> <p>- Định hướng phát triển cấp nước hướng tới đầu tư các công trình quy mô lớn (liên tỉnh, liên huyện hay liên đô thị, nông thôn, không phân biệt ranh giới đô thị, nông thôn) đảm bảo lựa chọn nguồn nước thô bền vững và giảm chi phí vận hành. Các quy định Điều 13, 14 có thể hạn chế việc quan tâm đầu tư công trình cấp nước quy mô lớn và tăng tính bền vững của công trình.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát, nghiên cứu quy định phân loại công trình cấp nước nông thôn dựa trên quy mô công suất, mô hình quản lý vận hành, năng lực quản lý vận hành đảm bảo phù hợp với thực tế cấp nước nông thôn hiện nay. Nội dung quy định tại Điều 10 của dự thảo Nghị định được xây dựng phù hợp với thực trạng cấp nước nông thôn hiện nay, do nhu cầu sử dụng nước của người dân chưa cao, người dân có nhiều nguồn nước khác ngoài nước máy để sử dụng, dân cư phân bố phân tán nên việc đầu tư công trình quy mô lớn liên tỉnh, liên huyện, liên đô thị, nông thôn sẽ không mang lại hiệu quả đầu tư do suất đầu tư lớn trong khi công trình thu</p>

			<p>tiền nước không đủ để bù đắp chi phí quản lý vận hành.</p>
<p><b>Điều 14. Yêu cầu đối với công trình cấp nước tập trung nông thôn</b>          Công trình cấp nước tập trung nông thôn phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:</p> <p>1. Công trình được đầu tư phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cấp nước và chất lượng nước; đảm bảo đầu tư đồng bộ từ các hạng mục công trình đến điểm đầu nối với khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước; phải được lắp đặt thiết bị</p>		<p><b>2. Quảng Trị, Sơn La, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Tiền Giang, Ủy ban Dân tộc, Đắk Lắk, Cao Bằng, Bình Dương, Hải Phòng, Hà Tĩnh</b>          Đề nghị sửa đổi giảm mức công suất tối thiểu quy định của công trình cấp nước tập trung để đảm bảo phù hợp với hiện trạng công trình cấp nước nông thôn hiện nay; nghiên cứu bổ sung phân loại công trình theo vùng; xem xét quy định quy mô công suất của công trình phù hợp với điều kiện của từng địa phương hoặc giao UBND các tỉnh, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa nội dung phân loại công trình theo quy mô công suất như tại Điều 10 của dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với hiện trạng công trình cấp nước nông thôn hiện nay (chủ yếu là các công trình có quy mô công suất nhỏ có công suất từ 20 m3/ngày đêm đến 500 m3/ngày đêm).</p>
		<p><b>1. Bộ Tài nguyên và MT</b>          Đề nghị xem xét, bổ sung quy định “<i>Công trình phải được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trước khi vận hành, khai thác</i>”.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Sau khi rà soát Cơ quan soạn thảo đề xuất không đưa nội dung “<i>Yêu cầu đối với công trình cấp nước tập trung nông thôn</i>” vào dự thảo Nghị định. Do việc đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung phải tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành</p>
		<p><b>2. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b>          Đưa khoản 5 sang điều khác vì không phù hợp với tên của Điều này.</p>	
		<p><b>3. Ninh Thuận, Bình Định, Bộ Khoa học và công nghệ</b>  <u>Khoản 1:</u> đề nghị xem xét bỏ quy định đầu tư đồng bộ bao gồm cả đồng hồ đo nước; bổ sung quy định về</p>	

<p>kiểm tra, quan trắc, giám sát số lượng, chất lượng nước nguồn nước cấp.</p> <p>2. Công trình đảm bảo có công suất cấp nước tối thiểu từ 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.</p> <p>3. Nguồn nước cấp cho công trình phải đảm bảo số lượng, chất lượng khai thác trong dài hạn, có tính đến tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.</p> <p>4. Công trình được vận hành, khai thác, bảo trì theo quy trình vận hành khai thác quy định tại Điều 17 Nghị định này; đảm bảo đủ tải trọng điện, nguồn điện để vận hành đối với công trình sử dụng thiết bị bơm dẫn.</p> <p>5. Chủ đầu tư công trình phải xây dựng cơ chế đóng góp và công khai mức đóng góp chi phí đầu nối sử dụng nước của khách hàng theo quy định của pháp luật.</p>		<p>giám sát số lượng, chất lượng nước nguồn nước cấp.</p> <p><b>4. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT), Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Cao Bằng, Đà Nẵng, Cà Mau</b>  <u>Khoản 2:</u> đề nghị xem xét bỏ khoản này vì không cần thiết do thực tế có những khu vực đồi núi cao, công trình khai thác nước dưới đất nằm tại các vùng khan hiếm nước có thể không đạt công suất nêu trên.</p>	<p>* Ban soạn thảo sau khi nghiên cứu đưa một số nội dung quy định tại Điều này vào một số Điều tại Mục 2 Chương II: Quản lý khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung...và bỏ một số nội dung theo một số ý kiến góp ý của các đơn vị.</p>
<p><b>Điều 15. Quy định về tổ chức quản lý vận hành, khai thác công trình</b></p> <p>1. Tùy theo quy mô công trình, năng lực quản lý vận hành, khai thác công trình, tổ chức quản lý vận hành, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn (sau đây gọi là đơn vị cấp nước sạch nông thôn) là đơn vị, tổ chức, cá nhân sau đây:</p>	<p><b>Điều 11. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:</p> <p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể;</p> <p>c) Hợp tác xã;</p>	<p><b>1. Bộ Xây dựng</b></p> <p>Đề nghị rà soát mô hình quản lý, năng lực quản lý vận hành tại Điều 15,16 trong mọi trường hợp phải đáp ứng năng lực quản lý vận hành, nguồn tài chính để bảo trì, vận hành công trình; xem xét việc thuê quản lý vận hành khi năng lực không đáp ứng yêu cầu.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị định.</p>

<p>a) Đơn sự nghiệp công lập; b) Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác (sau đây gọi là doanh nghiệp); c) Ủy ban nhân dân xã; d) Hợp tác xã, tổ hợp tác.</p> <p>2. Đối với công trình do Nhà nước đầu tư và quản lý: Căn cứ vào yêu cầu về năng lực vận hành khai thác công trình quy định tại Điều 16 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý vận hành, khai thác công trình cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và pháp luật liên quan.</p> <p>3. Đối với công trình do nhà đầu tư tự đầu tư xây dựng và vận hành khai thác công trình: Nhà đầu tư chịu trách nhiệm quản lý vận hành, khai thác công trình, thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch theo quy định của Nghị định này, pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan và phải đảm bảo yêu cầu về năng lực vận hành khai thác công trình quy định tại Điều 16 Nghị định này.</p> <p>4. Đối với công trình đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đối tác công tư: Nhà đầu tư chịu trách nhiệm quản lý</p>	<p>d) Tổ hợp tác.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này.</p> <p>3. Đối với công trình do Nhà nước đầu tư: cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Đối với công trình được đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nhà đầu tư tổ chức quản lý khai thác công trình theo phương án sản xuất kinh doanh và hợp đồng dự án và phải đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này.</p> <p>5. Đối với công trình do tư nhân đầu tư, Nhà đầu tư tự quyết định tổ chức quản lý khai thác công trình đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>6. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tại địa bàn thuộc khu vực nông thôn chuyển thành khu vực đô thị, đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác tiếp tục được giao quản lý khai thác và phải đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác quy định tại Điều 12 Nghị định này đồng thời phải đáp ứng</p>	<p><b>2. Đồng Nai, Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ, Tuyên Quang, Phú Yên, Đà Nẵng</b> <u>Khoản 1:</u> đề nghị rà soát điều chỉnh đối tượng và thứ tự được giao cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022; rà soát lại việc quy định mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác vì thực tế công trình tại miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số do một tổ, nhóm người do dân bầu ra; bỏ quy định tổ chức quản lý vận hành là Ủy ban nhân dân xã cho phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 60 Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch “Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức và phát triển các dịch vụ cấp nước cho các nhu cầu khác nhau theo địa bàn quản lý...”.</p> <p><b>3. Quảng Bình, Hải Phòng, Hà Tĩnh</b> <u>Khoản 2:</u> đề nghị xem xét điều chỉnh quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý vận hành, khai thác công trình cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn” cho phù hợp vì thực tế hiện nay</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa đối tượng giao quản lý khai thác công trình đảm bảo phù hợp với đối tượng và thứ tự được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và bỏ đối tượng giao là Ủy ban nhân dân xã.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung quy định thẩm quyền quyết định lựa chọn đơn vị quản lý vận hành như tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 của dự thảo Nghị định; trong đó, đã</p>
--	--	---	---

<p>vận hành, khai thác công trình, thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch theo quy định của Nghị định này, pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật liên quan và phải đảm bảo yêu cầu về năng lực vận hành khai thác công trình quy định tại Điều 16 Nghị định này.</p> <p>5. Đối với công trình đang được đầu tư xây dựng và đầu tư xây dựng mới: Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định, trình chủ quản đầu tư quyết định đơn vị cấp nước sạch nông thôn quản lý vận hành, khai thác công trình, thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch trong quá trình lập dự án (đối với công trình xây mới) và trước khi tổ chức thi công công trình (đối với công trình đang đầu tư xây dựng) theo quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan. Sau khi xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và toàn bộ hồ sơ xây dựng liên quan đến công trình cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn được giao quản lý vận hành công trình.</p>	<p>yêu cầu về quản lý khai thác đối với công trình cấp nước đô thị.</p>	<p>UBND các cấp đều tham gia đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn; quy định rõ loại công trình do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho tổ chức nào quản lý vận hành, khai thác; bổ sung quy định về tổ chức nào quản lý vận hành khai thác đối với loại hình công trình do Nhà nước góp vốn đầu tư.</p>	<p>bổ sung quy định về tổ chức quản lý vận hành đối với loại hình công trình do Nhà nước góp vốn đầu tư (công trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư, chủ trương xã hội hóa).</p>
<p><b>Điều 16. Yêu cầu về năng lực vận hành khai thác công trình</b> 1. Yêu cầu năng lực đơn vị cấp nước sạch nông thôn:</p>	<p><b>Điều 12. Yêu cầu về năng lực trong quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p>	<p><b>4. Phú Yên</b> <u>Khoản 4:</u> đề nghị sửa đổi bổ sung quy định trách nhiệm của Nhà đầu tư quản lý vận hành khai thác, thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch theo quy định của Nghị định này, pháp luật liên quan đối với công trình đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đối tác công tư, thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn, mua qua đấu thầu.</p> <p><b>5. Phú Thọ, Đắk Lắk</b> <u>Khoản 5:</u> đề nghị bổ sung quy định Chủ đầu tư lấy ý kiến của đơn vị cấp nước được giao quản lý vận hành, khai thác công trình về phương án, giải pháp thiết kế trong các bước lập dự án, thiết kế và thi công xây dựng công trình.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định như tại khoản 4 Điều 12 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi rà soát, Cơ quan soạn thảo bỏ nội dung này. Đối với đầu tư xây dựng công trình mới tuân thủ theo pháp luật về xây dựng, và nguyên tắc tại Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>1. Phú Yên, Thái Bình, Bình Định, Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> <u>Khoản 1:</u> đề nghị sửa đổi theo hướng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi rà soát, nghiên cứu, Cơ quan soạn thảo đề xuất chỉ quy định yêu cầu về bộ</p>

<p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý vận hành, khai thác công trình khi đáp ứng điều kiện là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng về cấp nước sạch, tự đảm bảo toàn bộ hoặc một phần chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị, đảm bảo tổ chức bộ máy để thực hiện vận hành, khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm vận hành khai thác công trình quy định tại khoản 2, 3 Điều này.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý vận hành, khai thác công trình khi đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có đăng ký kinh doanh phù hợp với hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch, có năng lực về tài chính và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm vận hành khai thác công trình quy định tại khoản 2, 3 Điều này.</p> <p>c) Ủy ban nhân dân xã quản lý vận hành, khai thác công trình khi đáp ứng điều kiện thành lập tổ, đội quản lý vận hành có bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, xây dựng quy chế hoạt động, cơ chế tài chính đảm bảo khai thác vận hành công trình hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu về năng</p>	<p>1. Yêu cầu chung đối với tổ chức, cá nhân</p> <p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập phải có chức năng về cấp nước sạch;</p> <p>b) Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch;</p> <p>c) Hộ kinh doanh cá thể phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật...;</p> <p>d) Hợp tác xã, Tổ hợp tác phải có nội quy hoặc quy chế được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Luật Hợp tác xã, Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.</p> <p>2. Yêu cầu về các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ tổ chức, cá nhân</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa hoặc nhóm công trình có tổng công suất được giao quản lý từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, phải có các bộ phận sau: Bộ phận chuyên trách về quản lý nước (quản lý về số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý); Bộ phận chuyên trách về quản lý công trình; Bộ phận chuyên trách về quản lý kinh tế và đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn kỹ</p>	<p>hoạt động của đơn vị quản lý vận hành công trình phải đảm bảo xây dựng quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, tổ chức nhân sự, trang thiết bị, cơ sở vật chất để quản lý vận hành khai thác công trình hoạt động hiệu quả và tuân theo các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p><b>2. Hòa Bình, Bà Rịa VT, Bình Định, Trà Vinh Thanh Hóa, Cần Thơ, Bắc Giang, Huế, Ủy ban Dân tộc, Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT) Khoản 2:</b> đề nghị sửa đổi yêu cầu năng lực quản lý vận hành khai thác theo hướng quy định trình độ kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm tối thiểu tốt nghiệp các trường dạy nghề trở lên; đã và đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước nông thôn hoặc đã được các cơ quan, đơn vị chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn, đơn vị giao quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập huấn, đào tạo; Rà soát xem lại điều kiện đối với công trình cấp nước quy mô nhỏ, làm rõ cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp nào có thẩm quyền tập huấn, đào tạo?</p>	<p>phận chuyên môn và năng lực chuyên môn kỹ thuật; Về chức năng, nhiệm vụ đơn vị đơn vị quản lý vận hành hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của văn bản QPPL khác.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như tại Điều 12 của dự thảo Nghị định.</p>
---	--	--	---



<p>lực, kinh nghiệm vận hành khai thác công trình quy định tại khoản 2, 3 Điều này.</p> <p>d) Hợp tác xã, tổ hợp tác quản lý vận hành, khai thác công trình khi đáp ứng điều kiện được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã), có xây dựng quy chế hoạt động, cơ chế tài chính đảm bảo vận hành khai thác công trình hiệu quả và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm vận hành khai thác công trình quy định tại khoản 2, 3 Điều này.</p> <p>2. Yêu cầu năng lực cán bộ vận hành khai thác công trình:</p> <p>a) Đối với công trình cấp nước có quy mô lớn và trung bình: Cán bộ vận hành khai thác phải đáp ứng điều kiện có trình độ kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về cấp nước (tối thiểu tốt nghiệp các trường cao đẳng kỹ thuật, dạy nghề về chuyên ngành cấp nước, xây dựng, thủy lợi hoặc tương đương) và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>b) Đối với công trình cấp nước có quy mô nhỏ: Cán bộ vận hành khai thác phải đáp ứng điều kiện được các cơ quan, đơn vị chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn tập huấn, đào tạo kỹ</p>	<p>thuật quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.</p> <p>b) Đối với công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ phải có năng lực về tài chính và đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn kỹ thuật quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này phù hợp yêu cầu kỹ thuật, quy mô công trình được giao quản lý khai thác;</p> <p>c) Các bộ phận chuyên môn quy định tại điểm a Điều này, phải bố trí tối thiểu 01 cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp trở lên.</p> <p>3. Yêu cầu tối thiểu về năng lực chuyên môn kỹ thuật</p> <p>a) Công trình quy mô lớn: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 03 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp các trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên và có ít nhất một người có 01 năm kinh nghiệm về quản lý khai thác công trình thủy lợi, cấp, thoát nước.</p> <p>b) Công trình quy mô vừa: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 02 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp</p>	<p>Đề nghị về hình thức quản lý vận hành khai thác và điều kiện năng lực người vận hành khai thác nên giao cho UBND tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể quy định cho phù hợp; dự thảo Nghị định cần nghiên cứu đặc điểm công trình cấp nước ở vùng dân tộc thiểu số cho phù hợp.</p> <p><b>3. Cà Mau, Trà Vinh, Phú Yên, Sóc Trăng, Bình Định, Bà Rịa VT, Cần Thơ, Đồng Nai, Bắc Ninh, Thái Bình</b></p> <p><u>Khoản 3:</u> đề nghị điều chỉnh quy định về số lượng cán bộ quản lý vận hành theo quy mô công trình cho phù hợp với thực tế tại địa phương, tình hình nhân sự quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn hiện nay.</p> <p><b>4. Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI)</b></p> <p><b>Về điều kiện đầu tư kinh doanh:</b></p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 16 Dự thảo yêu cầu Doanh nghiệp quản lý vận hành, khai thác công trình khi đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có đăng ký kinh doanh phù hợp với hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch, có năng lực về tài chính và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như tại Điều 12 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Qua tổng kết đánh giá việc thực hiện pháp luật về hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn cho thấy. Thực trạng hiện nay trên cả nước có khoảng 5.500 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện đang hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động trong tổng số 18.100 (chiếm 30%) mà nguyên nhân chính là do đơn vị</p>
--	--	---	---

<p>năng quản lý, khai thác vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn.</p> <p>3. Yêu cầu số lượng cán bộ vận hành khai thác công trình:</p> <p>a) Công trình quy mô nhỏ: tối thiểu 02 người.</p> <p>b) Công trình quy mô trung bình: tối thiểu 03 người.</p> <p>c) Công trình quy mô lớn: tối thiểu 04 người.</p>	<p>các trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên;</p> <p>c) Công trình quy mô nhỏ: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 01 người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm về xây dựng, kỹ thuật điện, nước, vận hành trang thiết bị của công trình, tốt nghiệp trường dạy nghề về chuyên ngành cấp thoát nước, xây dựng, thủy lợi, điện, cơ khí hoặc tương đương trở lên hoặc chứng chỉ đào tạo, tập huấn của cơ quan, tổ chức được cấp phép theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Công trình quy mô rất nhỏ: yêu cầu nhân sự quản lý khai thác phải có tối thiểu 01 người được xác nhận là đã tham gia tập huấn về chuyên môn kỹ thuật quản lý khai thác công trình cấp nước sạch tập trung do các cơ quan, đơn vị chuyên môn, tổ chức quản lý khai thác về cấp nước sạch nông thôn tổ chức.</p>	<p>vận hành khai thác công trình quy định tại khoản 2, 3 Điều này.</p> <p>- Khoản 2, khoản 3 Điều 16 của Dự thảo yêu cầu năng lực cán bộ vận hành khai thác công trình phải đáp ứng điều kiện có trình độ kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về cấp nước (tối thiểu tốt nghiệp các trường cao đẳng kỹ thuật, dạy nghề về chuyên ngành cấp nước, xây dựng, thủy lợi hoặc tương đương) và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; hoặc được các cơ quan, đơn vị chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn tập huấn, đào tạo kỹ năng quản lý, khai thác vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn.</p> <p><b>Các quy định này chưa bảo đảm tính minh bạch, hợp lý và khả thi, cụ thể như sau:</b></p> <p>- Đối với việc đăng ký kinh doanh ngành nghề nước sạch: Luật Doanh nghiệp coi việc đăng ký kinh doanh ngành nghề chỉ mang tính báo cáo, thông kê cho Nhà nước, mà không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp vẫn được phép tự do kinh doanh những ngành nghề không đăng ký. Với cách tiếp cận đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ điều kiện</p>	<p>thực hiện quản lý khai thác các công trình trên chủ yếu là Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã, cộng đồng... đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện công tác quản lý khai thác còn yếu, kém về trình độ, chưa được tập huấn, đào tạo.</p> <p>Một trong những giải pháp quan trọng để có thể giải quyết vấn đề này hiện nay là đó là nâng cao hiệu quả trong quản lý khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn. Để nâng cao hiệu quả về quản lý khai thác rất cần có những quy định về: lựa chọn mô hình tổ chức quản lý phù hợp với từng loại hình, quy mô công trình; cần có yêu cầu về năng lực trong quản lý khai thác công trình, nội dung quản lý; quy trình vận hành công trình; quy trình bảo trì công trình; quản lý kinh tế đạt hiệu quả. Vì vậy Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu một phần ý kiến để chỉnh lý cho phù hợp với thực tiễn quản lý hiện nay.</p>
---	--	---	--

		<p>trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất được liệt kê tại khoản 1 Điều 16 nhưng lại không có quy định cụ thể hơn. Trong trường hợp không có quy định phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các điều kiện này.</li> <li>- Đối với điều kiện phải có kinh nghiệm: việc yêu cầu doanh nghiệp phải có kinh nghiệm mới được kinh doanh sẽ dẫn đến việc các doanh nghiệp mới không thể gia nhập thị trường, gây ra tình trạng độc quyền. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các điều kiện này.</li> <li>- Điều kiện cán bộ phải được tập huấn, đào tạo: quy định này sẽ dẫn đến việc phải có các chứng chỉ kết thúc tập huấn, đào tạo trở thành giấy phép con. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ điều kiện này mà chuyển việc tập huấn, đào tạo trở thành hoạt động sau khi doanh nghiệp đã được cấp phép kinh doanh.</li> </ul>	
<p style="text-align: center;"><b>Mục 2</b> <b>QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN VÀ THỰC HIỆN DỊCH VỤ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mục 2</b> <b>QUẢN LÝ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG</b></p>		

	<p><b>Điều 13. Yêu cầu đối với quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Quản lý khai thác công trình đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng dịch vụ cấp nước; bảo đảm khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>2. Tuân theo quy trình vận hành công trình được ban hành; phù hợp với quy mô công suất, dây chuyền công nghệ.</p> <p>3. Thực hiện công tác kế toán tài chính và tài sản, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo và tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo bổ sung Điều 13. Yêu cầu đối với quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Nội dung Điều này quy định về một số yêu cầu trong quản lý khai thác công trình như: đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng dịch vụ cấp nước; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; tuân theo quy trình vận hành; thực hiện công tác kế toán, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo và tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>
	<p><b>Điều 14. Nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo bổ sung Điều 14. Nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (trong đó có đưa nội dung của Điều 19. Quản lý</p>

	<p>a) Thu thập thông tin, dự báo về nguồn nước cấp; xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố, thiên tai, dịch bệnh;</p> <p>b) Thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng của nguồn nước cấp và nước sạch sau khi xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;</p> <p>d) Lập kế hoạch khai thác, điều hòa phân phối nước để đảm bảo lưu lượng cấp nước theo thiết kế và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước;</p> <p>đ) Thực hiện các biện pháp giải quyết, khắc phục sự cố liên quan đến nguồn nước cấp, chất lượng nước sau xử lý;</p> <p>e) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung;</p> <p>g) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi nội dung quản lý số lượng, chất lượng nguồn nước cấp và nước sau xử lý.</p> <p>2. Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</p> <p>a) Kiểm tra, đánh giá điều kiện an toàn của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; triển khai các biện pháp đảm bảo yêu cầu bảo vệ công trình;</p> <p>b) Quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo quy định; đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý</p>		<p>số lượng, chất lượng nước vào Điều này):</p> <p>Nội dung Điều này quy định về: Quản lý nước về số lượng, chất lượng; xử lý nước; quản lý công trình cấp nước; quản lý kinh tế và Quy định thực hiện nội dung quản lý, khai thác.</p>
--	--	--	---

	<p>khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị;</p> <p>c) Lập, ban hành, thực hiện quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và phương án bảo vệ công trình;</p> <p>d) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi nội dung quản lý công trình.</p> <p>3. Quản lý kinh tế</p> <p>a) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p> <p>b) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt giá nước sạch theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật liên quan;</p> <p>c) Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước;</p> <p>d) Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng dịch vụ cấp nước;</p> <p>đ) Thực hiện nghiệp vụ tài chính kế toán hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch;</p> <p>e) Xây dựng quy chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính kế toán công khai, minh bạch; tổ chức bộ máy quản lý phù hợp; bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất tối thiểu đảm bảo hoạt động quản lý;</p> <p>g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác, mở rộng khách hàng sử</p>		
--	--	--	--

	<p>dụng nước phù hợp với phạm vi, công năng, năng lực thiết kế của công trình;</p> <p>h) Lập và quản lý hồ sơ theo dõi quản lý tài sản, tài chính.</p> <p>4. Quy định thực hiện nội dung quản lý, khai thác</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Đối với công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ: cơ quan chuyên môn cấp nước sạch nông thôn tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định một số nội dung quản lý khai thác công trình theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.</p> <p>5. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác trên địa bàn.</p>		
<p><b>Điều 17. Quy trình vận hành khai thác công trình</b></p> <p>Quy trình vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn gồm một số nội dung chính sau đây:</p>	<p><b>Điều 15. Quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Nội dung quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:</p>	<p><b>1. Bình Định, Trà Vinh</b></p> <p><u>Khoản 6:</u> Đề nghị sửa đổi bổ sung quy trình xử lý nước đạt yêu cầu chất lượng theo quy chuẩn, quy trình xử lý sự cố xảy ra trên hệ thống công trình cấp nước.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại điểm e khoản 1 Điều 15 của dự thảo Nghị định.</p>

<p>1. Sơ đồ công nghệ, nguyên lý hoạt động của hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>2. Trình tự, thao tác vận hành các thiết bị, hạng mục trong sơ đồ công nghệ của hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>3. Kế hoạch, trình tự thực hiện duy tu, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị của hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>4. Kế hoạch sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn các hạng mục của hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>5. Kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>6. Quy trình xử lý sự cố xảy ra trên hệ thống công trình cấp nước.</p>	<p>a) Nguyên tắc vận hành công trình;</p> <p>b) Nhiệm vụ công trình;</p> <p>c) Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình;</p> <p>d) Sơ đồ công nghệ, nguyên lý hoạt động của hệ thống công trình cấp nước;</p> <p>đ) Kế hoạch phân phối nước hằng ngày và phương án vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn khi xảy ra tình huống không bình thường;</p> <p>e) Trình tự, thao tác vận hành các thiết bị, hạng mục công trình, quản lý mạng lưới đường ống cấp nước trong sơ đồ công nghệ của hệ thống công trình cấp nước; quy trình xử lý nước đạt chất lượng theo quy chuẩn;</p> <p>g) Phân công chi tiết nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân và kế hoạch sử dụng nguồn lực khác trong triển khai quy trình vận hành công trình cấp nước sạch tập trung;</p> <p>h) Quy định thực hiện việc ghi chép, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác vận hành công trình.</p> <p>2. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có quy mô công suất từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành công trình; khuyến khích tổ chức, cá nhân quản lý khai thác lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành đối với công</p>	<p><b>2. Bà Rịa Vũng Tàu, Đắk Lắk, Hải Phòng, Hà Tĩnh</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung quy định về kế hoạch vệ sinh định kỳ, đột xuất hệ thống công trình cấp nước, kế hoạch giám sát chất lượng nước định kỳ, đột xuất.</p> <p>- Bổ sung nội dung quy định phương án thu gom, xử lý chất thải (nếu có) phát sinh từ hoạt động xử lý nước cấp sinh hoạt, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết và phương án, biện pháp để kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố ảnh hưởng xấu đến nguồn nước và môi trường do việc vận hành công trình gây ra.</p> <p>- Bổ sung quy định việc thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.</p> <p><b>3. Bộ Quốc phòng</b></p> <p>Bổ sung thẩm quyền xác nhận và hình thức công bố quy trình vận hành khai thác công trình cấp nước do đơn vị cấp nước sạch nông thôn ban hành nhằm đảm bảo tính khách quan trong xây dựng quy trình.</p>	<p>- Điều 15 sau giải trình được gộp nội dung từ Điều 17,18.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Kế hoạch vệ sinh định kỳ, đột xuất hệ...thuộc nội dung bảo trì công trình, vì vậy Cơ quan soạn thảo không quy định tại Điều này.</p> <p>- Nội dung đề nghị bổ sung thuộc nội dung về công tác quản lý khai thác (nhiệm vụ của đơn vị quản lý) vì vậy Cơ quan soạn thảo không quy định vào QTVH.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như điểm h, khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung như tại khoản 3, 4 Điều 15 của dự thảo Nghị định.</p>
--	---	---	--



<p><b>Điều 18. Quy định về vận hành khai thác công trình</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn phải xây dựng và ban hành quy trình vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn cho từng công trình.</p> <p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm quản lý vận hành, khai thác công trình theo quy trình vận hành khai thác đã được ban hành và thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ hệ thống cấp nước bao gồm: theo dõi lưu lượng khai thác, mực nước của nguồn nước cấp; quá trình bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn máy móc, thiết bị của hệ thống để đảm bảo áp lực cấp nước, lưu lượng nước, chất lượng nước, tính liên tục và tiến hành ghi, lưu trữ nhật ký vận hành hoạt động của hệ thống;</p> <p>b) Định kỳ thực hiện công tác bảo trì máy móc, thiết bị của công trình; thực hiện sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật và hoạt động của công trình;</p> <p>c) Thực hiện công tác kế toán, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác vận hành khai thác và bảo vệ công trình theo quy định; chịu trách nhiệm về tính</p>	<p>trình có quy mô công suất nhỏ hơn 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>3. Trách nhiệm lập, điều chỉnh, ban hành quy trình vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lập quy trình vận hành đối với công trình đầu tư xây dựng mới trước khi đưa vào khai thác và bàn giao cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác để ban hành, tổ chức thực hiện;</p> <p>b) Đối với công trình đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm lập, ban hành, tổ chức thực hiện quy trình vận hành;</p> <p>c) Đối với công trình đang khai thác mà quy trình vận hành không còn phù hợp thực tế thì tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm điều chỉnh quy trình vận hành, ban hành và tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.</p>	<p><b>1. Tổng cục Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và PTNT)</b> <u>Khoản 2:</u> đề nghị sửa thành: “Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm quản lý vận hành, khai thác công trình theo quy trình vận hành khai thác đã được ban hành, <i>các quy định bảo đảm an toàn thiên tai theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT</i> và thực hiện các nội dung sau đây:”</p> <p><b>2. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> Đề nghị rà soát để quy định theo hướng chi tiết các nội dung của quy trình vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn cho đầy đủ và phù hợp với tên gọi của mục 2 như: Kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất hệ thống công trình cấp nước, Quy trình xử lý sự cố xảy ra trên hệ thống công trình cấp nước.</p> <p><b>3. Hải Phòng</b> Đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước hiện hành; bổ sung nội dung quy định về vận hành công trình đảm bảo an toàn, không gây biến đổi lớn đến chế độ dòng chảy và xói lở lòng bờ sông, suối, kênh mương, nguồn nước tại khu vực</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Do các nội dung quy định Điều 18 trùng với nội dung quy trình bảo trì vì vậy Cơ quan soạn thảo đưa nội dung khoản 1 Điều 18 vào nội dung Điều 15 dự thảo, nội dung còn lại sẽ được đưa vào "Điều 16. Bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung".</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu quy định cụ thể các nội dung QTVH như tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Việc quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn phải tuân thủ pháp luật về Tài nguyên nước và quy định pháp luật có liên quan, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị</p>
---	--	--	---

<p>chính xác của các báo cáo và tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>		<p>đặt công trình thu nước, không gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh, nguồn lợi thủy sản, hoạt động giao thông thủy và các đối tượng khai thác, sử dụng nước trong khu vực.</p>	<p>không bổ sung nội dung này vào dự thảo.</p>
<p><b>Điều 19. Quản lý số lượng, chất lượng nước</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây về quản lý số lượng, chất lượng nước:</p> <p>a) Đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đáp ứng quy chuẩn Việt Nam và số lượng nước cấp theo hợp đồng sử dụng nước;</p> <p>b) Thường xuyên kiểm tra định kỳ và đột xuất số lượng, chất lượng nước theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Lập và lưu trữ hồ sơ theo dõi, quản lý số lượng, chất lượng nước trước và sau khi xử lý.</p> <p>2. Trường hợp xảy ra sự cố, thiên tai, đơn vị cấp nước sạch nông thôn phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và khách hàng sử dụng nước; chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm công trình hoạt động bình thường. Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài, phải phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu</p>	<p>Nội dung khoản 1 Điều 19. Quản lý số lượng, chất lượng nước được đưa vào nội dung “Điều 14. Nội dung quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung”. Nội dung khoản 2 Điều 19 đưa vào khoản 3 “Điều 18 Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai tại” dự thảo Nghị định.</p>	<p><b>1. Bộ Công An, Quảng Bình, Bình Định</b></p> <p><u>Khoản 1:</u> đề nghị bổ sung quy định về tăng cường công tác bảo vệ môi trường khu vực nguồn nước cung cấp nước sạch nông thôn, chủ động nắm tình hình, phát hiện, kiến nghị với các Bộ, ngành các cấp trong việc cấp phép, triển khai các dự án, nhà máy, xí nghiệp có dấu hiệu ảnh hưởng an ninh, an toàn nguồn nước sạch, ảnh hưởng nghiêm trọng về môi trường trong bảo vệ sinh thủy, vùng bảo vệ vệ sinh khu vực nguồn nước sạch nông thôn.</p> <p>- Bổ sung quy định về theo dõi liên tục số lượng, chất lượng nước nguồn và nước cấp theo quy định hiện hành; quy định đáp ứng chất lượng nước sau xử lý, số lượng nước cấp theo hợp đồng sử dụng nước phải tương đương số lượng nước khai thác theo chỉ số đồng hồ khai thác nước đã trừ lượng nước khấu hao trong quá trình xử lý nước.</p> <p><b>2. Hải Phòng</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung quy định này vào khoản 1 Điều 21 của dự thảo Nghị định (Phạm vi bảo vệ công trình).</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung nội dung quy định này tại điểm đ khoản 2 Điều 19 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>

<p>sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.</p>		<p>Khoản 2: Đề nghị quy định làm rõ cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào?</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như tại Điều 18 của dự thảo Nghị định.</p>
<p><b>Điều 20. Bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn</b>  1. Công trình cấp nước tập trung nông thôn phải được bảo trì theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của công trình, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.  2. Nội dung bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.</p>	<p><b>Điều 16. Bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b>  1. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Nhà nước đầu tư, quản lý: thực hiện bảo trì công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của Chính phủ về bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và pháp luật liên quan.  2. Đối với công trình không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư bố trí kinh phí và thực hiện bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng dự án.  3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p>	<p><b>1. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b>  Đề nghị quy định chi phí bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn nên được tính vào giá thành nước sạch để đảm bảo vận hành lâu dài, bền vững.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ: “Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch trong kỳ kế toán của đơn vị cấp nước theo quy định của pháp luật kế toán, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan”; đồng thời trong dự thảo Nghị định cũng đã dẫn chiếu thực hiện bảo trì công trình theo quy định của Chính phủ, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không quy định cụ thể chi phí bảo trì mà thực hiện</p>
<p><b>2. Hải Phòng, Nam Định</b>  - Đề nghị quy định rõ nguồn vốn ngân sách nhà nước được sử dụng bảo trì loại công trình cấp nước nào (công trình do Nhà nước đầu tư và quản lý, công trình đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đối tác công tư, công trình do Nhà nước góp vốn đầu tư...)  - Đề nghị xem xét nêu rõ từng loại nguồn vốn để sử dụng bảo trì cho từng đơn vị quản lý (đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp...) tại khoản 5, Điều 20.</p>			

<p>3. Trình tự, quy trình, kế hoạch, thực hiện bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn và các quy định khác về bảo trì công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.</p> <p>4. Công trình cấp nước tập trung nông thôn do Nhà nước đầu tư và quản lý tuân theo quy định bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.</p> <p>5. Kinh phí bảo trì công trình cấp nước tập trung nông thôn được bố trí từ các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước;</li> <li>b) Nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;</li> <li>c) Nguồn thu từ hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch nông thôn;</li> <li>d) Nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân;</li> <li>đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác.</li> </ul>			<p>theo hợp đồng dự án như tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định.</p>
	<p><b>Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn</b></p> <p>1. Yêu cầu và nội dung bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn</p>		<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Nội dung Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn được chuyển từ nội dung Mục 3 Chương III</p>

	<p>a) Bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;</p> <p>b) Bảo đảm cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định;</p> <p>c) Xây dựng phương án kiểm soát và ứng phó các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch;</p> <p>d) Thực hiện kiểm tra, đánh giá và giới hạn kiểm soát đảm bảo an toàn cấp nước.</p> <p>2. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn</p> <p>a) Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cho các công trình do đơn vị quản lý;</p> <p>d) Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn từ nguồn thu hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai</p>		(các Điều 24, 25, 26 và 27 nội dung dự thảo xin ý kiến)
--	--	--	---

	<p>thác; ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác;</p> <p>đ) Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch.</p> <p>3. Kiểm tra, đánh giá thực hiện cấp nước an toàn</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác chịu trách nhiệm tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của từng công trình do đơn vị quản lý và gửi báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định;</p> <p>b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.</p> <p>4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy định thực hiện bảo đảm kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p>		
	<p><b>Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai</b></p>		<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Nội dung Điều 14. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực</p>

	<p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khi xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phải bao gồm nội dung đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân khi xảy ra thiên tai (hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, úng,...).</p> <p>2. Chính quyền địa phương chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp thu, trữ, xử lý nước, sử dụng nước an toàn, tiết kiệm.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực hiện giải pháp đảm bảo cấp nước trong trường hợp thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm công trình hoạt động bình thường. Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài trên 2 ngày (48 giờ), phải thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Khi nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác trong trường hợp tại khoản 3 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác tổ chức các biện pháp khắc phục sự cố và báo cáo Ủy ban nhân dân</p>		<p>nông thôn được chuyển từ nội dung Mục 3 Chương III (các Điều 24, 25, 26 và 27 nội dung dự thảo xin ý kiến)</p>
--	--	--	---

	cấp tỉnh kết quả xử lý; trường hợp nằm ngoài khả năng xử lý thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để có giải pháp xử lý.		
<p><b>Điều 21. Thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch</b></p> <p>1. Trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc các đơn vị cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát, xác định vùng phục vụ cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến chấp thuận trước khi ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Vùng phục vụ cấp nước được xem xét điều chỉnh phù hợp với quy hoạch, năng lực cấp nước thực tế của đơn vị cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>3. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước được ký kết giữa đơn vị với Ủy ban nhân dân huyện và có trách nhiệm đảm bảo năng lực cấp nước theo quy hoạch, kế hoạch cấp nước do cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p><b>Điều 19. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước</b></p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với chính quyền địa phương tại địa bàn thuộc vùng phục vụ cấp nước.</p> <p>2. Nội dung thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Vùng phục vụ cấp nước;</li> <li>b) Kế hoạch và lộ trình đảm bảo cấp nước cho vùng phục vụ cấp nước;</li> <li>c) Nguồn tài chính dự kiến thực hiện kế hoạch và lộ trình đảm bảo cấp nước;</li> <li>d) Giá tiêu thụ nước sạch;</li> <li>đ) Các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục cấp nước), lộ trình cải thiện các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước;</li> <li>e) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.</li> </ul> <p>3. Vùng phục vụ cấp nước tại điểm a khoản 2 Điều này là phạm vi cấp nước được quy định trong quyết định đầu tư của cơ quan có thẩm quyền và được cụ thể hóa trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và chính quyền địa phương trong vùng phục vụ cấp nước.</p>	<p><b>1. Bộ Xây dựng</b></p> <p>Rà soát một số quy định trùng lặp với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về vùng phục vụ (Điều 21), thỏa thuận đấu nối và hợp đồng dịch vụ cấp nước (Điều 22).</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát bổ sung quy định còn thiếu trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn về thực hiện dịch vụ cấp nước, thỏa thuận đấu nối như tại Điều 19, 20 của dự thảo Nghị định và đảm bảo thống nhất, không trùng lặp với quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.</p>
		<p><b>2. Hải Phòng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị bổ sung điều khoản quy định về các trường hợp cơ quan ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước được đơn phương chấm dứt thỏa thuận dịch vụ cấp nước; trình tự, thủ tục thay thế, lựa chọn đơn vị cấp nước mới sau khi đã chấm dứt thỏa thuận dịch vụ với đơn vị cấp nước đang thực hiện.</li> <li>- Đề nghị bổ sung điều khoản quy định về lựa chọn đơn vị cấp nước đối với khu vực chưa có đơn vị cấp nước hoặc khu vực đã có đơn vị cấp nước nhưng cần phải thay thế do không đáp ứng nhu cầu dịch vụ.</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 19 của dự thảo Nghị định.</li> <li>- Tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ quy định về lựa chọn đơn vị cấp nước cho khu vực chưa có đơn vị cấp nước, vì vậy Cơ quan soạn</li> </ul>



<p>4. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước bao gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Vùng phục vụ cấp nước;</p> <p>b) Kế hoạch phát triển cấp nước của đơn vị cấp nước sạch nông thôn;</p> <p>c) Trách nhiệm tài chính thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước;</p> <p>d) Giá nước sạch, lộ trình điều chỉnh giá nước sạch;</p> <p>đ) Các điều kiện dịch vụ cấp nước (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính cấp nước liên tục), lộ trình cải thiện các điều kiện dịch vụ cấp nước;</p> <p>e) Thời hạn thực hiện dịch vụ cấp nước;</p> <p>g) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.</p>	<p>4. Cơ quan, đơn vị ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác.</p> <p>5. Trường hợp tổ chức, cá nhân quản lý khai thác không đảm bảo thực hiện cấp nước theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã ký kết, cơ quan, đơn vị ký thỏa thuận với tổ chức, cá nhân quản lý khai thác báo cáo cơ quan cấp trên để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về xử lý tài sản liên quan đến điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước vì thực tế việc điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước sẽ liên quan đến việc phải xử lý tài sản là hạ tầng hệ thống phân phối đã được đơn vị cấp nước đầu tư (kinh phí đầu tư thường rất lớn) nên rất khó có thể thực hiện được.</p> <p><b>3. Sóc Trăng, Bình Định, Phú Yên</b>  <u>Khoản 1:</u> đề nghị điều chỉnh không quy định thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vì các đơn vị này đã chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch, cụ thể từ các mặt như: Công tác đầu tư xây dựng mới công trình cấp nước đã được các cơ quan quản lý thẩm định về sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tính cấp thiết nhu cầu đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị, giá nước sạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý...</p>	<p>thảo đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo.</p> <p>- Quy định về xử lý tài sản đã được quy định tại Luật quản lý tài sản công và Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung này trong dự thảo Nghị.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo nghị định và giải trình như sau:</p> <p>Thực tế cho thấy các quy định về vùng phục vụ cấp nước, kế hoạch, lộ trình đảm bảo cấp nước, nguồn tài chính thực hiện, giá nước, điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước chưa được quy định trong dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Vì vậy, để có căn cứ pháp lý quy định các nội dung trên, cần phải quy định thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác</p>
---	--	--	--

			<p>với chính quyền địa phương tại địa bàn thuộc vùng phục vụ cấp nước để tránh các hiện tượng tranh chấp vùng phục vụ cấp nước giữa các đơn vị cấp nước và xác định trách nhiệm, điều kiện ràng buộc đảm bảo cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình.</p>
		<p><b>4. Phú Yên</b>  <u>Khoản 3:</u> đề nghị sửa đổi theo hướng quy định thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước được ký kết giữa đơn vị cấp nước với Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan chuyên môn cấp nước hoặc đơn vị sự nghiệp để phù hợp với thực hiện ký hợp đồng giao khoán, cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo nghị định và giải trình như sau:  Việc ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước nhằm mục đích xác lập vùng phục vụ cấp nước, điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước... trên cơ sở năng lực cấp nước thực tế của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác nên quy định ký kết này phải được thực hiện giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác với chính quyền địa phương (đại diện cho địa bàn nơi trực tiếp được cung cấp dịch vụ cấp nước). Đối với công trình do Nhà nước đầu tư, quản lý: quy định</p>

		<p>thực hiện ký hợp đồng giao khoán, cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ bao gồm các nội dung về quản lý tài sản (thông tin của bên cho thuê, chuyển nhượng; thông tin của bên thuê; danh mục tài sản; thời hạn cho thuê, chuyển nhượng, giá cho thuê; phương thức và thời hạn thanh toán tiền thuê, tiền chậm nộp (nếu có); trách nhiệm và yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản; quyền và nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm tổ chức thực hiện). Như vậy, nội dung về quản lý tài sản quy định ở trên không bao gồm quy định thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước. Do đó, việc ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước (áp dụng cho cả công trình do Nhà nước đầu tư và công trình do tư nhân đầu tư) được quy định thực hiện giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và</p>
--	--	--

			chính quyền địa phương là phù hợp.
<p><b>Điều 22. Thỏa thuận đầu nối và hợp đồng dịch vụ cấp nước</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn được phép thỏa thuận đầu nối với khách hàng sử dụng nước về điểm đầu nối, điểm lắp đặt đồng hồ đo nước trong hợp đồng dịch vụ cấp nước ký kết với khách hàng đảm bảo công khai, minh bạch, thuận tiện trong quá trình cung cấp, sử dụng nước sạch.</p> <p>2. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định, khách hàng sử dụng nước phải chi trả chi phí đầu nối sử dụng nước sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước sạch nông thôn. Chi phí này bao gồm chi phí vật tư, chi phí lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ đo nước và phải được đưa vào nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>3. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn được phép huy động tổng chi phí đầu nối sử dụng nước từ khách hàng sử dụng nước trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này tối đa 10% tổng vốn đầu tư của dự án. Mức chi trả chi phí đầu nối sử dụng nước của khách hàng quy định không quá 03 triệu</p>	<p><b>Điều 20. Thỏa thuận đầu nối và Hợp đồng dịch vụ cấp nước</b></p> <p>1. Trong giai đoạn đầu tư, Chủ đầu tư thực hiện thỏa thuận đầu nối theo quy định sau:</p> <p>a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trường hợp vị trí đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả;</p> <p>b) Tùy theo cơ chế tài chính của dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư được phép huy động chi phí đầu nối, đồng hồ đo nước từ khách hàng sử dụng nước;</p> <p>c) Mức chi trả chi phí đầu nối, đồng hồ đo nước của khách hàng sử dụng nước trong trường hợp quy định tại điểm b khoản này được khấu trừ vào tiền sử dụng nước hàng tháng của khách hàng sử dụng nước theo thỏa thuận với Chủ đầu tư. Thời gian khấu trừ không quá 05 năm và được quy định cụ thể trong hợp đồng cung cấp nước sạch giữa tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và khách hàng sử dụng nước.</p>	<p><b>1. Công ty Cổ phần Nước sạch &amp; VSNT tỉnh Nam Định, Sơn La, Khánh Hòa, Bà Rịa VT</b></p> <p><u>Khoản 2:</u> Đề nghị sửa đổi theo hướng quy định đơn vị cấp nước được phép huy động tổng chi phí đầu nối sử dụng nước từ khách hàng sử dụng nước trong trường hợp <i>đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định</i> hoặc không xác định được điểm đầu nối (mức huy động tối đa 10% tổng vốn đầu tư dự án). <i>Mức chi trả chi phí đầu nối sử dụng nước của khách hàng phụ thuộc vào quy mô đầu tư dự án, thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước và được nêu trong hợp đồng dịch vụ cấp nước (tối đa không vượt quá 3 triệu đồng cho 01 hợp đồng dịch vụ cấp nước).</i></p> <p>Đề nghị có cơ chế đối với vùng miền núi, vùng sâu vùng xa do thực tế tại miền núi không phải chi trả chi phí đầu nối nhưng nhân dân vẫn không tham gia do không có khả năng chi trả tiền sử dụng nước.</p> <p><b>2. Bắc Ninh, Thái Bình, Sơn La, Sóc Trăng, Bình Định</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Sau khi rà soát và nghiên cứu Cơ quan soạn thảo đề xuất không đưa tỷ lệ huy động vào nội dung dự thảo, do kinh phí thực hiện lắp đặt đồng hồ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng vốn đầu tư dự án, mặt khác qua thực tế triển khai tại các dự án đã thực hiện, đã xảy ra trình trạng trong cùng địa bàn có mức thu khác nhau dẫn đến phát sinh nhiều phản ánh của người sử dụng nước. Cơ quan soạn thảo đã bổ cục lại nội dung thỏa thuận đầu nối như Điều 20 dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Việc thực hiện kiểm định, sửa chữa, thay thế đồng hồ</p>

<p>đồng cho 01 hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>4. Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký giữa đơn vị cấp nước sạch nông thôn với khách hàng sử dụng nước. Nội dung của hợp đồng bao gồm: chủ thể ký hợp đồng; mục đích sử dụng nước sạch; nội dung thỏa thuận; tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch; quyền và nghĩa vụ của các bên; giá nước sạch và phương thức thanh toán; điều kiện chấm dứt hợp đồng; xử lý vi phạm hợp đồng.</p>	<p>2. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác phải ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>3. Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước bao gồm:</p> <p>a) Chủ thể hợp đồng;</p> <p>b) Mục đích sử dụng nước sạch;</p> <p>c) Chất lượng dịch vụ cấp nước (chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục cấp nước);</p> <p>d) Giá tiêu thụ nước sạch, phương thức và thời hạn thanh toán (bao gồm kinh phí khấu trừ đầu nối quy định tại điểm c khoản 1 Điều này nếu có);</p> <p>đ) Các nội dung khác do hai bên thỏa thuận;</p> <p>e) Điều kiện chấm dứt hợp đồng;</p> <p>g) Xử lý vi phạm hợp đồng;</p> <p>h) Quyền và nghĩa vụ của các bên.</p>	<p>- Đề nghị bổ sung quy định đơn vị cấp nước thực hiện kiểm định, sửa chữa, thay thế đồng hồ từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất, cung cấp nước của đơn vị.</p> <p>- Bổ sung nội dung quy định đơn vị cấp nước có quyền đề nghị <i>Chủ đầu tư công trình hạ tầng hỗ trợ 01 phần kinh phí để thực hiện công tác di dời đường ống cấp nước do thi công nâng cấp, cải tạo, mở rộng lộ nông thôn có đường ống cấp nước hiện hữu.</i></p> <p>- Bổ sung quy định về việc ban hành mẫu thỏa thuận đầu nối nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, trong đó quy định các nội dung chi tiết như: vị trí đầu nối, áp lực tại điểm đầu nối, chủng loại vật liệu tại điểm đầu nối...</p>	<p>được thực hiện trong công đoạn bảo trì và chi phí đã được tính trong giá sản xuất nước sạch, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 7 Điều 22 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đang nghiên cứu xem xét bổ sung nội dung này vào phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.</p>
<p><b>Điều 23. Quản lý chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm công bố chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch tới khách hàng sử dụng nước, bao gồm: chất lượng nước sạch sau khi xử lý, lưu lượng nước cấp, tính cấp nước liên tục, thời gian khắc phục sự cố và giải quyết các khiếu nại của khách hàng.</p>	<p>Đưa nội dung Điều này xuống trách nhiệm của đơn vị cấp nước tại khoản 6 khoản 7 Điều 23</p>	<p><b>Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b></p> <p>- Cần bổ sung định kỳ công bố chất lượng nước tới khách hàng sử dụng.</p> <p>- Đề nghị làm rõ cách thức thực hiện trách nhiệm công bố chất lượng dịch vụ cung cấp nước của đơn vị cấp nước sạch tới khách hàng sử dụng.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung đưa nội dung này quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 23 của dự thảo.</p>

<p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn phải lập đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các phản ánh, khiếu nại của khách hàng sử dụng nước về chất lượng, dịch vụ cung cấp nước sạch.</p>			
	<p><b>Điều 21. Bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Phạm vi bảo vệ</p> <p>a) Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm: phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình; phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước; phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ;</p> <p>b) Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước sạch tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;</p> <p>c) Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước là hành lang an toàn đường ống nước thô, đường ống phân phối nước có chiều rộng tối thiểu 0,3m, tối đa 0,5m tính từ thành ống trở ra hai phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống. Trong trường hợp không xác lập được hành lang an toàn, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có phương án bảo vệ</p>		<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Nội dung Điều này được quy định tại Điều 30 mục 5 chương II dự thảo xin ý kiến và được đưa vào quy định tại Điều 21 mục 2 Chương II Quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.</p>

	<p>an toàn đường ống cho phù hợp với tình hình thực tế;</p> <p>d) Phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ là phạm vi nằm trong khuôn viên của trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ, bao gồm: công trình xử lý nước, bể chứa nước sạch, trạm bơm nước sạch, nhà điều hành và các công trình phụ trợ.</p> <p>2. Nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đặc điểm địa hình, nguồn nước, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và phạm vi bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>b) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình cấp nước; kế hoạch kiểm tra, theo dõi của tổ chức bảo vệ công trình;</p> <p>c) Quy trình và biện pháp xử lý khắc phục trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;</p> <p>d) Quy định về phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>3. Quy định thực hiện nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình lập và ban hành phương án bảo vệ, gửi chính quyền địa phương để phối hợp tổ chức thực hiện;</p> <p>b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ lập, ban hành và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình.</p>		
--	--	--	--

<p align="center"><b>Mục 3</b> <b>BẢO ĐẢM CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN</b></p>	<p>Nội dung Mục 3 Đảm bảo cấp nước an toàn được bố cục lại thành 02 Điều: "Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn" và "Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai" và một số nội dung đưa vào mục 3 Chương II Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tại dự thảo Nghị định sau tiếp thu, giải trình</p>		
<p><b>Điều 24. Yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước</b></p> <p>1. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập và quản lý theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>2. Bảo đảm cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và bảo đảm chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định.</p> <p>3. Xây dựng phương án kiểm soát các nguy cơ, rủi ro có thể xảy trong toàn hệ thống cấp nước từ nguồn nước cấp đến khách hàng sử dụng nước.</p> <p>4. Ứng phó kịp thời với các sự cố bất thường xảy ra trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch.</p>	<p><b>Điều 17. Bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn</b></p> <p>1. Yêu cầu và nội dung bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn</p> <p>a) Bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;</p> <p>b) Bảo đảm cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định;</p> <p>c) Xây dựng phương án kiểm soát và ứng phó các nguy cơ, rủi ro có thể xảy trong quá trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch;</p> <p>d) Thực hiện kiểm tra, đánh giá và giới hạn kiểm soát đảm bảo an toàn cấp nước.</p> <p>2. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn</p>	<p><b>1. Bộ Xây dựng</b> Rà soát một số quy định không thống nhất và đang được quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.</p> <p><b>2. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> <u>Khoản 2:</u> đề nghị gạch bỏ hoặc chuyển sang Điều khác vì không phải là nội dung yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn cấp nước.</p> <p><b>3. Bộ Công An</b></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát nội dung quy định tại dự thảo Nghị định với Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 để đảm bảo thống nhất.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì cấp nước an toàn tức là phải đảm bảo cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước, liên tục, đủ lưu lượng và bảo đảm chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>



	<p>a) Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có trách nhiệm lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cho các công trình do đơn vị quản lý;</p> <p>d) Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn từ nguồn thu hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác; ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác;</p> <p>đ) Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch.</p>	<p><u>Khoản 3</u>: đề nghị sửa thành: Xây dựng phương án bảo vệ an ninh, an toàn nguồn nước sạch nông thôn.</p>	<p>Nội dung về phương án bảo vệ nguồn nước đã được quy định tại Điều 21 Bảo vệ công trình cấp nước tại dự thảo Nghị định.</p>
<p><b>Điều 25. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch cấp tỉnh và giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh bao gồm: mục tiêu, kế hoạch, kinh phí, giải pháp thực hiện, trách nhiệm các Sở, ngành liên</p>	<p>3. Kiểm tra, đánh giá thực hiện cấp nước an toàn</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác chịu trách nhiệm tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của từng công trình do đơn vị quản lý và gửi báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định;</p>	<p><b>4. Đà Nẵng</b></p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung về thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 17 của dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>1. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b></p> <p><u>Khoản 1</u>: đề nghị bổ sung trong trường hợp đơn vị cấp nước sạch cho cả khu vực đô thị và nông thôn thì giao cơ quan chuyên môn là Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chung để đảm bảo cấp nước an toàn cho cả khu vực đô thị và nông thôn.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Do số lượng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn rất lớn nên dự thảo Nghị định quy định đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, phê duyệt, triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát thực hiện, Cơ quan soạn thảo rà soát đề xuất sửa nội dung điểm a khoản 2 Điều 17 “<i>Công trình cấp nước cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ</i></p>
		<p><b>2. Bình Định, Trà Vinh, Khánh Hòa, Hải Phòng, Hà Tĩnh</b></p> <p><u>Khoản 1</u>: đề nghị điều chỉnh quy định theo hướng Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo cấp nước và chống thất thoát, thất thu nước sạch cấp tỉnh và giao cơ</p>	

<p>quan và danh mục công trình thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.</p> <p>3. Kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo lồng ghép các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước, ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>4. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn cho các công trình do đơn vị quản lý phù hợp với kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>5. Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn từ nguồn thu hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch nông thôn; ngân sách địa phương; nguồn vốn từ các chương trình, dự án có cùng mục tiêu về cấp nước sạch nông thôn và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.</p> <p>6. Chi phí đảm bảo cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch trong kỳ kế toán của đơn vị cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về giá nước, pháp luật liên quan; bao gồm những khoản chi phí phục vụ các hoạt động nhằm giảm thiểu, loại bỏ, phòng ngừa các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ</p>	<p>b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.</p> <p>4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy định thực hiện bảo đảm kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p> <p><b>Điều 18. Đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phòng, chống thiên tai</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khi xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phải bao gồm nội dung đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân khi xảy ra thiên tai (hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, úng,...).</p> <p>2. Chính quyền địa phương chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp thu, trữ, xử lý nước, sử dụng nước an toàn, tiết kiệm.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực hiện giải pháp đảm bảo cấp nước trong trường hợp thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; chủ động khắc phục sự cố để bảo đảm công trình hoạt</p>	<p>quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức <i>thẩm định, phê duyệt kế hoạch, quản lý</i> và thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p> <p><u>Khoản 4:</u> đề nghị sửa đổi theo hướng đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho từng công trình do đơn vị quản lý phù hợp với kế hoạch 5 năm về bảo đảm cấp nước an toàn sau khi có <i>ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan chuyên môn quản lý về nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i></p> <p><b>3. Bình Định</b></p> <p><u>Khoản 5:</u> đề nghị bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn trong việc tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn của tỉnh về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn (thẩm định và phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước tập trung nông thôn của các đơn vị cấp nước nông thôn).</p>	<p><i>100m3/ngày đêm trở lên phải lập, ban hành và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn”.</i></p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi nghiên cứu Cơ quan soạn thảo đề xuất phương án đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, phê duyệt, triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát thực hiện như tại khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định.</p>
--	---	---	---

<p>nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước.</p>	<p>động bình thường. Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài trên 2 ngày (48 giờ), phải thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.</p>		
<p><b>Điều 26. Kiểm tra, đánh giá thực hiện cấp nước an toàn</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn chịu trách nhiệm tự kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của từng công trình do đơn vị quản lý và gửi báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.</p> <p>2. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:</p> <p>a) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch 05 năm thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p> <p>b) Hướng dẫn các đơn vị cấp nước sạch nông thôn lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.</p> <p>c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Bộ</p>	<p>4. Khi nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác trong trường hợp tại khoản 3 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác tổ chức các biện pháp khắc phục sự cố và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả xử lý; trường hợp nằm ngoài khả năng xử lý thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để có giải pháp xử lý.</p>	<p><b>Điều này Ban soạn thảo không nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, các nhân.</b></p>	

<p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.</p>		<p><b>Bộ Tài nguyên và MT, Sơn La, Bình Định, Bộ Quốc phòng</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung “thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước”.</p> <p>- <u>Khoản 2:</u> đề nghị bổ sung cụ thể hơn “phương châm 4 tại chỗ”.</p> <p>- <u>Bổ sung thêm khoản 4:</u> “Chính quyền địa phương chủ động phối hợp với đơn vị chuyên môn hướng dẫn người dân trong vùng bị ảnh hưởng thu hứng, cung cấp hóa chất xử lý nước đảm bảo hợp vệ sinh để phục vụ sinh hoạt tại chỗ trong điều kiện thiên tai mà công trình cấp nước tập trung không thể hoạt động được”.</p> <p>- Nghiên cứu bổ sung nội dung (01 điều riêng) “Bảo đảm cấp nước trong trường hợp khi xảy ra chiến tranh” sau Điều 27.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Pháp luật về tài nguyên nước không quy định về đảm bảo cấp nước sinh hoạt (nước sau xử lý), vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định này tại khoản 2 Điều 18 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Khi xảy ra chiến tranh thuộc trường hợp rất đặc biệt, hiếm xảy ra. Mọi hoạt động trong trường hợp này đều được thực hiện theo lệnh và quyết định đặc biệt của Quốc hội vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không quy định riêng một điều đối với nội dung này.</p>
<p><b>Điều 27. Đảm bảo cấp nước trong trường hợp thiên tai</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch cấp nước trong trường hợp thiên tai (hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng) đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu của người dân trong vùng bị ảnh hưởng.</p> <p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn xây dựng giải pháp cụ thể để kịp thời ứng phó trong trường hợp thiên tai xảy ra theo phương châm 4 tại chỗ.</p> <p>3. Người dân khu vực bị ảnh hưởng chủ động tích, trữ nước, hóa chất xử lý nước và sử dụng nước tiết kiệm đảm bảo an toàn, hiệu quả</p>			

<p style="text-align: center;"><b>Mục 4</b> <b>QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SẢN XUẤT, CUNG CẤP, SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mục 3</b> <b>QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG</b></p>		<p>Nội dung Điều 28 dự thảo xin ý kiến Bộ, ngành địa phương được tách thành nội dung 02 Điều trong dự thảo tiếp thu giải trình (Điều 22 và Điều 23, trong tách riêng nội dung Quyền và nội dung trách nhiệm). Nội dung Điều 29 được tách thành nội dung 02 Điều (Điều 24 và Điều 25 trong tách riêng nội dung Quyền và nội dung trách nhiệm).</p>
<p><b>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có các quyền sau:</p> <p>a) Thực hiện vận hành khai thác công trình, sản xuất, cung cấp nước sạch theo quy định của pháp luật; được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình vận hành khai thác công trình.</p> <p>b) Được tham gia ý kiến vào việc lập phương án phát triển cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và vận hành khai thác công trình.</p> <p>c) Chủ động thực hiện các biện pháp quản lý vận hành, khai thác, bảo</p>	<p><b>Điều 22. Quyền của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Vận hành, khai thác công trình, sản xuất, cung cấp nước sạch theo quy định của pháp luật; được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình vận hành, khai thác công trình.</p> <p>2. Được tham gia ý kiến vào việc lập phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; tham gia ý kiến và giám sát đầu tư, quản lý khai thác các công trình hạ tầng cấp nước sạch khác trên cùng địa bàn; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và vận hành, khai thác công trình.</p>	<p><b>1. Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, Bình Định, Khánh Hòa</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung quy định về việc đơn vị cấp nước có quyền tạm ngừng cấp nước đối với khách hàng không sử dụng nước.</p> <p>- Bổ sung quy định được tham gia ý kiến và giám sát các công trình hạ tầng cấp nước khác được đầu tư trên cùng địa bàn dự kiến sẽ đầu nối, hòa mạng chung vào hệ thống.</p> <p>- Bổ sung quy định được tổ ký kết và thực hiện hợp đồng <i>đầu nối</i>, dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước và thu tiền <i>chi phí đầu nối, tiền sử dụng</i> nước ở những công trình được giao vận hành khai thác.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 8 Điều 22 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 2 Điều 22 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 6 Điều 22 của dự thảo Nghị định.</p>

<p>vệ công trình theo quy định của pháp luật để đảm bảo vận hành khai thác công trình theo thiết kế được lập.</p> <p>d) Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trợ giá nước sạch theo quy định tại Điều 37 Nghị định này và pháp luật liên quan.</p> <p>đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý vận hành, khai thác công trình.</p> <p>e) Được tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước và thu tiền nước ở những công trình được giao vận hành khai thác.</p> <p>g) Có quyền từ chối cung cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước vi phạm các quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>h) Được phép vào các khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước.</p> <p>i) Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật và hợp đồng.</p> <p>k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Chủ động thực hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư về các biện pháp quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ công trình và mở rộng mạng ống phân phối cung cấp nước công trình theo quy định của pháp luật để đảm bảo vận hành khai thác công trình theo mục tiêu, phạm vi dự án đã được phê duyệt.</p> <p>4. Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ giá nước sạch theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và pháp luật liên quan.</p> <p>5. Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ công trình.</p> <p>6. Được ký kết và thực hiện hợp đồng đấu nối, dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước và thu tiền chi phí đấu nối, tiền sử dụng nước ở những công trình được giao quản lý khai thác.</p> <p>7. Được Chủ đầu tư đền bù kinh phí thực hiện công tác di dời đường ống cấp nước do thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật trừ các trường hợp cụ thể do Chính phủ quy định.</p> <p>8. Có quyền từ chối cung cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước vi phạm các quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p>	<p>- Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý, vận hành (dự kiến bàn giao sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình) trong việc lựa chọn chủng loại ống cấp nước, giám sát công tác lắp đặt hệ thống cấp nước, nghiệm thu vật liệu ống cấp nước trước khi triển khai thi công nhằm giảm thiểu tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch trên mạng lưới cấp nước.</p> <p>- Bổ sung quy định về việc đơn vị cấp nước được chủ động thực hiện mở rộng mạng ống phân phối cung cấp nước công trình để khai thác công trình theo mục tiêu, phạm vi dự án đã được phê duyệt;</p> <p>- Bổ sung quy định được hỗ trợ kinh phí quản lý vận hành sau đầu tư và kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp nước an toàn.</p>	<p>- Việc lựa chọn chủng loại ống cấp nước, giám sát công tác lắp đặt hệ thống cấp nước, nghiệm thu vật liệu ống cấp nước trước khi triển khai thi công thuộc phạm vi giám sát của Chủ đầu tư, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định này vào dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 22 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Kinh phí cấp bù giá nước sạch được quy định tại Điều 27 dự thảo sau tiếp thu giải trình đã bao gồm cả kinh phí hỗ trợ kinh phí quản lý vận hành công trình. Chi phí thực hiện cấp nước an toàn đã được tính trong giá nước sạch, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định.</p>
---	--	---	--

<p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm quản lý vận hành, khai thác công trình, thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch và đảm bảo bố trí kinh phí sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình theo quy định.</p> <p>b) Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, số lượng, chất lượng nước và chất lượng dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ cấp nước được ký kết với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>c) Đảm bảo khách hàng sử dụng nước được đầu nối vào mạng cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước sạch nông thôn của đơn vị, cân đối nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác nhau.</p> <p>d) Bảo vệ nguồn nước và xây dựng các khu vực bảo vệ môi trường cho các điểm lấy nước và khu xử lý nước theo quy định.</p> <p>đ) Gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu và báo cáo định kỳ theo quy định.</p> <p>e) Nhanh chóng, kịp thời xử lý các sự cố gây ảnh hưởng đến công trình và khôi phục nhanh nhất hoạt động cấp nước; bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>g) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của cơ quan chức</p>	<p>9. Được phép vào các khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước.</p> <p>10. Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật và hợp đồng.</p> <p>11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>2. Trà Vinh, Tuyên Quang, Ninh Bình, Quảng Bình, Bình Định, Yên Bái, Hải Phòng, Hà Tĩnh</b></p> <p><b>Khoản 2:</b> đề nghị bổ sung nghĩa vụ của đơn vị cấp nước trong thực hiện công tác bảo vệ môi trường của công trình xử lý nước cấp theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quy định về chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> <li>- Bổ sung quy định về việc đơn vị cấp nước phải tự tiến hành công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định của pháp luật về công bố hợp chuẩn, hợp quy.</li> <li>- Bổ sung quy định về việc chủ động huy động nguồn vốn.</li> <li>- Bổ sung quy định về thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị được giao quản lý khai thác phải thực hiện theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường, quy định của pháp luật về tài nguyên nước, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung vào dự thảo Nghị định.</li> <li>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 4 Điều 23 của dự thảo Nghị định.</li> <li>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại khoản 9 Điều 23 của dự thảo Nghị định.</li> </ul>
	<p><b>Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Thực hiện các nội dung quản lý khai thác công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định này; thực hiện vận hành theo nhiệm vụ thiết kế và quy trình vận hành đã lập và phê duyệt.</p> <p>2. Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, số lượng, chất lượng nước và</p>		

<p>năng, cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.</p> <p>h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>chất lượng dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết với khách hàng sử dụng nước.</p> <p>3. Đảm bảo khách hàng sử dụng nước được đầu nối vào mạng cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị, cân đối nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác nhau.</p> <p>4. Đánh giá và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>5. Phối hợp với chính quyền địa phương, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.</p> <p>6. Công bố công khai chất lượng dịch vụ cấp nước sạch tới khách hàng sử dụng nước theo ít nhất một trong hai hình thức: trên trang thông tin điện tử của đơn vị, tại công trình cấp nước; bao gồm thông tin về chất lượng nước sạch sau khi xử lý, lưu lượng nước cấp, thời gian cấp nước, thời gian khắc phục sự cố và giải quyết các khiếu nại của khách hàng.</p> <p>7. Lập và công bố công khai đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các phản ánh, khiếu nại của khách hàng sử dụng nước về chất lượng dịch vụ cấp nước sạch.</p> <p>8. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của cơ quan chức năng, cơ</p>		
---	--	--	--



	<p>quan chuyên môn và chính quyền địa phương.</p> <p>9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p><b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước</b></p> <p>1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền sau:</p> <p>a) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>b) Yêu cầu đơn vị cấp nước sạch nông thôn kịp thời khôi phục nhanh nhất hoạt động cấp nước khi có sự cố.</p> <p>c) Được cung cấp thông tin về hoạt động cấp nước và thông báo kịp thời về sự cố cấp nước.</p> <p>d) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>đ) Yêu cầu đơn vị cấp nước sạch nông thôn kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm tiêu thụ nước và số tiền nước phải thanh toán.</p> <p>e) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của đơn vị cấp nước sạch nông thôn hoặc các bên có liên quan.</p>	<p><b>Điều 24. Quyền của khách hàng sử dụng nước</b></p> <p>1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ quy định trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kịp thời xử lý sự cố, khôi phục nhanh nhất hoạt động cấp nước.</p> <p>3. Được cung cấp thông tin về hoạt động cấp nước và thông báo kịp thời về sự cố cấp nước.</p> <p>4. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác.</p> <p>5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm tiêu thụ nước và số tiền nước phải thanh toán khi có nghi vấn hoặc phát sinh bất thường.</p> <p>6. Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác sạch nông thôn hoặc các bên có liên quan.</p> <p>7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Bình Định</b></p> <p>- Đề nghị sửa đổi điểm đ khoản 1 theo hướng quy định khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước khi có nghi vấn hoặc phát sinh bất thường.</p> <p>- Bổ sung trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước về bảo vệ tài sản, thiết bị đo đếm và hạ tầng cấp nước có liên quan.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 5 Điều 24 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 2 Điều 25 của dự thảo Nghị định.</p>

<p>g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khách hàng sử dụng nước có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>b) Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích.</p> <p>c) Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.</p> <p>d) Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước sạch nông thôn kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.</p> <p>đ) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 25. Trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước</b></p> <p>1. Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.</p> <p>2. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích; bảo vệ tài sản, thiết bị đo đếm và hạ tầng cấp nước có liên quan.</p> <p>3. Thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước, chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.</p> <p>4. Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân quản lý khai thác kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.</p> <p>5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p><b>Mục 5</b></p>	<p>Nội dung Điều 30, 31 tại mục 5 bố cục lại thành Điều 21 Chương II, nội dung</p>		

<p align="center"><b>BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN</b></p>	<p>Điều 32 đưa vào các Điều quy định về trách nhiệm của tổ chức cá nhân cụ thể: Khoản 1 Đưa vào trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước tại Điều 25 Chương II. Khoản 2 Đưa vào trách nhiệm đơn vị quản lý khai thác tại Điều 23 Chương II. Khoản 3 Đưa vào trách nhiệm thực hiện của UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 34 Chương V.</p>		
<p><b>Điều 30. Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn</b></p> <p>1. Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn bao gồm phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình, phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống phân phối nước và phạm vi bảo vệ nhà máy nước.</p> <p>2. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.</p> <p>3. Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống phân phối nước là hành lang an toàn đường ống phân phối nước được xác định bằng mốc chỉ giới có chiều rộng 0,5m tính từ tim ống trở ra hai phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống tùy theo đường</p>	<p><b>Điều 21. Bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Phạm vi bảo vệ</p> <p>a) Phạm vi bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm: phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình; phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước; phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ;</p> <p>b) Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước sạch tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;</p> <p>c) Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô, đường ống phân phối nước là hành lang an toàn đường ống nước thô, đường ống phân phối nước có chiều rộng tối thiểu 0,3m, tối đa 0,5m tính từ thành ống trở ra hai</p>	<p><b>1. Tổng cục Phòng chống thiên tai</b> Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung: Việc xác định phạm vi bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn và xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông phải đảm bảo phù hợp, tuân thủ quy định của pháp luật về đê điều.</p> <p><b>2. Quảng Nam</b> Đề nghị bổ sung phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường ống dẫn nước từ điểm thu nước về khu vực nhà máy nước.</p> <p><b>3. Bộ Tài nguyên và MT, Bình Định</b> <u>Khoản 2:</u> đề nghị ghi rõ phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Khi đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn phải tuân thủ các quy định về pháp luật khác trong đó có Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung tại khoản 1 Điều 21 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 21 của dự thảo Nghị định.</p>

<p>kính ống và mức độ quan trọng của đường ống.</p> <p>4. Phạm vi bảo vệ nhà máy nước là phạm vi tường rào bảo vệ trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, khu vực trữ nước, trạm bơm tăng áp.</p>	<p>phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống. Trong trường hợp không xác lập được hành lang an toàn, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác có phương án bảo vệ an toàn đường ống cho phù hợp với tình hình thực tế;</p> <p>d) Phạm vi bảo vệ trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ là phạm vi nằm trong khuôn viên của trạm xử lý nước và các công trình phụ trợ, bao gồm: công trình xử lý nước, bể chứa nước sạch, trạm bơm nước sạch, nhà điều hành và các công trình phụ trợ.</p> <p>2. Nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đặc điểm địa hình, nguồn nước, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và phạm vi bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>b) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình cấp nước; kế hoạch kiểm tra, theo dõi của tổ chức bảo vệ công trình;</p> <p>c) Quy trình và biện pháp xử lý khắc phục trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;</p> <p>d) Quy định về phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>3. Quy định thực hiện nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình lập và ban hành phương án bảo vệ, gửi chính quyền địa phương để phối hợp tổ chức thực hiện;</p>	<p>theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>- Đề nghị Tổ soạn thảo Nghị định xem xét quy định liên quan đến thu hồi đất trong vùng bảo hộ vệ sinh, rất tốn kém và phải xây dựng kế hoạch sử dụng đất để thu hồi.</p>	<p>- Trường hợp thu hồi đất (nếu có) trong vùng bảo hộ vệ sinh phải tuân theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về tài nguyên nước, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không đưa nội dung liên quan đến thu hồi đất trong vùng bảo hộ vệ sinh vào dự thảo Nghị định.</p>
<p><b>Điều 31. Phương án bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm lập phương án bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn và bảo vệ nguồn nước (gọi tắt là phương án bảo vệ công trình) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Phương án bảo vệ công trình bao gồm các nội dung chính sau đây:</p>	<p>bảo vệ công trình;</p> <p>c) Quy trình và biện pháp xử lý khắc phục trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;</p> <p>d) Quy định về phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>3. Quy định thực hiện nội dung phương án bảo vệ</p> <p>a) Đối với công trình quy mô lớn, vừa: tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình lập và ban hành phương án bảo vệ, gửi chính quyền địa phương để phối hợp tổ chức thực hiện;</p>	<p><b>4. Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Bình, Bình Định</b></p> <p><u>Khoản 3:</u> đề nghị sửa đổi quy định xác định mốc chỉ giới trong hành lang an toàn đường ống phân phối nước theo hướng có chiều rộng tối thiểu 0,3 m và tối đa 0,5m tính từ thành ống trở ra hai phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như tại điểm c khoản 1 Điều 21 của dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>1. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b></p> <p>Đề nghị thống nhất sử dụng từ “<i>thẩm quyền phê duyệt</i>” hay “<i>thẩm quyền ban hành</i>”.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Do số lượng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn là rất lớn việc lập và phê duyệt phương án bảo vệ là không khả thi, phát sinh rất nhiều thủ tục hành chính, vì vậy Cơ soạn thảo quy định theo hướng, đơn vị quản lý vận hành tự lập, công khai gửi cơ quan chính quyền địa</p>
		<p><b>2. Quảng Trị, Bình Định, Cà Mau, Thái Bình, Bắc Giang, Hải Phòng, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b></p> <p><u>Khoản 3:</u> đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền ban hành phương án</p>	

<p>a) Đặc điểm địa hình, nguồn nước, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và phạm vi bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;</p> <p>d) Quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ chất dễ cháy, chất độc hại;</p> <p>đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình cấp nước;</p> <p>e) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và phạm vi bảo vệ công trình;</p> <p>g) Bảo vệ, xử lý khi công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.</p> <p>3. Thẩm quyền ban hành phương án bảo vệ công trình được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với công trình cấp nước có quy mô liên xã, liên huyện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền ban hành phương án bảo vệ công trình.</p> <p>b) Đối với công trình cấp nước có quy mô xã: Ủy ban nhân dân xã có công trình ban hành phương án bảo vệ công trình.</p>	<p>b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ lập, ban hành và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình.</p>	<p>bảo vệ công trình cấp nước đối với công trình cấp nước có quy mô thôn (do chính quyền thôn ban hành), quy mô xã (do Ủy ban nhân dân xã ban hành), quy mô liên huyện (do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành), quy mô liên xã (do Ủy ban nhân dân huyện ban hành).</p> <p>- Rà soát lại quy định về quy mô liên xã, liên huyện cho phù hợp với phân loại công trình cấp nước tập trung theo quy mô công suất lớn, trung bình, nhỏ.</p>	<p>phương phối hợp thực hiện phương án bảo vệ công trình, do vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không quy định về thẩm quyền ban hành phương án bảo vệ công trình tại dự thảo Nghị định.</p>
--	--	--	---

<p><b>Điều 32. Trách nhiệm bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn</b></p> <p>1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi hoặc các tác động gây tổn hại, đe dọa đến sự an toàn, hoạt động của công trình cấp nước tập trung nông thôn và phạm vi bảo vệ công trình thì phải báo ngay cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất.</p> <p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Công khai và thực hiện phương án bảo vệ công trình đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành;</p> <p>b) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng, diễn biến của công trình cấp nước tập trung nông thôn và phạm vi bảo vệ công trình;</p> <p>c) Phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình;</p> <p>d) Trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố phải thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>đ) Quản lý vật tư, vật dụng chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai và xử lý sự cố có thể xảy ra trên hệ thống cấp nước;</p>	<p>Nội dung Điều 32 đưa vào các Điều quy định về trách nhiệm của tổ chức cá nhân.</p> <p>Khoản 1 Đưa vào trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước tại Điều 25 Chương II.</p> <p>Khoản 2 Đưa vào trách nhiệm đơn vị quản lý khai thác tại Điều 23 Chương II.</p> <p>Khoản 3 Đưa vào trách nhiệm thực hiện của UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 34 Chương V.</p>	<p><b>1. Thái Bình, Hải Phòng</b></p> <p><u>Khoản 2:</u> Đề nghị bổ sung nội dung quy định về việc phối hợp xây dựng quy chế với các địa phương cấp xã, các đơn vị liên quan trong quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn.</p> <p><b>2. Đắk Nông, Thanh Hóa</b></p> <p><u>Khoản 3:</u> bổ sung trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước trong vận động tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Bổ sung trách nhiệm rà soát, bổ sung quỹ đất phục vụ cho việc bảo đảm an toàn phạm vi công trình cấp nước tập trung nông thôn.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định về việc phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện phương án bảo vệ tại khoản 3 Điều 21 của dự thảo Nghị định, trên cơ sở đó đơn vị quản lý khai thác và chính quyền địa phương xây dựng quy chế phối hợp để thực hiện.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung quy định này trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước trong công tác bảo vệ công trình tại khoản 3 Điều 25 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Trong thời gian đầu tư xây dựng công trình, việc xác định phạm vi an toàn và hành lang bảo vệ đã được thực hiện và tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai, vì vậy không cần quy định trách nhiệm rà soát, bổ sung quỹ đất vào dự thảo Nghị định.</p>
--	---	--	--

<p>e) Vận động tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn theo thẩm quyền.</p> <p>b) Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình cấp nước khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.</p> <p>c) Ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn.</p> <p>d) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn đã ban hành.</p>			
<p align="center"><b>Chương III</b> <b>QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG</b> <b>TRÌNH CẤP NƯỚC QUY MÔ</b> <b>HỘ GIA ĐÌNH</b></p>	<p align="center"><b>Chương VI</b> <b>QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG</b> <b>TRÌNH CẤP NƯỚC QUY MÔ HỘ</b> <b>GIA ĐÌNH</b></p>		
<p><b>Điều 33. Yêu cầu đối với công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</b> Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình do cá nhân, nhóm hộ gia đình tự</p>		<p><b>1. Bộ Y tế, Sơn La, Vĩnh Long, Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> <u>Khoản 1</u>: đề nghị bỏ quy định bắt buộc chất lượng nước của công trình phải đáp ứng chất lượng nước sạch</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Sau khi tiếp thu ý kiến của một số địa phương và thành viên Ban soạn thảo Cơ quan soạn thảo tiếp thu và không</p>

<p>xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:</p> <p>1. Chất lượng nước của công trình phải được xử lý đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy chuẩn.</p> <p>2. Khi có khuyến cáo của cơ quan chức năng về chất lượng nguồn nước của công trình, phải lắp đặt thiết bị lọc nước, xử lý nước hộ gia đình đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về vật tư, thiết bị và chất lượng nước theo quy định.</p> <p>3. Các thiết bị lọc nước, xử lý nước hộ gia đình phải được sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế định kỳ trong quá trình sử dụng đảm bảo tuân theo quy định kỹ thuật của nhà sản xuất.</p> <p>4. Đối với công trình khai thác nguồn nước mặt, công trình được xây dựng từ các vật liệu, chất liệu đảm bảo an toàn cho sức khỏe của người sử dụng và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng, vận hành.</p> <p>Đối với công trình khai thác nguồn nước dưới đất, công trình phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất theo quy định.</p>		<p>đạt quy chuẩn kỹ thuật vì quy chuẩn kỹ thuật là quy định bắt buộc áp dụng; khi quy chuẩn được ban hành thì chủ công trình bắt buộc phải công bố hợp quy, những điều này là không khả thi đối với công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p>	<p>quy định chính sách đối với quản lý, sử dụng công trình quy mô cấp nước hộ gia đình, lý do:</p> <p>Qua rà soát và đánh giá thực tế tại các địa phương hiện nay, các công trình cấp nước hộ gia đình do các hộ dân tự khai thác, quản lý, sử dụng, việc thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng nước hộ gia đình như đề xuất ban đầu không thể thực hiện được do yêu cầu kinh phí triển khai thực hiện rất lớn); việc ban hành và thực hiện quy chuẩn quy định chất lượng nước sạch đối với công trình cấp nước quy mô hộ gia đình như đối với công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn là không khả thi, do các hộ gia đình không thể tự công bố hợp quy chất lượng nước sử dụng theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p>
<p><b>2. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b></p> <p><u>Khoản 3:</u> đề nghị bổ sung quy định hạn chế đầu nối giữa hai hệ thống công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và hệ thống lấy nước từ công trình cấp nước nông thôn tập trung. Nếu trong trường hợp sử dụng chung thì phải lắp đặt van một chiều tại hệ thống lấy nước từ công trình cấp nước nông thôn tập trung.</p>			
<p><b>3. Ủy ban Dân tộc</b></p> <p><u>Khoản 4:</u> đề nghị có phụ lục danh mục các vật liệu không đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người để nhân dân tránh hoặc loại bỏ nếu đã sử dụng.</p>			
<p><b>4. Ninh Bình</b></p> <p>Hiện nay, chưa có quy chuẩn quy định chất lượng nước sạch theo quy mô hộ gia đình; đề nghị xây dựng, ban hành bổ sung quy chuẩn quy định đối với chất lượng nước sạch quy mô hộ gia đình.</p>			
<p><b>5. Bình Định, Quảng Ngãi</b></p>			



		<p>Đề nghị sửa đổi tiêu đề thành như sau:  “Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình do Nhà nước đầu tư hoặc tổ chức cá nhân, nhóm hộ gia đình, xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:”</p>	<p>Do vậy, quy định chính sách về quản lý công trình cấp nước hộ gia đình tại thời điểm hiện tại là không khả thi, việc quản lý đối với công trình cấp nước hộ gia đình tại dự thảo Nghị định chỉ quy định về yêu cầu nội dung dữ liệu báo cáo về số lượng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình tại Chương IV để phục vụ công tác quản lý nhà nước và Điều 28 Hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình. Vai trò Nhà nước đối chính sách này chỉ ở mức đưa ra các hướng dẫn về mặt kỹ thuật, khuyến cáo, tuyên truyền người dân trong việc xây dựng và sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p>
<p><b>Điều 34. Quy định về quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</b>  1. Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:  a) Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp báo cáo hiện trạng quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình trên địa bàn theo quy định gửi cơ quan chuyên</p>		<p><b>6. Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai</b>  - Đề nghị bỏ Điều này. Lý do: Trên thực tế không thể thực hiện được do cấp nước hộ gia đình, công trình do dân tự khai thác, quản lý, sử dụng; Nhà nước chỉ khuyến cáo và tuyên truyền người dân không ép buộc được trong quản lý.  - Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định quản lý đối với công trình thiết bị lọc nhỏ lẻ hộ gia đình, công nghệ xử lý nước đơn giản.</p> <p><b>1. Bộ Y tế, Đồng Nai</b>  - Khoản 3: Chính sửa quy định về “kiểm tra, giám sát chất lượng nước hộ gia đình” của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND cấp tỉnh thành “kiểm tra, giám sát vệ sinh nguồn nước hộ gia đình”; quy định về “quản lý cơ sở dữ liệu về giám sát chất lượng hộ gia đình” thành “quản lý cơ sở dữ liệu về vệ sinh nguồn nước hộ gia đình”.</p>	

<p>môn về cấp nước sạch nông thôn để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>b) Cử cán bộ chuyên trách quản lý, hướng dẫn, theo dõi tình hình khai thác, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình trên địa bàn.</p> <p>c) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p> <p>d) Kịp thời thông báo cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình khi nhận được khuyến cáo của cơ quan quản lý nhà nước về tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và công trình.</p> <p>2. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình khai thác, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình trên địa bàn tỉnh và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.</p> <p>b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng và ban hành tài liệu về công tác quản lý, sử dụng, vận hành khai thác công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đảm bảo hiệu quả, an toàn; hướng dẫn sử dụng công trình trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh.</p>		<p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình trên địa bàn xã.</p> <p><b>2. Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai</b> Đề nghị bỏ Điều này. Lý do: Trên thực tế không thể thực hiện được do cấp nước hộ gia đình, công trình do dân tự khai thác, quản lý, sử dụng; Nhà nước chỉ khuyến cáo và tuyên truyền người dân không ép buộc được trong quản lý.</p>	
--	--	---	--

c) Phối hợp với cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xây dựng phương án kiểm soát, đánh giá nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khai thác sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.

d) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư, thiết bị, hóa chất trong xử lý nước hộ gia đình.

đ) Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương để thông báo cho cá nhân, hộ gia đình tại nơi phát hiện các nguy cơ, rủi ro về nguồn nước khai thác trên địa bàn và khuyến cáo các biện pháp xử lý phù hợp.

3. Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước hộ gia đình cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình.

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng nước hộ gia đình theo quy định.

c) Quản lý cơ sở dữ liệu về giám sát chất lượng nước hộ gia đình theo

<p>chức năng, nhiệm vụ được giao và chia sẻ thông tin tới các cơ quan, đơn vị liên quan.</p> <p>d) Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương để thông báo cho cá nhân, hộ gia đình tại nơi phát hiện các nguy cơ, rủi ro về chất lượng nước hộ gia đình và khuyến cáo các biện pháp xử lý phù hợp.</p>			
<p><b>Điều 35. Trách nhiệm, quyền lợi của cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>2. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng nước tại hộ gia đình và thông báo ngay cho cơ quan chính quyền tại địa phương khi phát hiện có hiện tượng bất thường về chất lượng nước đang sử dụng.</p> <p>3. Thực hiện theo hướng dẫn, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương đối với quy định về giám sát chất lượng nước hộ gia đình; xây dựng, bảo trì, sửa chữa, quản lý, sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình; sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lọc nước, xử lý nước</p>		<p><b>1. Vĩnh Long</b> Đề nghị điều chỉnh nội dung quy định cấp nước hộ gia đình phải tuân theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước vì tại khoản 1, 2 Điều 16, Nghị định 201/2013/NĐ-CP có qui định: Khai thác nước cho mục đích sinh hoạt hộ gia đình, qui mô nhỏ không phải đăng ký, không phải xin phép.</p> <p><b>2. Bộ Công Thương</b> Khoản 2: đề nghị cân nhắc việc cá nhân, hộ gia đình “thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng nước hộ gia đình...” vì cá nhân, hộ gia đình không tự thực hiện được mà phải có thiết bị kiểm tra chuyên dụng do đơn vị cấp nước sạch thực hiện kiểm tra định kỳ.</p> <p><b>3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b> Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét bỏ nội dung về tín dụng ưu</p>	

<p>hộ gia đình đảm bảo quy định kỹ thuật.</p> <p>4. Phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng trong công tác điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng nước hộ gia đình và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p> <p>5. Tham gia tập huấn, hướng dẫn quy trình bảo đảm cấp nước an toàn hộ gia đình của cơ quan, đơn vị chuyên môn.</p> <p>6. Được vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p> <p>7. Hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách chưa được tiếp cận với nước sạch được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình.</p>		<p>đãi hỗ trợ người dân xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình tại Khoản 6 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 38, Khoản 3 Điều 38 vì:</p> <p>(i) Việc quy định các biện pháp hỗ trợ hoặc ưu đãi cho ngành, lĩnh vực, đối tượng cụ thể thông qua cơ chế tín dụng có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các khách hàng vay khác nhau.</p> <p>(ii) Đảm bảo thống nhất với quy định về quyền tự chủ trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Điều 7 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung)<sup>2</sup>.</p> <p>(iii) Tại Khoản 7 Điều 35 đã có quy định hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách chưa được tiếp cận với nước sạch được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình</p>	
		<p><b>4. Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai</b>          Đề nghị bỏ các khoản và chỉ giữ lại khoản 6,7. Lý do: Trên thực tế không thể thực hiện được do cấp nước hộ gia đình, công trình do dân tự khai thác, quản lý, sử dụng; Nhà nước chỉ</p>	

		khuyến cáo và tuyên truyền người dân không ép buộc được trong quản lý.	
<b>Chương IV CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ TRONG CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN</b>	<b>Chương III CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ</b>		
<p><b>Điều 36. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn</b></p> <p>1. Đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn bao gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>2. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định như sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng mới và dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước tập trung nông thôn thuộc quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>b) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng về cấp nước sạch, tự đảm bảo chi thường xuyên và đảm bảo tổ chức bộ máy để vận hành, khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trình</p>	<p><b>Điều 26. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: nhà đầu tư có dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Việc lựa chọn nhà đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều này thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.</p> <p>3. Điều kiện ưu đãi, hỗ trợ</p> <p>a) Dự án nằm trong danh mục dự án kêu gọi đầu tư được cơ quan có thẩm quyền ban hành;</p> <p>b) Dự án có quy mô tổng mức đầu tư nhỏ hơn 200 tỷ đồng; trường hợp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư thì nhỏ hơn 100 tỷ đồng.</p> <p>4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ</p>	<p><b>1. Bộ Kế hoạch và DT, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b></p> <p>- Đối với hỗ trợ từ NSNN: Đề nghị làm rõ tính khả thi của việc đề xuất chính sách hỗ trợ sau đầu tư đối với các công trình nước sạch, cần xây dựng quy trình thủ tục để thực hiện chính sách.</p> <p>- Đối với vay vốn tín dụng ưu đãi: đề nghị thuyết minh căn cứ về việc xây dựng quy định mức cho vay vốn tối đa 05 tỷ đồng/công trình, thời hạn cho vay tối đa 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay thương mại tại điểm e khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định; đề nghị phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội rà soát, đánh giá lại hiện trạng và cơ sở pháp lý để xây dựng chính sách tín dụng mới, đảm bảo phù hợp với khả năng, điều kiện nguồn lực và tính khả thi của chính sách.</p> <p><b>2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam</b> <u>Khoản 2</u>: các quy định về điều kiện chưa mạch lạc, chưa nêu rõ điều kiện</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa, bỏ nội dung hỗ trợ sau đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn tại Điều 26 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Sau khi rà soát Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung vay vốn tín dụng ưu đãi vào dự thảo Nghị định. Nội dung này đang được dự thảo quy định tại 02 Quyết định của Chính phủ để triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về nước sạch và VSMT nông thôn.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 3,</p>

<p>độ kỹ thuật, quản lý và đội ngũ lao động đáp ứng được các yêu cầu trong hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch.</p> <p>3. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn, giảm tiền thuê đất và các quy định khác về cho thuê đất theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật liên quan.</p> <p>b) Hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa; các quy định về xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực</p>	<p>a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư thông qua hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng dự án;</p> <p>b) Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>c) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư theo dự án quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa. Mức hỗ trợ cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước;</p> <p>d) Nhà đầu tư tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật đầu tư. Nhà đầu tư được hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>đ) Trong cùng một thời gian, nếu dự án được hưởng mức hỗ trợ tại Điều này thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư khác.</p> <p>5. Nội dung ưu đãi bao gồm:</p> <p>a) Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Nội dung hỗ trợ bao gồm:</p>	<p>được hưởng ưu đãi phải thỏa mãn đồng thời hay chỉ cần thỏa mãn một trong các điều kiện.</p> <p><u>Khoản 3:</u> nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cần được hướng dẫn cụ thể về tổ chức thực hiện tại Nghị định này hoặc có định hướng xây dựng Thông tư hướng dẫn, tránh trường hợp nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn, không tiếp cận được các ưu đãi, hỗ trợ đã được đề cập.</p> <p><b>3. Ngân hàng Chính sách xã hội</b></p> <p>Đề nghị làm rõ đối tượng hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi tại điểm e khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 38 có phải hỗ trợ vay vốn từ chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung quy định về nguồn vốn cho vay ưu đãi và cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng đối với quy định về đối tượng thụ hưởng được vay vốn tín dụng ưu đãi trong dự thảo Nghị định.</p> <p>- Đề nghị sửa cụm từ “tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn” thành cụm từ “tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn”.</p> <p>- Đề nghị nêu rõ lãi suất được hưởng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 36.</p>	<p>4 Điều 26 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Tiếp thu ý kiến của Bộ KHĐT, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan soạn thảo thống nhất bỏ nội dung quy định về hỗ trợ vay vốn tín dụng để đầu tư công trình cấp nước tập trung.</p>
--	--	--	--

<p>giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.</p> <p>c) Hỗ trợ vốn sau đầu tư theo giá trị quyết toán tổng vốn đầu tư xây lắp được duyệt của dự án (gồm chi phí xây dựng và thiết bị): tối đa 70% đối với các xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo; tối đa 50% đối với các vùng nông thôn còn lại.</p> <p>d) Hỗ trợ lãi suất vay thương mại với mức lãi suất hỗ trợ 2%/năm, hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án.</p> <p>đ) Hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: mức cho vay vốn tối đa đối với mỗi dự án bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động) theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước.</p> <p>e) Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức cho vay vốn tối đa 05 tỷ đồng/công trình, thời hạn cho vay tối đa 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay thương mại quy định trong từng thời kỳ.</p>	<p>a) Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng của dự án: mức hỗ trợ được tính theo tỷ lệ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của dự án tùy theo địa bàn đầu tư của dự án; tối đa 90% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tối đa 40% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc địa bàn vùng đồng bằng; tối đa 60% tổng chi phí kết cấu hạ tầng của dự án thuộc vùng nông thôn khác;</p> <p>b) Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng của dự án không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, đối tượng thu và cách sử dụng nguồn thu của kinh phí hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định.</p> <p>7. Nguồn vốn và giao kế hoạch vốn hỗ trợ</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cân đối ngân sách bố trí nguồn vốn đầu tư, và huy động các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh</p>	<p><b>4. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, Cần Thơ, Bắc Giang, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bình Định, Công ty Cổ phần Nước sạch &amp; VSNT tỉnh Nam Định, Bộ Tài chính</b></p> <p><u>Điểm a khoản 3:</u> đề nghị quy định rõ ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai và pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p><u>Điểm c khoản 3:</u> Đề nghị nghiên cứu, rà soát với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện đối với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn mà hiện nay Bộ KHĐT đang chỉnh sửa</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định về phần kinh phí hỗ trợ từ NSNN để đầu tư tại vùng không thuộc địa bàn KTXH khó khăn thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định do UBND cấp tỉnh quyết định mức thu, đối tượng thu và cách sử dụng</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo và chỉnh sửa như khoản 5 Điều 26 dự thảo Nghị định.</p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định này như tại điểm b khoản 5 Điều 26 của dự thảo Nghị định.</p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã phối hợp rà soát với Bộ KHĐT. Hiện tại, trong dự thảo sửa đổi Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Bộ KHĐT không còn quy định về hỗ trợ đầu tư cấp nước sạch.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 26 của dự thảo nghị định.</p>
--	--	---	--



<p>g) Căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cơ chế, mức hỗ trợ cụ thể đối với các nội dung theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều này.</p>	<p>tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư công;</p> <p>c) Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.</p> <p>8. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ cho các dự án được hoàn thành và nghiệm thu theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.</p> <p>9. Trình tự, thủ tục kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án được hỗ trợ: thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>10. Quyết toán nguồn vốn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quyết toán phần vốn hỗ trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>	<p>nguồn thu này.</p> <p>- Bổ sung quy định chuyển tiếp về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đã quyết toán, đã đầu tư hoặc đang đầu tư và đã được bố trí trong nguồn vốn đầu tư công trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được UBND cấp tỉnh phê duyệt tỷ lệ hỗ trợ vốn đầu tư, mức hỗ trợ vốn đầu tư.</p> <p>- Điểm d khoản 3 Điều 36: <i>đề nghị bỏ quy định hỗ trợ lãi suất vay thương mại thông qua hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) và quy định mức vay hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư do qua thực tế triển khai các chương trình tín dụng có hỗ trợ lãi suất từ Ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống các TCTD cho thấy hiệu quả thấp, phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, tỷ lệ nợ xấu cao, ảnh hưởng chất lượng tín dụng của các TCTD.</i></p> <p>- Điểm đ khoản 3 Điều 36: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại điểm đ Khoản 3 Điều 36 vì các công trình cấp nước tập trung nông thôn không thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Nghị định số</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung quy định này tại Điều 35 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bỏ quy định này trong dự thảo.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã lược bỏ nội dung quy định này trong dự thảo Nghị định.</p>
---	--	--	---

		<p>32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 Chính phủ.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 thành như sau:  “Căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cơ chế, mức hỗ trợ cụ thể đối với các nội dung theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều này; <i>mỗi công trình, dự án đầu tư chỉ được hưởng duy nhất 1 trong số các nội dung ưu đãi quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 3 Điều này</i>”.</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại khoản 3 Điều 33 của dự thảo nghị định.</p>
		<p><b>5. Bộ Công Thương, Bình Định, Bắc Ninh</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn được thể hiện tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>- Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung về mức ưu tiên hỗ trợ đối với “vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước” vào khoản 3</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại Điều 26 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Điều 26 của dự thảo Nghị định được xây dựng để áp dụng cho tất cả</p>

		<p>Điều 36.</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung nguồn kinh phí hỗ trợ thì có phải hoàn trả lại cho Ngân sách Nhà nước hay không và nếu phải hoàn trả thì theo hình thức nào?</p>	<p>vùng, miền khu vực nông thôn.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 26 của dự thảo nghị định.</p>
		<p><b>6. Bộ Tư pháp</b></p> <p>1. Về chính sách ưu đãi thuế:</p> <p>Điểm a khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: “ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn, giảm tiền thuê đất và các quy định khác về cho thuê đất theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp Luật liên quan Tuy nhiên, điểm g khoản 1 Điều 2 và điểm i khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ đã</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>1. Về chính sách ưu đãi:</p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu đã bỏ quy định chính sách riêng liên quan đến ưu đãi đất đai tại dự thảo Nghị định này và quy định theo hướng “<i>chính sách về ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật có liên quan</i>”; đồng thời quy định “<i>chính sách ưu đãi về thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành</i>”.</p> <p>(Chi tiết tại khoản 5 Điều 26 của dự thảo nghị định).</p>

		<p>quy định Nhà nước cho thuê đất đối với tổ chức kinh tế sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị). Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo Nghị định rà soát, bỏ các nội dung liên quan đến chính sách ưu đãi đất đai được quy định riêng tại dự thảo Nghị định để tránh chồng chéo.</p> <p>Đồng thời, điểm 1.b mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: Chính sách thuế, phí, lệ phí chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Do đó, để đảm bảo bao quát, đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về thuế hiện hành đề nghị quy định nội dung về chính sách ưu đãi thuế tại điểm a khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định theo hướng, ưu đãi về thuế được thực hiện theo quy</p>	
--	--	---	--

		<p>định của pháp luật về thuê hiện hành.</p> <p>2. Về chính sách hỗ trợ vốn sau đầu tư</p> <p>Điểm c Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: “Hỗ trợ vốn sau đầu tư theo giá trị quyết toán tổng vốn đầu tư xây lắp được duyệt của dự án (gồm chi phí xây dựng và thiết bị): Tối đa 70% đối với các xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo; tối đa 50% đối với các vùng nông thôn còn lại”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã có quy định hỗ trợ doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn “a) Hỗ trợ 03 triệu đồng/m<sup>3</sup>/ngày đêm công suất cho xây mới hoặc 02 triệu đồng/m<sup>3</sup>/ngày đêm công suất cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch; b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên”. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (dự thảo Nghị định</p>	<p>2. Về chính sách hỗ trợ vốn sau đầu tư:</p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện lại nội dung quy định này tại dự thảo Nghị định theo hướng quy định hỗ trợ đầu tư công trình theo hình thức kêu gọi xã hội hóa đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư công); trong đó, quy định trình tự, thủ tục kiểm soát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án, công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện theo quy định về việc kiểm soát, thanh toán thực hiện quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>(Chi tiết như tại khoản 8,9 Điều 26 của dự thảo nghị định).</p>
--	--	---	--

		<p>đã xin ý kiến Thành viên Chính phủ), tại dự thảo không có quy định về hỗ trợ dự án cấp nước sạch. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, rà soát và hoàn thiện lại nội dung này tại dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện.</p> <p>Đối với vốn đầu tư công, đề nghị rà soát về trình tự, thủ tục kiểm soát, thanh toán vốn cho nhiệm vụ, dự án, công trình cấp nước tập trung nông thôn, trường hợp không có đặc thù, đề nghị bổ sung quy định về việc kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (trừ vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ thì thực hiện kiểm soát, thanh toán theo các văn bản quy phạm pháp luật đặc thù</p>	
--	--	--	--

		<p>đối với từng trường hợp).</p> <p>3. Về chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước</p> <p>Điểm đ khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: “Hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: mức cho vay vốn tối đa đối với mỗi dự án bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động) theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước”. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, các công trình cấp nước tập trung nông thôn không thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, lược bỏ nội dung hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại điểm đ khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định. Việc thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi nêu trên được thực hiện theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng trình Chính phủ ban hành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP, do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, bổ sung cho đồng bộ, thống nhất.</p>	<p>3. Về chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã lược bỏ nội dung hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại dự thảo Nghị định này; đồng thời lược bỏ nội dung hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn để đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung tại dự thảo Nghị định này.</p>
--	--	--	---

		<p>Điểm e khoản 3 Điều 36 dự thảo Nghị định quy định: “Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức cho vay vốn tối đa 05 tỷ đồng/công trình, thời hạn cho vay tối đa 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay thương mại quy định trong từng thời kỳ”. Hiện nay, ngân hàng Chính sách xã hội đang triển khai Chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, theo đó, mức vốn cho vay đối với mỗi loại công trình tối đa là 10 triệu đồng/hộ. Tuy nhiên, các quy định về chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn hiện hành không bao gồm đối tượng thụ hưởng là tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thực hiện hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác công</p>	
--	--	---	--



		<p>trình cấp nước sạch nông thôn. Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội rà soát, đánh giá lại hiện trạng và cơ sở pháp lý để xây dựng chính sách tín dụng mới, đảm bảo phù hợp với khả năng, điều kiện nguồn lực và tính khả thi của chính sách.</p> <p>Bên cạnh đó, liên quan đến chính sách tín dụng, dự thảo Nghị định quy định cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: “Được vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình ”; “Hỗ trợ hộ gia đình nông thôn vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng về nước sạch và vệ sinh nông thôn để xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình”. “Hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào hoặc nguồn cấp nước khác chưa đạt quy chuẩn”. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa làm rõ “tín dụng ưu đãi” trong trường hợp này được hiểu là vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng</p>	<p>- Đối với nội dung quy định hỗ trợ hộ gia đình nông thôn vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng về nước sạch và vệ sinh nông thôn để xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình:</p> <p>Cơ quan soạn thảo đã bổ sung làm rõ trong dự thảo Tờ trình về tín dụng ưu đãi trong trường hợp này được hiểu là vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Do đó, tín dụng ưu đãi ở đây được hiểu là vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn hiện đang thực hiện theo Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết như tại khoản 3 Điều 28 của dự thảo nghị định.</p>
--	--	--	--

		<p>Phát triển Việt Nam hay vay từ các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại thông thường. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ tín dụng ưu đãi ở đây được hiểu như thế nào? Nếu vay từ 02 ngân hàng chính sách xã hội nêu trên, đề nghị rà soát kỹ quy định pháp luật đảm bảo tính khả thi của văn bản, không trùng lặp, chồng chéo về đối tượng, cơ chế chính sách ưu đãi, tránh gây lãng phí, dàn trải nguồn lực của nhà nước.</p>	
<p><b>Điều 37. Trợ giá nước sạch nông thôn</b>  1. Các hình thức trợ giá nước sạch nông thôn bao gồm:  a) Cấp bù giá nước sạch nông thôn cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn.  b) Hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại khu vực nông thôn chưa được tiếp cận với nước sạch.  2. Nguyên tắc cấp bù giá nước sạch nông thôn:  a) Chỉ tính cấp bù cho khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế của khách hàng sử dụng nước không bao gồm khối lượng nước được hỗ trợ giá nước</p>	<p><b>Điều 27. Hỗ trợ giá nước sạch</b>  1. Đối tượng được hỗ trợ giá nước sạch: Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.  2. Nguyên tắc hỗ trợ giá nước sạch  a) Chỉ tính hỗ trợ giá cho khối lượng nước sạch tiêu thụ trong phạm vi định mức hỗ trợ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định áp dụng đối với từng đối tượng sử dụng nước được hỗ trợ giá;  b) Tổng khối lượng hỗ trợ giá nước sạch được tính dựa trên khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế trong phạm vi định mức hỗ trợ trên nguyên tắc tổng khối lượng nước sạch được hỗ trợ giá không lớn hơn tổng khối lượng nước sạch được hỗ trợ giá áp dụng cho từng đối tượng sử</p>	<p><b>1. Bình Định, Trà Vinh, Bộ Tài chính</b>  <u>Điểm b khoản 1:</u>  - Đề nghị bỏ cụm từ “chưa được tiếp cận với nước sạch” và sửa đổi thành: “Hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại khu vực nông thôn”.  - Đề nghị đánh giá kỹ tác động của chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 đến ngân sách, tính khả thi trong thực hiện.  <b>2. Cần Thơ</b>  Đề nghị sửa điểm a khoản 2 thành: “Chỉ tính cấp bù cho khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế của khách hàng sử dụng nước không bao gồm</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Tiếp thu, bỏ nội dung quy định về chính sách hỗ trợ giá nước cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại Điều 27 của dự thảo Nghị định.    <b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Tiếp thu, sửa thành: “Chỉ tính hỗ trợ giá cho khối lượng nước sạch tiêu thụ theo định mức khối lượng</p>

<p>sạch theo quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>b) Tổng kinh phí cấp bù được tính dựa trên khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế của từng đối tượng sử dụng, có hóa đơn thu tiền nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.</p> <p>3. Điều kiện cấp bù giá nước sạch nông thôn:</p> <p>a) Giá tiêu thụ nước sạch nông thôn do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch nông thôn.</p> <p>b) Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh, có năng lực quản lý, khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Cách tính cấp bù giá nước sạch nông thôn:</p> <p>a) Mức cấp bù giá tính cho 1m<sup>3</sup> nước sạch là phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ nước sạch và giá thành sản xuất nước sạch. Tùy vào mục đích sử dụng nước, mức tiêu thụ, địa bàn sử dụng sẽ có mức cấp bù giá khác nhau để áp dụng cho từng mục đích sử dụng.</p>	<p>dụng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;</p> <p>c) Tổng kinh phí hỗ trợ giá nước sạch bằng tổng khối lượng nước sạch tiêu thụ nhân với chênh lệch giữa giá thành sản xuất nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch của từng công trình cấp nước;</p> <p>d) Đối với công trình có chất lượng nước sạch chưa đạt quy chuẩn, được hỗ trợ giá tương ứng với chi phí bảo trì công trình. Trường hợp công trình chưa có định mức bảo trì, tổng kinh phí hỗ trợ giá nước sạch tối đa không vượt quá 0,25% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình.</p> <p>3. Điều kiện được hỗ trợ giá nước sạch</p> <p>a) Công trình có giá tiêu thụ nước sạch thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch;</p> <p>b) Việc xác định giá thành sản xuất nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p> <p>4. Nguồn kinh phí hỗ trợ giá nước sạch từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương.</p> <p>5. Quy trình xét cấp hỗ trợ giá nước sạch</p> <p>a) Căn cứ vào kế hoạch cấp nước của đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác lập kế hoạch hỗ trợ giá nước sạch cùng kỳ lập kế hoạch dự toán ngân sách</p>	<p>khối lượng nước được hỗ trợ giá nước sạch theo quy định tại <i>khoản 6 Điều này</i>”.</p> <p><b>3. Đà Nẵng</b> Khoản 6: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định việc trả lại số tiền nước tương ứng với 04 m<sup>3</sup> nước tiêu thụ cho khách hàng theo hướng <i>đơn vị cấp nước không thu tiền sử dụng nước của khách hàng (trong phạm vi 04 m<sup>3</sup> nước tiêu thụ) và được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tương ứng.</i></p> <p><b>4. Ninh Bình</b> Đề nghị sửa thành “<i>Cấp bù và trợ giá nước sạch nông thôn</i>” để làm rõ hơn nội dung của từng chính sách.</p> <p><b>5. Tây Ninh</b></p>	<p>nước sạch được hỗ trợ giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đã quyết định bỏ nội dung quy định về chính sách hỗ trợ giá nước cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại Điều 27 của dự thảo Nghị định. Quy định này được cơ quan soạn thảo đưa vào tại Điều 4 của dự thảo Nghị định dưới dạng quan điểm mang tính chất nguyên tắc để các địa phương tự ban hành chính sách cụ thể phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm vùng miền.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và thay cụm từ “cấp bù giá nước” bằng “hỗ trợ giá nước” cho phù hợp với quy định về khái niệm hỗ trợ giá tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>
---	---	--	---

<p>b) Kinh phí cấp bù giá nước sạch tiêu thụ tính cho từng đối tượng sử dụng nước sạch với mục đích khác nhau bằng mức bù giá tính cho 1m<sup>3</sup> nước sạch nhân với khối lượng nước tiêu thụ của đối tượng sử dụng.</p> <p>c) Tổng kinh phí cấp bù giá nước sạch tiêu thụ bằng tổng tất cả kinh phí cấp bù tính cho từng đối tượng sử dụng nước sạch được phân theo mục đích sử dụng khác nhau thuộc khu vực nông thôn tại từng công trình cấp nước.</p> <p>5. Phương thức cấp bù giá nước sạch nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương.</p> <p>6. Phương thức hỗ trợ giá nước sạch nông thôn: Dựa trên khối lượng nước sạch tiêu thụ hàng tháng trên hóa đơn thu tiền nước, khách hàng sử dụng nước thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được trả lại số tiền nước ứng với 4 m<sup>3</sup> nước tiêu thụ cho 01 hộ gia đình hoặc ứng với khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế trong trường hợp nhỏ hơn 4 m<sup>3</sup> nước tiêu thụ.</p>	<p>hàng năm của địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Sở Tài chính thẩm định, ghi vào dự toán ngân sách theo hạng, mục quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt;</p> <p>c) Căn cứ kế hoạch ngân sách địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (trong đó có phần hỗ trợ giá nước sạch), cơ quan tài chính cấp hỗ trợ giá nước sạch cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác theo phân cấp của địa phương.</p> <p>6. Thời gian cấp hỗ trợ giá nước sạch được thực hiện 2 lần trong năm theo quy định sau:</p> <p>a) Lần 1 trước quý III hằng năm cấp 70% kế hoạch hỗ trợ giá nước sạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Lần 2 vào quý I năm sau, cấp hết số còn lại sau khi đã quyết toán.</p> <p>7. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ giá nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính.</p>	<p>- Đề nghị xem xét thống nhất về thẩm quyền quyết định cấp bù giá nước sạch, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị xem xét bổ sung đơn vị tiếp nhận và chi trả lại tiền nước cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ giá nước sạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 (quy định cụ thể đơn vị cấp nước hay Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện) vì tại điểm d, Điều 28 quy định quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước sạch nông thôn chỉ nhận tiền trợ giá, không được ngân sách giao phần kinh phí hỗ trợ giá nước.</p> <p><b>6. Đắk Nông, Bắc Ninh</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung thêm quy trình, thủ tục để thực hiện cấp bù giá nước sạch nông thôn cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn vì hiện nay chưa có Thông tư, Nghị định hay văn bản hướng dẫn rõ về quy trình, thủ tục để thực hiện.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung qui định về các hạng mục công trình cấp</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa để quy định việc cấp bù giá nước sạch (hỗ trợ giá nước sạch) là do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.</p> <p>- Sau khi nghiên cứu các ý kiến góp ý trên, cơ quan soạn thảo tiếp thu và quyết định bỏ nội dung quy định về chính sách hỗ trợ này trong dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu, thay cụm từ “hỗ trợ giá nước” bằng “cấp bù giá nước” để phù hợp với quy định về khái niệm hỗ trợ giá tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Bổ sung quy trình xét cấp hỗ trợ giá nước sạch tại khoản 5 Điều 27 của dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo</p>
--	--	--	--

	<p>nước được tính hao mòn và các hạng mục công trình cấp nước được tính khấu hao vì những qui định này quyết định đến đơn giá bán nước và có ý nghĩa rất quan trọng đối với các Đơn vị cấp nước.</p>	<p>Nghị định vì nội dung này do Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.</p>
	<p><b>7. Bộ Tư pháp</b>          Về trợ giá nước sạch nông thôn (Điều 37)          Điểm b khoản 1 Điều 37 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại khu vực nông thôn chưa được tiếp cận với nước sạch</i>”. Tuy nhiên, Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sinh hoạt, có quy định theo hướng linh hoạt theo tình hình thực tế tại địa phương. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành luật,</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu. Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo sửa đổi nội dung quy định về hỗ trợ giá nước sạch tại dự thảo nghị định theo hướng như sau:          - Quy định đối tượng được hỗ trợ giá nước sạch là tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; điều kiện hỗ trợ giá nước sạch là công trình có giá tiêu thụ nước sạch được phê duyệt thấp hơn giá thành sản xuất nước sạch.          - Bỏ nội dung quy định hình thức hỗ trợ giá nước sạch “Hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách tại khu vực nông thôn chưa được tiếp cận với nước sạch”.</p>

		<p>đảm bảo người dân trên địa bàn, đặc biệt là các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định và người dân tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận với nước sạch. Theo quy định tại dự thảo Nghị định, chính sách hỗ trợ giá nước sạch cho hộ nghèo sẽ áp dụng chung và thống nhất tại các địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ tác động đến ngân sách, tính khả thi trong thực hiện thi hành.</p>	<p>- Quy định tính hỗ trợ giá cho khối lượng nước sạch tiêu thụ trong phạm vi định mức hỗ trợ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định áp dụng đối với từng đối tượng sử dụng nước được hỗ trợ giá. Việc quy định như vậy đảm bảo thống nhất, không chòng chẹo với quy định tại Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính. Vì vậy, quy định này đảm bảo tính khả thi trong thực hiện thi hành và không phát sinh ngân sách để thực hiện.</p>
<p><b>Điều 38. Hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình</b>  1. Các hình thức và đối tượng hỗ trợ bao gồm:  a) Hỗ trợ hộ gia đình nông thôn vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng về nước sạch và vệ sinh nông thôn để xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.  b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</p>	<p><b>Điều 28. Hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình</b>  1. Các hình thức và đối tượng hỗ trợ bao gồm:  a) Hỗ trợ hộ gia đình nông thôn vay vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước quy mô hộ gia đình;</p>	<p><b>1. Ngân hàng Chính sách xã hội</b>  Khoản 3: đề nghị sửa thành “Nội dung hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều này theo quy định về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hiện đang cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội”.</p> <p><b>2. Ninh Bình</b>  Đề nghị bổ sung đối tượng hỗ trợ là các hộ gia đình sống phân tán, xa khu dân cư không tiếp cận được các công</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Cơ quan soạn thảo tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>  Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 1</p>

<p>cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn.</p> <p>c) Hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào hoặc nguồn cấp nước khác chưa đạt quy chuẩn.</p> <p>2. Nguyên tắc hỗ trợ:</p> <p>a) Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng đối tượng.</p> <p>b) Nguồn lực hỗ trợ được huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và Nhân dân cùng thực hiện.</p> <p>c) Hộ gia đình tự tổ chức thi công xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và lắp đặt hệ thống xử lý nước hộ gia đình đảm bảo chất lượng nước sạch đạt quy chuẩn Việt Nam.</p> <p>3. Mức vay ưu đãi đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Mức hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tùy</p>	<p>b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn;</p> <p>c) Hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào hoặc nguồn cấp nước khác chưa đạt quy chuẩn.</p> <p>2. Nguyên tắc hỗ trợ</p> <p>a) Chỉ hỗ trợ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình ở những khu vực không thể tiếp cận công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p> <p>b) Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục đích đúng đối tượng;</p> <p>c) Nguồn lực hỗ trợ được huy động từ các nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và Nhân dân cùng thực hiện;</p> <p>d) Hộ gia đình tự tổ chức thi công xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và lắp đặt hệ thống xử lý nước hộ gia đình đảm bảo chất lượng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.</p> <p>3. Quy định hỗ trợ nội dung tại điểm a khoản 1 Điều này như sau:</p> <p>a) Mức vay vốn tín dụng ưu đãi: thực hiện theo quy định của chương trình tín</p>	<p>trình cấp nước tập trung vì nếu đầu tư hệ thống đường ống hoặc công trình cấp nước sẽ dẫn đến suất đầu tư lớn, hiệu quả thấp, không thể duy trì hoạt động thường xuyên của công trình, không thu hút được các đơn vị tham gia xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình/hệ thống.</p> <p><b>3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b> <u>Khoản 6:</u> đề nghị bỏ nội dung “<i>Các tổ chức tín dụng hướng dẫn trình tự, thủ tục cho các hộ gia đình vay vốn tín dụng ưu đãi để xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</i>”.</p> <p><b>4. Ủy ban Dân tộc</b> Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm mức hỗ trợ theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do <i>mức hỗ trợ của Thông tư số 15/2022/TT-BTC và dự thảo Nghị định có sự chênh lệch lớn, cần có sự thống nhất, tránh nảy sinh phức tạp khi thực hiện.</i></p> <p><b>5. Bộ Tư pháp</b></p>	<p>Điều 28 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bỏ nội dung quy định này tại Điều 28 của dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo nghị định vì quy định về mức hỗ trợ theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 là quy định thực hiện Chương trình, dự án cá biệt nên phải tuân theo cơ chế tài chính, quản lý sử dụng vốn của Chương trình. Vì vậy, không đưa nội dung này vào dự thảo nghị định do chính sách đưa vào trong nghị định là chính sách thực hiện mang tính lâu dài.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p>
---	---	--	---

<p>theo từng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đảm bảo quy định sau đây:</p> <p>a) Tối đa 70% giá trị thực tế nhưng không quá 05 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo, gia đình chính sách.</p> <p>b) Tối đa 50% giá trị thực tế nhưng không quá 04 triệu đồng/hộ đối với hộ cận nghèo.</p> <p>c) Trường hợp hộ gia đình được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.</p> <p>5. Phương thức hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình quy định như sau:</p> <p>a) Căn cứ Quyết định giao vốn hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai hỗ trợ và hướng dẫn hộ gia đình lựa chọn mô hình công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và công nghệ, thiết bị xử lý nước hộ gia đình.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước cho hộ gia đình theo quy định.</p> <p>6. Các tổ chức tín dụng hướng dẫn trình tự, thủ tục cho các hộ gia đình vay vốn tín dụng ưu đãi để xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.</p>	<p>dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Trình tự, thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi: thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>4. Quy định hỗ trợ nội dung tại điểm b, c khoản 1 Điều này như sau:</p> <p>a) Mức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo từng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; tối đa 70% giá trị thực tế đối với hộ nghèo, gia đình chính sách; tối đa 50% giá trị thực tế đối với hộ cận nghèo. Trường hợp hộ gia đình được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất;</p> <p>b) Kinh phí hỗ trợ: từ ngân sách địa phương;</p> <p>c) Lập danh sách hỗ trợ</p> <p>Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo tới các hộ gia đình thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách ở khu vực nông thôn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước, công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đăng ký lập danh sách trước ngày 31 tháng 5;</p> <p>Căn cứ đề nghị của các hộ gia đình, Ủy ban nhân dân xã tiến hành rà soát</p>	<p>Về hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình (Điều 38)</p> <p>Khoản 6 Điều 38 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Các tổ chức tín dụng hướng dẫn trình tự, thủ tục cho các hộ gia đình vay vốn tín dụng ưu đãi để xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình</i>”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, cấm ban hành thủ tục hành chính trong Thông tư, trừ trường hợp được giao trong Luật. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện lại quy định này cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã lược bỏ quy định này tại Điều 28 của dự thảo nghị định. Bổ sung quy định này theo hướng “<i>trình tự, thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.</i>” (như tại điểm b khoản 3 Điều 28 của dự thảo nghị định).</p>
--	---	--	--



thẩm định, tổng hợp gửi danh sách các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đủ điều kiện hỗ trợ lên Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 30 tháng 6.

d) Quyết định giao kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tiến hành rà soát, thẩm định, tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đưa vào kế hoạch ngân sách năm sau trước ngày 30 tháng 9. Sau khi được Hội đồng nhân dân thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao kinh phí cho Ủy ban nhân dân huyện để thực hiện.

đ) Thực hiện hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn hộ gia đình lựa chọn mô hình công trình cấp nước quy mô hộ gia đình và công nghệ, thiết bị xử lý nước hộ gia đình; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu lắp đặt thiết bị xử lý nước cho hộ gia đình theo quy định và hướng

	dẫn các hộ gia đình làm thủ tục rút tiền tại Kho bạc nhà nước.		
<p><b>Điều 39. Kinh phí thực hiện</b></p> <p>1. Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và kinh phí sự nghiệp để thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Kinh phí lồng ghép hỗ trợ từ các Chương trình, dự án của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương.</p> <p>3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.</p>		<p><b>Ban soạn thảo không nhận được ý kiến đóng góp của cơ quan, đơn vị, tổ chức, các nhân đối với nội dung quy định tại Điều này</b></p>	<p>Nội dung Điều 39 quy định về kinh phí thực hiện tại dự thảo xin ý kiến Bộ, ngành địa phương đã được đưa vào nội dung từng Điều quy định về hỗ trợ cho từng đối tượng tại Dự thảo sau tiếp thu, giải trình</p>
<p><b>Chương V</b> <b>CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN</b></p>	<p><b>Chương IV</b> <b>CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN</b></p>		
<p><b>Điều 40. Dữ liệu, báo cáo vận hành khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch</b></p> <p>1. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm xây dựng, lưu trữ dữ liệu, hồ sơ liên quan đến kết quả vận hành khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch bao gồm:</p> <p>a) Nhật ký vận hành khai thác công trình;</p>	<p><b>Điều 29. Hệ thống thông tin, dữ liệu, báo cáo trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn:</p> <p>a) Cơ chế chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p> <p>b) Kết quả tổng hợp về thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn, kết quả điều tra cơ bản trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn;</p>	<p><b>1. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b></p> <p>Đề nghị đưa Điều 40 vào Chương II; Điều 41 Chương V đưa vào chương VI (Tổ chức thực hiện) cho phù hợp.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Trong quản lý hoạt động nước sạch nông thôn hiện nay, khối lượng báo cáo liên quan đến hoạt động cấp nước sạch nông thôn là khá lớn và chưa thống nhất đồng bộ trên toàn quốc vì vậy cần được chuẩn hóa, nên cần thiết phải xây dựng chương riêng quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo cấp</p>

<p>b) Số liệu về các chỉ số tiêu thụ điện, nước, xăng, dầu trong quá trình vận hành khai thác công trình;</p> <p>c) Số liệu chi tiết về công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, đột xuất công trình;</p> <p>d) Số liệu theo dõi thực hiện quy trình bảo đảm cấp nước an toàn, theo dõi quản lý số lượng, chất lượng nước và chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch;</p> <p>đ) Số liệu về kết quả đăng ký đầu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước, chỉ số nước tiêu thụ của khách hàng sử dụng nước; kết quả thu tiền nước; chi phí quản lý vận hành, sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị, tài sản của công trình.</p> <p>e) Thông tin liên quan đến khách hàng sử dụng nước và các phản ánh, khiếu nại của khách hàng.</p> <p>2. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm thực hiện các báo cáo quy định sau đây:</p> <p>a) Báo cáo 01 lần/năm đối với các nội dung về kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước của công trình: Đơn vị cấp nước sạch nông thôn gửi báo cáo về cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>c) Hiện trạng cấp nước nông thôn: hiện trạng về sử dụng nước, tổ chức quản lý, quản lý khai thác, chất lượng nước, giá nước, đầu tư xây dựng;</p> <p>d) Dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p> <p>đ) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.</p> <p>2. Báo cáo trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn:</p> <p>a) Báo cáo đột xuất: báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b) Báo cáo quý: báo cáo kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p> <p>c) Báo cáo năm: báo cáo kết quả thực hiện công tác cấp nước sinh hoạt nông thôn của các cấp.</p>	<p><b>2. Cần Thơ, Trà Vinh, Cà Mau:</b> <u>Khoản 1:</u> Bổ sung nội dung quy định về việc giao Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng và ban hành biểu mẫu báo cáo về công tác nước sạch nông thôn để đồng bộ với quy định tại khoản 1 Điều 41.</p> <p><b>3. Cần Thơ, Bà Rịa Vũng Tàu, Ninh Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Hải Phòng</b> Khoản 2: đề nghị điều chỉnh sửa đổi theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm thực hiện của đơn vị cấp nước đối với các báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo về kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước.</p> <p><b>4. Bộ Tư pháp</b> Chương V dự thảo Nghị định quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo cấp nước sạch nông thôn. Tuy nhiên, Điều 25 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP cũng đã quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh trùng lặp về chính</p>	<p>nước sạch nông thôn để phục vụ mục đích quản lý nhà nước, quy hoạch và phát triển mạng lưới, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung vào Điều 29 và phụ lục dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như tại Điều 29 dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Điều 25 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP mới chỉ quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với công trình do nhà nước đầu tư. Dự thảo Nghị định quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo đối với toàn bộ công</p>
---	--	--	--

<p>b) Báo cáo 01 lần/năm đối với hoạt động vận hành, khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch của đơn vị, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kết quả thanh, kiểm tra (nếu có) trong năm: Đơn vị cấp nước sạch nông thôn gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn, tài nguyên nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.</p> <p>c) Báo cáo đột xuất khi xảy ra các sự cố trong vận hành khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng: Đơn vị cấp nước sạch nông thôn gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn có liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.</p> <p>d) Đối với trường hợp báo cáo đột xuất về thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt: Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp tình hình thiếu nước sinh hoạt trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>đ) Ủy ban nhân dân huyện, các đơn vị cấp nước sạch nông thôn, các cơ</p>		<p>sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lược bỏ nội dung Chương V dự thảo Nghị định.</p>	<p>trình cấp nước khu vực nông thôn (công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình), nội dung cơ sở dữ liệu báo cáo ngoài về tài sản kết cấu hạ tầng còn bao gồm cả nội dung về "thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch...", "Kết quả thực hiện bộ chỉ số theo dõi đánh giá", "Kết quả thực hiện hàng năm các nhiệm vụ điều tra cơ bản, nhiệm vụ sự nghiệp công"...vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bỏ nội dung quy định này tại dự thảo Nghị định.</p>
	<p><b>Điều 30. Tổ chức báo cáo về cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>1. Báo cáo đột xuất: Tùy theo tình huống phát sinh liên quan đến sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cơ quan chuyên môn cấp trên yêu cầu cơ quan chuyên môn cấp dưới hoặc tổ chức quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tổ chức lập báo cáo.</p> <p>2. Báo cáo quý: cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về lĩnh vực y tế yêu cầu tổ chức quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung báo cáo kết quả</p>		<p>Điều 40, Điều 41 của dự thảo xin ý kiến Bộ, ngành địa phương được tách thành 3 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của dự thảo sau tiếp thu giải trình.</p>

<p>quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn, tài nguyên nước, y tế, xây dựng, tài chính, kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, báo cáo liên quan theo quy định của Điều này khi thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.</p>	<p>nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước trong và liên quan đến phạm vi quản lý của tổ chức.</p> <p>3. Báo cáo năm:</p> <p>a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung chịu trách nhiệm lập báo cáo năm về kết quả cấp nước sinh hoạt nông thôn, báo cáo hoạt động sản xuất, khai thác, cung cấp nước sạch gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này);</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này);</p> <p>c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng hợp năm về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trước ngày 31 tháng 3 hằng năm (theo mẫu ... tại phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này).</p>		
---	--	--	--

<p><b>Điều 41. Dữ liệu, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn</b></p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc đảm bảo thống nhất, thuận tiện cho việc tra cứu phục vụ công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>2. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn đảm bảo phù hợp với cơ sở dữ liệu chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Kinh phí xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch nông thôn quy định tại khoản 1, 2 Điều này được bố trí vốn ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p> <p>4. Thực hiện rà soát, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn:</p> <p>a) Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn (sau đây gọi là Bộ chỉ số) là công cụ đánh giá thực hiện các chỉ tiêu về cấp nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, sửa đổi Bộ chỉ số phù hợp với thực tiễn quản lý nhà</p>	<p><b>Điều 31. Cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn</b></p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn là hệ thống thông tin, dữ liệu dạng số, được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu truy cập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi toàn quốc đảm bảo thống nhất, thuận tiện cho việc tương tác, khai thác, tra cứu phục vụ công tác quản lý.</p> <p>3. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn đảm bảo phù hợp với cơ sở dữ liệu chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.</p> <p>4. Kinh phí xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn quy định tại khoản 1 Điều 29 được bố trí vốn ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý khai</p>	<p><b>1. Vụ Pháp chế (Bộ NN&amp;PTNT)</b> Đề nghị đưa quy định về bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn đang được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 41 sang Điều 3 (Giải thích từ ngữ) cho phù hợp.</p> <p><b>2. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b> Đề nghị thống nhất giữa cơ sở dữ liệu về thực hiện cấp nước sạch nông thôn và đô thị để dễ dàng đối với các doanh nghiệp cấp nước cho cả khu vực đô thị và nông thôn trong việc báo cáo tình hình thực hiện hàng năm.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Khái niệm "Bộ chỉ số" chỉ được sử dụng tại Điều 29 nên không cần phải giải thích từ ngữ, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Do một số dữ liệu có sự khác nhau giữa việc thực hiện cấp nước sạch nông thôn và đô thị, trường hợp đơn vị cấp nước đô thị nếu phục vụ cấp nước cho cả khu vực nông thôn phải tuân theo quy định của Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
---	---	---	---

<p>nước về cấp nước sạch nông thôn và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.</p> <p>c) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí rà soát, cập nhật kết quả thực hiện Bộ chỉ số từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách địa phương, nguồn vốn từ các chương trình, dự án về cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn và các nguồn vốn hợp pháp khác.</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn rà soát, cập nhật kết quả thực hiện Bộ chỉ số hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kết quả thực hiện Bộ chỉ số và gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.</p> <p>đ) Cơ quan, đơn vị được giao sử dụng kinh phí quy định tại điểm c khoản này chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.</p> <p>5. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định.</p>	<p>thác công trình cấp nước nông thôn tập trung.</p>		
<b>Chương VI</b>	<b>Chương IX</b>		

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
<p><b>Điều 42. Trách nhiệm của Bộ, ngành Trung ương</b></p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn:</p> <p>a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước sạch nông thôn ở cấp quốc gia.</p> <p>b) Nghiên cứu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định trong Nghị định cho phù hợp với từng thời kỳ phát triển.</p> <p>c) Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc; chỉ đạo đảm bảo cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân nông thôn trong trường hợp thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu.</p> <p>d) Thực hiện điều tra cơ bản, ứng dụng khoa học công nghệ về cấp nước sạch nông thôn; dự báo tình hình thiếu nước sạch nông thôn trên</p>	<p><b>Điều 32. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương</b></p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>a) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về cấp nước sinh hoạt nông thôn ở cấp quốc gia và tổ chức triển khai thực hiện;</p> <p>b) Trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định trong Nghị định cho phù hợp với từng thời kỳ phát triển;</p> <p>c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn và các quy định tại Nghị định này trên phạm vi toàn quốc; chỉ đạo đảm bảo cung cấp nước sạch trong trường hợp thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu;</p> <p>d) Xây dựng, rà soát, sửa đổi theo thẩm quyền các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;</p>	<p><b>1. Bộ Tài nguyên và MT</b></p> <p>Đề nghị xem xét bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc <i>thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên nước trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các công trình khai thác, sử dụng nước cấp cho sinh hoạt nông thôn.</i></p> <p><b>2. Sơn La, Tuyên Quang, Cao Bằng</b></p> <p><u>Khoản 1</u>: đề nghị bổ sung nội dung quy định về sửa đổi, ban hành các quy định, tiêu chuẩn, định mức về bảo trì, sản xuất nước sạch nông thôn.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào khoản 1, Điều 42 như sau:</p> <p><i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn quy định về vật tư,</i></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Công tác thanh tra, kiểm tra thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan thanh tra chuyên ngành, đối với hoạt động cấp nước sạch nông thôn có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, đơn vị thanh tra thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền được thanh tra theo quy định pháp luật về Tài nguyên nước, vì vậy Cơ quan soạn đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Việc sửa đổi, ban hành các quy định, tiêu chuẩn, định mức về bảo trì, thuộc chức năng nhiệm vụ, quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn (Bộ chủ động ban hành để thực hiện chức năng QLNN của đơn vị), vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>



<p>phạm vi toàn quốc hoặc vùng từ 2 tỉnh trở lên do ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, biến đổi khí hậu; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công về nước sạch nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.</p>	<p>đ) Thực hiện điều tra cơ bản, ứng dụng khoa học công nghệ về cấp nước sinh hoạt nông thôn; tổ chức truyền thông, đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; kiểm tra, đánh giá diễn biến các tác động đến số lượng, chất lượng nguồn nước cấp, thực trạng công tác quản lý khai thác và chất lượng dịch vụ cấp nước hàng năm trên phạm vi toàn quốc thuộc phạm vi mình quản lý;</p>	<p><i>thiết bị sử dụng trong công trình cấp nước quy mô hộ gia đình để đảm bảo thu, xử lý, trữ nước sinh hoạt an toàn.</i></p> <p><i>Xây dựng và ban hành định mức công tác sản xuất, vận hành hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn; Xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá tiêu thụ nước sạch nông thôn.</i></p>	<p>- Trong quá trình QLNN Bộ sẽ ban hành đầy đủ nội dung cần thiết để thực hiện các hoạt động liên quan đến cấp nước sinh hoạt nông thôn, "phương pháp định giá tiêu thụ nước sạch nông thôn" thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC</p>
<p>đ) Thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, dự án về cấp nước sạch nông thôn trong các Chương trình/dự án phục vụ công tác quản lý nhà nước.</p>	<p>e) Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án về cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>	<p><b>3. Bà Rịa Vũng Tàu</b> <u>Khoản 4:</u> đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể cơ quan chức năng hướng dẫn đơn vị cấp nước sạch quản lý các công trình cấp nước kết hợp cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Do Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn vì vậy cơ quan soạn thảo không đưa nội dung xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước sạch khu vực đô thị vào dự thảo Nghị định để tránh sự chồng chéo.</p>
<p>e) Thu thập, công bố và lưu trữ các báo cáo về cấp nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc, các dữ liệu về dự báo, cảnh báo rủi ro thiên tai gây ảnh hưởng đến cấp nước sạch nông thôn.</p>	<p>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu hàng năm cho ngân sách địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này;</p>	<p><b>4. Bộ Y tế</b> <u>Khoản 6:</u> Bổ sung, chỉnh sửa trách nhiệm của Bộ Y tế “<i>ban hành, sửa đổi quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt</i>” thành “<i>ban hành, sửa đổi quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với công trình cấp nước tập trung</i>”</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì không có tên “<i>quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với công trình cấp nước tập trung</i>” mà chỉ có tên “<i>quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt</i>”.</p>
<p>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu hàng năm cho ngân sách địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này. b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, thu hút, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn.</p>	<p>b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn; c) Đầu mối vận động nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho đầu tư phát triển cấp nước sạch nông thôn theo thứ tự ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>		

<p>c) Đầu mỗi vận động nguồn vốn của các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho đầu tư phát triển cấp nước sạch nông thôn theo thứ tự ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>3. Bộ Tài chính</p> <p>a) Hướng dẫn việc cấp, hỗ trợ tài chính cho các chính sách quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Tổng hợp nhu cầu vốn sự nghiệp hàng năm của các địa phương để bố trí vốn cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện trợ giá nước sạch nông thôn cho địa phương.</p> <p>4. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước bảo đảm đồng bộ, thống nhất và gắn kết giữa cấp nước đô thị và cấp nước nông thôn; phối hợp trong nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>a) Theo dõi, quản lý việc khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ sinh hoạt; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm</p>	<p>3. Bộ Tài chính</p> <p>a) Hướng dẫn việc cấp, hỗ trợ tài chính cho các chính sách quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Tổng hợp nhu cầu vốn sự nghiệp hàng năm của các địa phương để bố trí vốn cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này;</p> <p>c) Cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ giá nước sạch nông thôn cho địa phương.</p> <p>4. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước sinh hoạt nông thôn; phối hợp trong nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về cấp nước sạch nông thôn.</p> <p>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>a) Theo dõi, quản lý việc khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ sinh hoạt; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường;</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các vi phạm phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu</p>		
---	--	--	--

<p>vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường;</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm về hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và xả thải gây ô nhiễm nguồn nước cấp cho sinh hoạt.</p> <p>6. Bộ Y tế chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng; ban hành, sửa đổi quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn này trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn và bố trí lồng ghép các Chương trình, dự án liên quan để hỗ trợ hoạt động cấp nước sạch nông thôn theo chính sách quy định tại Nghị định này.</p>	<p>vực lấy nước sinh hoạt và xả thải gây ô nhiễm nguồn nước cấp cho sinh hoạt.</p> <p>6. Bộ Y tế chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng; ban hành, sửa đổi quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn này trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn và bố trí lồng ghép các Chương trình, dự án liên quan để hỗ trợ hoạt động cấp nước sạch nông thôn theo chính sách quy định tại Nghị định này.</p>		
--	--	--	--

<p><b>Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b></p> <p>1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển cấp nước sạch nông thôn tại địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Đề xuất và xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm của địa phương từ nguồn ngân sách để thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sạch nông thôn theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Chỉ đạo và thực hiện việc theo dõi, quản lý hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp dưới để thực hiện các quy định tại Nghị định này.</p> <p>4. Ban hành danh mục các dự án cấp nước sạch nông thôn kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đối tác công tư; tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong cấp nước sạch nông thôn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo tuân theo quy định của Nghị định này, pháp luật</p>	<p><b>Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b></p> <p>Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn hành chính của mình, cụ thể:</p> <p>1. Xây dựng, ban hành kế hoạch, định hướng phát triển hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn phù hợp với thực tiễn tại địa phương và Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Bố trí kinh phí trong kế hoạch tài chính trung hạn, hàng năm của địa phương để thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cấp nước sạch nông thôn, cơ chế hỗ trợ giá nước sạch, chính sách hỗ trợ cấp nước quy mô hộ gia đình phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo tuân theo quy định của Nghị định này, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.</p> <p>4. Xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng</p>	<p><b>Bộ Tài nguyên và MT</b></p> <p>Đề nghị xem xét bổ sung quy định <i>trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn</i>. Đồng thời, đề nghị xem xét, <i>bổ sung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn</i></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND các cấp, có quyền thanh tra theo thẩm quyền đã được quy định tại các Luật chuyên ngành, và đủ thẩm quyền thanh tra "các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn" theo quy định của Luật Tài nguyên nước, vì vậy Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung này vào thảo Nghị định.</p> <p>- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, trong đó có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn.</p>
--	---	--	--

<p>về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.</p> <p>6. Chỉ đạo lập và phê duyệt kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn nông thôn, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình cấp nước sạch nông thôn đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu; chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch, khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an ninh nguồn nước.</p> <p>7. Hàng năm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đánh giá và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của hoạt động cấp nước sạch nông thôn, ưu tiên thực hiện tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.</p> <p>8. Đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện rà soát, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn, kinh phí thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn và chi phí xét nghiệm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.</p>	<p>cho các đối tượng sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn, quy trình, định mức bảo trì, bảo dưỡng công trình cấp nước sạch tập trung, định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất nước sạch nông thôn, quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.</p> <p>5. Chỉ đạo thực hiện việc theo dõi, quản lý hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn; phân công, phân cấp trách nhiệm, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý, giám sát hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn.</p> <p>6. Chỉ đạo thực hiện công tác theo dõi - đánh giá, điều tra cơ bản, truyền thông, khoa học công nghệ, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cấp nước sinh hoạt nông thôn, thống kê số liệu, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>7. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn; chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn, khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an ninh nguồn nước.</p> <p>8. Hàng năm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đánh giá và hỗ trợ đào tạo</p>		
--	--	--	--

	nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn, ưu tiên thực hiện tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.		
<p><b>Điều 44. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</p>	<p><b>Điều này đã được đưa xuống Điều 38 quy định về trách nhiệm thi hành tại Chương VI Điều khoản thi hành Điều 38. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p><b>Cà Mau, Quảng Nam</b></p> <p>- Khoản 1: kiến nghị quy định cụ thể nội dung hướng dẫn theo điều, khoản để đảm bảo hiệu lực thi hành của văn bản.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nhiệm vụ của các cơ quan tín dụng cho vay ưu đãi.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Điều khoản thi hành được quy định theo mẫu phụ ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2020/NĐCP sửa đổi NĐ 34, Cơ quan soạn đã chỉnh sửa như dự thảo.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nhiệm vụ của cơ quan tín dụng cho vay ưu đãi được thể hiện trong Quyết định cá biệt của cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình tín dụng.</p>
<b>Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>		
<p><b>Điều 45. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng...năm 2022.</p> <p>2. Bãi bỏ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-</p>	<p><b>Điều 34. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng.... năm 2023;</p> <p>2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính</p>	<p><b>Đồng Nai, Trà Vinh</b></p> <p>Khoản 3: Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu rõ thay thế hoặc bãi bỏ khoản, Điều nào của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Sau khi rà soát, chỉnh sửa dự thảo Nghị định, cơ quan soạn thảo đã đề xuất bỏ khoản này tại dự thảo Nghị định.</p>

<p>BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014.</p> <p>3. Bãi bỏ mục ...điều.... Nghị định số 117/ND-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.</p>	<p>sách khuyến khích doanh nghiệp và đầu tư và nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>3. Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn hết hiệu lực khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>		
<p><b>Điều 46. Xử lý chuyển tiếp</b></p> <p>1. Các dự án cấp nước sạch nông thôn đã được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật từ trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan cấp có thẩm quyền.</p> <p>2. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan rà soát đánh giá năng lực vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này; tổ chức lập phương án giao, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử</p>	<p><b>Điều 35. Xử lý chuyển tiếp</b></p> <p>1. Các dự án cấp nước sạch nông thôn đã được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật từ trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan cấp có thẩm quyền.</p> <p>2. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý khai thác theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý khai thác tại Điều 12 Nghị định này thì tổ chức quản lý khai thác công trình có trách nhiệm hoàn thiện năng lực đảm bảo quy định trong vòng 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Đối với các dự án đã quyết toán, đã đầu tư hoặc đang đầu tư và đã được bố trí trong nguồn vốn đầu tư công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</p>	<p><b>1. Bộ Xây dựng, Cà Mau</b> Khoản 6: đây là quy định không rõ ràng và không phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015. Theo đó, “văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ trên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành”.</p> <p>Đề nghị viện dẫn cụ thể tên, điều, khoản, điểm của văn bản không còn hiệu lực để thuận lợi trong thực hiện.</p> <p><b>2. Bộ Xây dựng, Cà Mau</b> Khoản 6: đây là quy định không rõ ràng và không phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015. Theo đó, “văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ trên văn bản,</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bỏ nội dung quy định này trong dự thảo.</p>

<p>dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.</p> <p>3. Đối với công trình cấp nước tập trung nông thôn đã giao cho đối tượng quản lý theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và hoạt động hiệu quả nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực vận hành khai thác quy định tại Điều 17 Nghị định này thì đơn vị cấp nước sạch nông thôn có trách nhiệm hoàn thiện năng lực vận hành khai thác đảm bảo quy định trong vòng 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Đối với công trình cấp nước tập trung nông thôn đã giao cho đối tượng quản lý theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đáp ứng yêu cầu về năng lực vận hành khai thác quy định tại Điều 17 Nghị định này thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền đã giao thực hiện.</p> <p>5. Các trường hợp khác thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>6. Các quy định khác với Nghị định này không còn hiệu lực thực hiện./.</p>	<p>nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tỷ lệ hỗ trợ vốn đầu tư, mức hỗ trợ vốn đầu tư thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhưng không vượt tổng giá trị vốn đầu tư công đã bố trí.</p>	<p>phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành”.</p> <p>Đề nghị viện dẫn cụ thể tên, điều, khoản, điểm của văn bản không còn hiệu lực để thuận lợi trong thực hiện.</p> <p><b>3. Hải Phòng</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định về thực hiện chuyển tiếp ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước với Ủy ban nhân dân huyện đối với các trường hợp đã ký với Ủy ban nhân dân cấp xã trước đây.</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp về chuyển giao quản lý, khai thác công trình cấp nước do Nhà nước góp vốn đầu tư.</p> <p><b>4. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b></p> <p>Khoản 1: đề nghị bổ sung nội dung chuyển tiếp đối với <i>dự án đã quyết toán, đã đầu tư; đang đầu tư và đã được bố trí trong nguồn vốn đầu tư</i></p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa theo hướng đơn vị cấp nước ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân cấp xã để tránh việc phải quy định chuyển tiếp này.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì công trình do Nhà nước góp vốn đầu tư cũng chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.</p> <p><b>Tiếp thu, giải trình:</b></p> <p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung tại khoản 3 Điều 35 của dự thảo Nghị định.</p>
---	--	---	--



		<p><i>công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố phê duyệt tỷ lệ hỗ trợ vốn đầu tư, mức hỗ trợ vốn đầu tư.</i></p>	
		<p><b>5. Bộ Tư pháp</b>          Để đảm bảo sự rõ ràng và thuận lợi trong áp dụng pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát lại các quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện hành và dự thảo Nghị định để đảm bảo có cơ chế pháp lý đầy đủ để xử lý những trường hợp chuyển giao việc thực hiện theo hiện hành và dự thảo Nghị định này sau khi được ban hành và có hiệu lực thi hành.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và tiếp thu tục rà soát, chỉnh lý dự thảo nhằm đảm bảo có cơ chế pháp lý đầy đủ để xử lý những trường hợp chuyển giao việc thực hiện theo hiện hành và dự thảo Nghị định này sau khi được ban hành và có hiệu lực thi hành.</p>
	<p><b>Điều 36. Trách nhiệm thi hành</b>          1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.          2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</p>		<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Điều này được chuyển từ Điều 44 Dự thảo xin ý kiến (theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2020/NĐCP sửa đổi NĐ 34) quy định về cách trình bày quy định về Điều khoản thi hành.</p>
<p><b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC</b></p>			
<p>Về giao thoa giữa quản lý công trình cấp nước tại huyện, xã nay đã lên quận, phường, thị trấn</p>		<p><b>Cần Thơ</b>          Đề nghị Ban soạn thảo quan tâm làm rõ hơn nội dung liên quan đến quản</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan quản lý công trình cấp nước nông thôn cho địa</p>

		lý công trình cấp nước nông thôn cho địa bàn huyện xã nay đã lên quận, phường, thị trấn để tránh chồng chéo trong quản lý cấp nước đô thị và cấp nước nông thôn.	bàn huyện xã nay đã lên quận, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Nghị định này và Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP.
Về cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập về nước sạch nông thôn		<b>Cần Thơ</b> Đề nghị bổ sung thêm nội dung về quan điểm của Chính phủ về cổ phần hóa lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn như sau: <i>Tùy theo điều kiện thực tế của địa phương, Chính phủ giao UBND cấp tỉnh xem xét, lựa chọn thời điểm thích hợp để cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đang được giao quản lý vận hành các hệ thống cấp nước sạch nông thôn, đảm bảo quyền, lợi ích phục vụ nhân dân, không vì mục tiêu lợi nhuận mà không quan tâm đến việc phục vụ nhu cầu, đời sống khó khăn của người dân nông thôn, đảm bảo sự đầu tư, quản lý của Nhà nước tiến tới 100% dân cư nông thôn đều được cung cấp nước sạch mới tính đến việc cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đang được giao quản lý vận hành cấp nước sạch nông thôn... ”.</i>	<b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nội dung về cổ phần hóa đã được quy định tại quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ về cổ phần hóa. Hơn nữa, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định không bao gồm quy định về cổ phần hóa nên không thể đưa nội dung này vào dự thảo.
Một số nội dung khác		<b>1. Bạc Liêu</b> Kiến nghị xem xét quy định thêm các nội dung về:	<b>Tiếp thu, giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu và giải trình như sau:

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt: ăn uống, vệ sinh của con người và cho mục đích khác...</li> <li>- Sử dụng đất cho hoạt động cấp nước (quỹ đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước).</li> <li>- Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.</li> <li>- Quản lý chất lượng công trình cấp nước (các công trình cấp nước phải tuân theo các quy định của pháp luật về xây dựng...).</li> <li>- Lập phương án giá nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nội dung về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt: dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa cho phù hợp tại các Điều, khoản quy định về công trình cấp nước tập trung.</li> <li>- Đối với nội dung về sử dụng đất cho hoạt động cấp nước: nội dung này phải tuân theo quy định của pháp luật về đất đai nên không đưa vào dự thảo Nghị định này.</li> <li>- Đối với nội dung về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: đã được xây dựng tại Điều 26, 27, 28 của dự thảo Nghị định.</li> <li>- Đối với nội dung về quản lý chất lượng công trình: công trình nước sạch nông thôn tập trung phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng nên không đưa vào dự thảo Nghị định này.</li> <li>- Đối với nội dung về lập phương án giá: nội dung này phải tuân theo quy định của pháp luật về giá.</li> </ul>
		<b>2. Bộ Công An</b>	<b>Tiếp thu, giải trình:</b>

		<p>Cần đánh giá sâu hơn về tác động xã hội từ các công trình cấp nước quy mô lớn có kỹ thuật công nghệ tiên tiến và công trình cấp nước quy mô nhỏ, hộ gia đình để có định hướng đầu tư hiệu quả.</p>	<p>Nội dung này đã được đưa Nghị định tại Điều 9. Khoa học công nghệ trong cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>
		<p><b>3. Bộ Quốc phòng</b>          - Bổ sung báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong dự thảo Nghị định đảm bảo đầy đủ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015.          - Nghiên cứu lồng ghép quy định việc bảo đảm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội được cung cấp, sử dụng nước sạch.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và bổ sung hoàn thiện trong hồ sơ dự thảo Nghị định trình Bộ Tư pháp thẩm định.           - Tổ chức, đơn vị quân đội nằm trong vùng cấp nước nông thôn thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này sẽ được đảm bảo cung cấp, sử dụng nước sạch theo quy định tại Nghị định này.</p>
		<p><b>4. Quảng Bình</b>          Đề nghị nghiên cứu bổ sung công trình cấp nước cho cả “đô thị và nông thôn” do cơ quan chuyên môn nào quản lý để tránh sự chồng chéo trong quản lý.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Đối với công trình cấp nước cho đô thị có vùng cấp nước thuộc phạm vi nông thôn phải tuân thủ theo quy định về cấp nước đô thị và quy định tại Nghị định này.</p>
		<p><b>5. Đồng Nai</b>          Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số nội dung quy định hạn chế khai thác nước dưới đất tại các khu vực đã có nguồn nước</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>

		<p>mặt đảm bảo chất lượng nước thô, trữ lượng để cung cấp nước theo quy định Luật Tài nguyên nước năm 2020 và Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ.</p>	
		<p><b>6. Hải Phòng</b>          Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một số nội dung còn vướng mắc nhưng chưa có quy định xử lý như sau:          - Quy định trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị cấp nước nông thôn đối với các khu vực đã có đơn vị cấp nước nhưng không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, không phù hợp với quy hoạch... cần phải thay thế đơn vị cấp nước mới; quy định hướng dẫn cụ thể về chuyển nhượng vùng phục vụ có liên quan đến hạ tầng phân phối nước đã đầu tư làm cơ sở cho việc chuyển giao, thay thế các đơn vị cấp nước.          - Quy định về xử lý đối với trường hợp nhà máy nước hình thành từ nguồn vốn hỗn hợp gồm ngân sách nhà nước đầu tư theo chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và huy động từ nhân dân đóng góp. Các công trình này đã được giao cho tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng quản lý. Tuy nhiên việc giao quản lý trước đây còn nhiều trường hợp chưa</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          - Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại khoản 5 Điều 19 dự thảo Nghị định.           - Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: lựa chọn đơn vị cấp nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu (khoản 3 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007).          - Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại điều khoản xử lý chuyển tiếp của</p>

		<p>phù hợp quy định (do một số công trình được hình thành đầu tư, hình thành từ trước khi có các quy định); đặc biệt trong quá trình khai thác, một số công trình đã có các tổ chức, cá nhân quản lý tự bỏ kinh phí sửa chữa, nâng cấp thay thế hệ thống xử lý (nhà trạm, thiết bị...), hệ thống phân phối nước để nâng cao chất lượng nước nhưng không có hồ sơ.</p> <p>- Bổ sung tiêu chí đánh giá hoặc giao Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng bộ tiêu chí đánh giá làm cơ sở cho việc kiểm tra hoạt động cấp nước nông thôn; bổ sung chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân cấp nước không đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn, không đảm bảo chất lượng (chất lượng nước, chất lượng dịch vụ..)</p>	<p>Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022)</p> <p>- Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì trong dự thảo Nghị định đã quy định về dữ liệu, báo cáo cấp nước sinh hoạt nông thôn, trong đó bao gồm Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn tại Điều 29 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Đối với tổ chức, cá nhân cấp nước không đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn, không đảm bảo chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, việc xử phạt được thực hiện theo Nghị định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p>
		<p><b>7. Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế</b> Đề nghị bổ sung điều khoản hướng dẫn hạch toán kế toán đối với doanh</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b> Dự thảo nghị định quy định về hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn, do vậy Cơ</p>

		<p>ngành về phân vốn hỗ trợ doanh nghiệp của ngân sách nhà nước. Lý do: chưa có cơ chế tài chính để xử lý nguồn vốn đầu tư công sau đầu tư mặc dù Nhà nước đã bố trí nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ doanh nghiệp đối với các dự án đã quyết toán hoặc đã và đang đầu tư.</p>	<p>quan soạn thảo không bổ sung nội dung quy định về hướng dẫn hạch toán kế toán đối với doanh nghiệp. Việc thực hiện công tác kế toán phải tuân thủ pháp luật về kế toán hiện hành.</p>
		<p><b>8. Bộ Tài nguyên và MT</b>          Đề nghị xem xét bổ sung quy định về phương án giải quyết đối với những công trình cấp nước tập trung đang hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động (chiếm 31,6% công trình cấp nước tập trung đã được đầu tư xây dựng như đã nêu trong dự thảo Tờ trình) và biện pháp phòng ngừa tình trạng nêu trên.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          Việc xử lý đối với những công trình cấp nước tập trung đang hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động đã được quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, vì vậy Cơ quan soạn thảo không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định.</p>
		<p><b>9. Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT</b>          - Dự thảo Nghị định có quy định về chế độ báo cáo tại các Điều 34, Điều 40, khoản 5 Điều 41, đề nghị rà soát, quy định cụ thể về thời gian, tần suất, mẫu...báo cáo theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p><b>Tiếp thu, giải trình:</b>          - Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa tại Điều 30 dự thảo và bổ sung các biểu mẫu báo cáo tại phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định.</p>

		<p>- Điều 41: đề nghị nghiên cứu quy định việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu chung, các cấp thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống để đảm bảo số liệu sống trên phạm vi toàn quốc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong nông nghiệp giai đoạn hiện nay.</p> <p>- Khoản 5 Điều 38 có quy định “Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hỗ trợ kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước cho hộ gia đình theo quy định.”: đề nghị chỉ rõ theo quy định nào để thuận lợi trong quá trình thực hiện.</p>	<p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 31 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa như Điều 28 dự thảo Nghị định.</p>
--	--	---	---

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**